

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Phật Lịch: 2556

NGŨ LỤC
THIỆN SƯ TUỆ CHIẾU
TÔN LÂM TẾ

Biên tập : Thiền sư Tuệ Nhiên

Viết dịch : Tỳ kheo Thiện Hạnh



muaxuannamhaingankhongtrammuoba

LỜI DẪN ĐẦU SÁCH

Vào những năm đầu của thập niên 90, chúng tôi phụ trách giảng dạy cho các khóa Tăng sinh Phật học Viện Cao Đẳng chuyên khoa tại Tổ đình Từ Hiếu. Nhân khi thiết lập bảng Thiền phổ của Thiền sư Tánh Thiên Nhất Định, Tổ khai sơn am An Dưỡng (Thiền phổ hiện đang tôn trí tại Thiền đường, tổ đình Từ Hiếu – Huế), chúng tôi sức nhớ, chư Tăng Ni tại các chùa, các Tổ đình ở Huế, phần lớn đều thuộc hệ phái Lâm Tế, nhưng một số Tăng Ni trẻ chưa có dịp để được tiếp xúc sâu hơn về nguồn gốc tu tập, sinh hoạt của mình.

Có dịp, chúng tôi đã đề nghị Thiền sư Nhất Hạnh nói vài thời pháp thoại cho đại chúng đang học và thiền tập tại Tổ đình Từ Hiếu – Huế, về Tôn Lâm Tế.

Thay vì nói pháp thoại, Thiền sư Nhất Hạnh, lại gửi cho chúng tôi một tập sách nhỏ chữ Hán, chép tay trên khổ giấy A4; có tựa đề: “*Thủ sao Bốn Tôn Lâm Tế Lục*”. Đem đối chiếu với bản “*Trấn Châu Lâm Tế Tuệ Nhiên Thiền sư Ngữ Lục*” tại “*Đại chánh Tân Tu*

Đại Tạng kinh” tập 47, kinh số 1985, thì không khác gì nhau. Thế là chúng tôi phải tự mình đọc, tìm hiểu thêm và mang ra giảng dạy cho các khóa Tăng sinh Cao Đẳng ở đây.

Ngũ lục, là loại thể, cổ văn bạch thoại. Thời bấy giờ, các hàng đệ tử của chư Tổ, đã dùng thể loại văn này để ghi chép lời dạy của thầy mình. Lời dạy của chư Tổ chỉ có phát âm mà không có chữ, nên chúng cũng không có trong các pho tự điển ngày nay.

Hơn nữa, Thiền tôn Đại Thừa chủ trương “*Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền*”. Không lập ra văn tự, không thi thiết nói phô, truyền đạt vô tướng phá chấp. Hễ triệt phá được vọng tâm chấp thủ thì liền thấy rõ chân tánh thanh tịnh viên dung mà thành Phật; không cây nường vào đâu hết, kể cả núi kinh điển, rừng ngôn thuyết, chỉ có giá trị với hàng Nhị thừa, Thanh văn, Duyên giác. Đây là tinh thần thiền Đại Thừa Phật giáo. Ai tu được, nấy nhờ, ai ngộ được, nấy chứng đắc.

Các Tổ sư Thiền có khi hỏi đã không đáp, mà dùng gậy đánh, roi quật, miệng hét như trường hợp Tổ Hoàng Bá và Thiền sư Nghĩa Huyền; có khi đáp, nhưng lời đáp không ai hiểu. Như trường hợp hỏi về Đại ý Tổ sư từ Tây Trúc là gì? Đáp “*Cây tùng trước sân*”; hoặc thế nào là Phật?. Đáp: “*3 cân mè*”.

Cho nên, vừa tìm hiểu, nghiên cứu để mang ra giảng dạy, vừa dịch ra tiếng Việt, chúng tôi thấy dịch Ngũ lục khó hơn dịch kinh rất nhiều.

Tuy vậy, chúng tôi thấy, cũng chưa bằng lòng lắm với sự giảng dạy và dịch thuật về Ngũ Lục Lâm Tế. Nhưng dù sao, chúng tôi cũng đã có dịp gợi nhớ cho mình và Tăng sinh về lối nghệ thuật hướng dẫn thiền tập đặc thù, của Thiền tôn Lâm Tế, để cùng nhau học hỏi thực tập.

Nay đem photocopy cho đóng thành tập sách nhỏ này. Trong đây phần chú thích, chỉ làm sáng tỏ thêm một số thuật ngữ, điển tích Phật giáo, chưa có khả năng bình giảng lời của chư Tổ về thiền đại thừa.

Rất mong được sự quan tâm góp ý. Trân trọng.

Mùa mưa năm Nhâm Thìn – 2012

Tỷ Kheo Thích Thiện Hạnh

NGŨ LỤC

THIÊN SƯ TUỆ CHIẾU¹

TÔ KHAI SÁNG TÔN LÂM TẾ ĐẤT TRẦN CHÂU²



LÂM TẾ NGŨ LỤC

I. TỰA

Thiên Sư Tuệ Chiếu, tông Lâm Tế đất Trần Châu
Diên Khang Đại học sỹ, quan đại phu Kim Tử Quan
Lộc, Vũ Sứ Lộ An, phủ Chân Định, kiêm tổng quản
Mã Bộ Quân Đô, kiêm phủ sứ Tri Thành Đức Quân,
Mã Phòng, biên soạn.

Trên núi Hoàng Bá³,
Tùng bị ăn đòn.
Bên hông Đại Ngu⁴,
Mới biết thoi dằm.
Bà già⁵ lẩm miệng,
Thằng quỷ đái dằm.
Gã phong điên cuồng,
Toan nhổ râu cộp.

Hang núi trông tùng,
Nêu mốc hậu thế.
Lưỡi cuốc chặt đất,
Suýt bị chôn sống.
Khiến kẻ hậu sanh,
Tự vả vào miệng.
Đốt hết sách vở,
Bật dứt nói năng.

Không đến Hà Nam,
Thì về Hà Bắc.
Lâm Tế bên xưa,
Đón đưa qua lại.
Năm chắc yếu quyết,
Vách dựng vạn dặm.
Đoạt người đoạt cảnh⁶,
Đào tạo tài năng.
Ba yếu ba huyền⁷,
Luyện tôi đồ chúng.
Thường ở trong nhà,
Chẳng ra ngoài ngõ.
Vô vị chân nhân,
Vào ra trước mặt.
Hai đường cùng quát,
Khách chủ rõ ràng.
Đồng thời chiếu dụng,
Vốn không trước sau.
Đối tượng hoa ấu,
Hang rỗng dội tiếng.
Diệu dụng khôn cùng,
Chẳng lưu dấu tích.

Phủ áo xuôi Nam,
Danh thơm lòng lẫy.
Hưng Hóa tôn thầy,
Đông Đường hầu hạ.
Bình đồng bát sắt,
Đóng cửa bỏ lời.
Bên cội tùng già,
Dưới đám mây trôi.
Thong dong tự tại,
Nhìn vách chưa lâu.
Nguồn thiền sắp cạn,
Chánh pháp trao ai.
Lừa mù sắp chết.
Viên Giác Tôn Diễn,
Vì muốn lưu thông.
Ngũ lục cho đời,
Nên đem kiểm lại.
Không hề sai sót,
Còn một tiếng “quát”.
Nên toan tính kỹ,
Thiền gia đủ mắt.
Chớ nên lếu láo.

Tuyên Hòa năm Canh Tý⁸ (Tổng Huy Tông, 1120).
Ngày Trung thu, kính cần đề tựa.

II. NGŨ LỤC (ĐỐI TRỊ CĂN CỐ)

Một hôm, quan phủ Thường Thị họ Vương và các quan phủ, cùng nhau cung thỉnh Thiền Sư đăng pháp tòa khai thị. Thiền Sư lên pháp tòa ngồi và nói: “Hôm nay Sơn Tăng tôi vạn bất đắc dĩ, thể tất lời thỉnh cầu của huynh đệ mà lên tòa này. Nếu theo truyền thống tổ tông Thiền, đề xướng việc lớn, thì tôi sẽ không mở miệng nói phô gì được cả, mà quý vị cũng sẽ không biết đặt chân vào chỗ nào. Nhưng, hôm nay, vì quan Thường Thị thỉnh cầu mãi, nên Sơn Tăng tôi đâu dám giấu diếm gì được yếu chỉ của Thiền. Vậy trong đây có ai là chiến tướng, hãy bước ra và phát cờ bày trận, trước đại chúng đề nêu ra một vài chứng cứ thử xem?”

Một vị Tăng đứng lên hỏi: “Đại ý Phật pháp là gì¹?”

Thiền Sư hét.

Vị Tăng lay.

Thiền Sư lại nói: “Ông này xem ra, có thể bàn luận được.”

Vị Tăng khác bước ra hỏi tiếp: “Thiền Sư tuyên dương truyền thống nào và nói tiếp tông phong của ai?”

Thiền Sư đáp: “ngày xưa tôi ở trong hội Hoàng Bá, ba phen thừa hỏi, ba phen đều bị đánh đòn!”

Vị Tăng suy nghĩ, Thiền Sư liền hét. Sau đó Thiền Sư đánh tiếp một hèo và nói:

“Không thể đóng cọc giữa hư không! Hãy đi.”

Có vị tọa chủ hỏi: “Giáo lý Tam Thừa² và mười hai thể tài thuyết giáo³, phải chăng nhằm thuyết minh tánh Phật trong mỗi chúng sinh?”

Thiền Sư đáp: “Cỏ hoang của vườn tâm chúng ta chưa từng được đào xới.”

Tọa chủ hỏi tiếp: “Chư Phật há lại đánh lừa mọi người?”

Thiền Sư hỏi: “Phật ở đâu?”

Tọa chủ không nói được.

Thiền Sư nói tiếp: “Trước mặt quan Thường Thị mà người muốn che mắt lão Tăng ư? Thôi, hãy mau lui ra, lui mau, để chỗ cho người khác hỏi.”

Thiền Sư lại nói: “Thời pháp hôm nay thật trọng đại! Có vị nào muốn hỏi han gì nữa không, hãy mau ra hỏi. Các vị vừa mở miệng ra đã đánh mất mối liên hệ! Tại vì sao? Các vị không nghe Thế tôn dạy rằng, Phật pháp lìa văn tự, ngôn ngữ, nói phô. Không thuộc về nhân, cũng không do duyên. Chỉ vì lòng tin của các huynh đệ chưa rốt ráo. Cho nên ngày nay mới rồi bời lên như vậy. Sơn Tăng tôi e rằng, Thường Thị và các quan viên bị che mắt tánh Phật! Chẳng bằng hãy lui ra!”

Nói xong, Thiền Sư hét⁴ và nói, người ít tín căn chắc không có ngày liễu ngộ. Thôi, đứng đã lâu rồi, xin trân trọng.

Một hôm, Thiền Sư đến Hà phủ, quan Thường Thị họ Vương thỉnh Thiền Sư đăng tòa thuyết pháp. Lúc bấy giờ có thầy tu tên Ma Cốc bước ra hỏi:

- Đức Đại Bi ngàn tay ngàn mắt, con mắt nào là con mắt chính?

Thiền Sư đáp:

- Đức Đại Bi ngàn tay ngàn mắt, con mắt nào là con mắt chính? Hãy nói mau! Nói mau!

Ma Cốc kéo Thiền Sư xuống khỏi pháp tòa rồi bước lên tòa ngồi. Thiền Sư đến gần pháp tòa và nói :

- Không hiểu.

Ma Cốc còn đang lưỡng lự. Thiền Sư kéo Ma Cốc xuống khỏi pháp tòa rồi bước lên tòa ngồi. Ma Cốc đi ra khỏi pháp đường. Thiền Sư cũng rời pháp tòa.

Một hôm, Thiền Sư lên pháp đường và nói:

- Trên khối thịt đỏ, có một chân nhân không ngôi vị, thường cùng các vị ra vào trước mặt, ai chưa từng thấy thì hãy nhìn kỹ xem.

Bấy giờ có một vị Tăng bước ra hỏi:

- Chân nhân không có ngôi vị là gì⁵ ?

Thiền Sư từ thiền sàng bước xuống, nắm chặt tay vị Tăng và nói:

- Ông hãy nói đi! Nói đi!

Vị Tăng đang ngẫm nghĩ, Thiền Sư đẩy mạnh ra và nói:

- Chân nhân không có ngôi vị là gì ư? Cục cứt khô!

Nói xong, Thiền Sư bước xuống tòa, rồi pháp đường về phương trượng.

Một hôm, Thiền Sư lên pháp đường. Một vị Tăng đứng ra lễ bái. Thiền Sư hét, vị Tăng thưa:

- Xin lão Hòa thượng đừng thử thách con.

Thiền Sư nói:

- Ông nói như vậy nhằm ý gì?

Vị Tăng hét.

Lại có vị Tăng hỏi :

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền Sư hét. Vị Tăng lạy. Thiền Sư hỏi:

- Theo ông tiếng hét ấy nên hay không?

Vị Tăng đáp:

- Giặc rầm thua lớn.

Thiền Sư hỏi:

- Khuyết điểm ở chỗ nào?

Vị Tăng thưa:

- Nếu tái phạm thì không tha lần nữa.

Thiền Sư hét.

Một hôm, hai vị chủ tọa hai thiền đường, vừa gặp nhau và đồng thời cất tiếng hét. Hôm sau, một vị Tăng đem việc này trình vấn Thiền Sư:

- Trong trường hợp này có khách có chủ phân minh không⁶ ?.

Thiền Sư dạy:

- Khách chủ rõ ràng.

Thiền Sư lại hỏi:

- Nếu các vị muốn biết về nguyên tắc tâm chủ của Lâm Tế như thế nào, thì hãy hỏi hai vị chủ tọa của hai thiền đường kia.

Nói xong Thiền Sư bước xuống tòa.

Một hôm, Thiền Sư lên giảng đường, một vị Tăng bước ra hỏi:

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền Sư đưa phát trần lên. Vị Tăng hét và bị Thiền Sư đánh một hèo. Lại có một vị Tăng khác hỏi:

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền Sư cũng đưa phát trần lên. Vị Tăng hét. Thiền Sư cũng hét. Vị Tăng đang ngẫm nghĩ, bị Thiền Sư đánh và nói:

- Này đại chúng, phạm người vì Phật pháp thì không nề hà gì tán thân mất mạng. Tôi hai mươi năm trước đây trong hội của Tiên sư Hoàng Bá, ba phen đến hỏi đại ý đích thực của Phật pháp là gì, thì ba phen được Ngài cho thưởng thức hèo, cũng giống như được Tiên sư sờ lên đầu bằng cành ngải cứu. Nay hỏi tưởng lại, tôi còn nhớ lần được Tiên sư đánh đó. Vậy nay, ai có thể giúp tôi sống lại cảnh ấy?

Lúc bấy giờ có vị Tăng bước ra thưa:

- Con đây có thể làm được.

Thiền Sư trao gậy cho vị Tăng. Ông toan đưa tay ra nhận, liền bị Thiền Sư đánh cho một hèo.

Một lần khác, Thiền Sư lên giảng đường, một vị Tăng bước ra hỏi:

- Chuyện đầu lưỡi guom bén là chuyện gì?

Thiền Sư đáp:

- Tai họa lớn! Tai họa lớn!

Vị Tăng ngẫm nghĩ. Bị Thiền Sư đánh cho một hèo.

Một vị Tăng khác hỏi:

- Như có người trong Thạch Thất, suốt ngày đập chày giã gạo, giây phút anh ta quên mất dậm chân

xuống chày, thì anh ta đi đâu?

Thiền Sư nói:

- Chìm vào khe sâu.

Thiền Sư nói tiếp:

- Hễ có người đến, thì tôi sẽ không để cho người ấy bị thiệt thòi. Vì tôi biết chỗ mà từ đó người ấy đến. Nếu đến với tư thế ấy, thì xem như người ấy đã tự đánh mất mình; còn nếu người ấy đến mà không với tư thế ấy, thì khác nào người ấy tự buộc mình bằng không dây. Bởi thế, trong bất cứ thời gian nào các vị cũng chớ nên dẫn đo châm thước buông lung. Hiểu hay không hiểu đều là sai lầm. Tôi nói thẳng ra rõ ràng như vậy đó. Thiền hạ có ai nói năng châm biếm gì tôi, thì cứ tự nhiên. Chúng ta đứng đã lâu rồi. Xin trân trọng.

Một hôm Thiền Sư lên pháp tòa khai thị:

- Một người đứng ở núi cao chót vót, không có lối thoát thân. Một người đứng ở ngã tư đường, cũng không biết xoay sở thế nào? Vậy kẻ nào tới trước, kẻ nào tới sau? Đừng giả bộ làm Duy Ma Cật⁷, cũng chớ đóng vai Phó đại sỹ⁸. Xin tạm biệt.

Thiền Sư lên giảng đường nói:

- Có một người suốt đời ở ngoài đường mà chưa hề rời khỏi nhà, có một người đã lìa nhà cửa nhưng

không ở ngoài đường. Trong hai người này ai là người xứng đáng được sự cúng dường của chư Thiên và loài người? Nói xong Thiền Sư bước xuống.

Thiền Sư lên giảng đường, có vị Tăng hỏi:

- Câu nói thứ nhất là gì⁹?

Thiền Sư đáp :

- Ấn tam yếu nhắc ra, điểm son rõ

Không hề lưỡng lự, chủ khách phân

Vị Tăng hỏi tiếp:

- Câu thứ hai là gì?

Thiền Sư đáp:

- Diệu giải ngại gì, câu vấn đáp

Cơ quan thi thiết, chẳng ngăn dòng

Vị Tăng hỏi:

- Câu thứ ba là gì?

Thiền Sư đáp:

- Hãy xem tượng gỗ đùa trên gác

Lôi kéo đều do người ở trong

Thiền Sư lại nói tiếp:

- Một câu nói phải đầy đủ ba huyền môn¹⁰, một huyền môn phải đủ ba yếu. Phải có quyền có dụng.

Này các vị lãnh hội thể nào? Dạy xong Thiền Sư bước xuống tòa.

Vào một buổi chiều, trong giờ tham vấn, Thiền Sư khai thị:

- Có khi đoạt người không đoạt cảnh, có khi đoạt cảnh không đoạt người. Cũng có khi người và cảnh đều đoạt. Cũng có khi người và cảnh đều không đoạt¹¹.

Bấy giờ có vị Tăng hỏi:

- Đoạt người không đoạt cảnh là thể nào?

Thiền Sư đáp: “ Nắng lên gấm trải khắp mặt đất
Hài nhi tóc rử trắng như tơ”.

Vị Tăng hỏi tiếp:

- Đoạt cảnh không đoạt người là thể nào?

Thiền Sư đáp:

“Lệnh vua truyền xuống khắp nhân gian
Tướng quân biên ngoại khói mây tan”.

Vị Tăng hỏi:

- Người và cảnh đều đoạt là thể nào?

Thiền Sư đáp: “Biên phần hai quận mất liên lạc
Dân chúng một mình một cõi riêng”.

Vị Tăng hỏi:

- Người và cảnh đều không đoạt là thế nào?

Thiền Sư đáp: “Vua lên bảo điện

Ông già hát ca”.

Thiền Sư khai thị tiếp rằng: “Ngày nay người học Phật pháp, cốt yếu là cầu được kiến giải chân chánh. Khi đã có kiến giải chân chánh, thì không còn bị nhiễm sanh tử nữa, đi ở tự do, không cầu mong được pháp thù thắng mà pháp thù thắng tự đến.

Này các huynh đệ, như các Tiên đức từ xưa đến nay, đều có một con đường để hướng dẫn con người giải thoát. Theo chỗ chỉ dẫn của Sơn Tăng tôi thì các huynh đệ cốt yếu là không nên để người khác mê hoặc. Nếu các huynh đệ thấy phải thì hãy thực tập đi, không nên ôm mối nghi ngờ. Như ngày nay, các người học Phật, không biết được bệnh của mình là từ chỗ nào mà có. Bệnh là từ chỗ mình không có tự tín. Nếu các huynh đệ không đủ tự tín, thì sẽ dẫn tới chỗ hoang mang, rong ruổi, đuổi bắt ngoại cảnh, bị ngoại cảnh xoay chuyển. Nên mất hết tự do. Nếu các huynh đệ chấm dứt được tâm niệm lúc nào cũng rong ruổi tìm cầu, thì sẽ được cùng với chư Phật, chư Tổ không khác.

Các huynh đệ có muốn biết chư Phật chư Tổ là ai không? Chư Phật chư Tổ, chính là các huynh đệ đang ngồi nghe pháp trước tôi nói. Người học Phật đức tin không thấu đáo, lại hướng ngoại tìm cầu, cho dù tìm cầu có được một cái gì chẳng nữa, thì đó chỉ là cái

hình thái đẹp đẽ của văn tự mà không phải là ý tưởng sống động của chư Tổ. Chớ lầm!

Các vị Thiên đức, nếu đời này mà không gặp được chư Phật chư Tổ, thì vạn kiếp muôn đời sau, sẽ bị luân hồi trong ba cõi, rong ruổi theo ngoại cảnh dễ chịu, dễ rồi tiếp tục phải sanh vào bụng trâu lừa có ngày.

Các huynh đệ, theo cái biết của Sơn Tăng tôi, thì các vị có khác gì với đức Thích Ca đâu. Hôm nay, trong các sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, có thiếu thốn điều gì? Sáu đạo thần quang¹² của các huynh đệ chưa từng ngưng chiếu tỏa. Nếu ai thấy được như vậy, thì sẽ suốt đời là người vô sự¹³.

Vậy các huynh đệ ba cõi bất an như ngồi trong nhà lửa. đây không phải là nơi để các vị ở lại lâu. Quý vị thường chỉ trong khoảnh khắc, không chọn lựa người già trẻ, quý tiện. Nếu huynh đệ muốn được cùng chư Phật chư Tổ chẳng khác, thì chỉ cần đừng hướng ngoại tìm cầu. Trong mỗi tâm niệm mà phát ra được ánh sáng thanh tịnh, thì đó là pháp thân Phật, ở ngay trong nhà của các vị, ánh sáng vô phân biệt phát ra từ tâm niệm của quý vị, chính là báo thân Phật đang ở trong nhà quý vị, ánh sáng bình đẳng vô phân biệt phát ra từ mỗi tâm niệm của quý vị, chính là hóa thân Phật ở ngay trong nhà quý vị.

Ba loại thân này, không gì khác ngoài các vị đang đứng nghe pháp đây. Chỉ vì không hướng ngoại tìm cầu, nên mới được công dụng như vậy. Căn cứ theo các nhà chú giải kinh luận, đi tìm ba loại thân này

như là những tiêu chuẩn tuyệt đối. Nhưng theo chỗ thấy biết của Sơn Tăng tôi thì không phải như vậy, mà ba loại thân ấy chỉ là danh ngôn và cũng chỉ là ba chỗ nương tựa bám víu mắc kẹt mà thôi. Người xưa từng nói *“Thân ở ý nghĩa mà lập. Độ dựa vào bản thể mà luận bàn”*. Vậy thì, thân của pháp tánh, độ của pháp tánh, rõ ràng chỉ là quang ánh.

Các huynh đệ, các vị nên nhận thức rằng, người hay nắm bắt, đùa giỡn được với quang ánh ấy, đó là nguồn gốc của chư Phật. Đối với họ, nơi nào cũng là chốn trở về của người thiền tập. Sắc thân tứ đại của các vị, không biết nói pháp, không biết nghe pháp, tỷ vị gan mật của các vị không biết nói pháp và nghe pháp. Vậy thì cái gì biết nói pháp, nghe pháp? Đó chính là cái sáng rực, rõ ràng không chút mây may hình tướng trước mặt các vị đấy. Chính cái đó biết nói pháp, nghe pháp vậy. Nếu thấy được như vậy, thì các vị cùng với chư Phật không khác gì cả vậy chỉ cần trong tất cả mọi thời gian, phải miên mật và không để gián đoạn, thì hễ chạm mắt đến đâu là thấy ngay đến đó.

Chỉ vì chúng sanh tình thức khởi sinh nên trí tuệ bị ngăn cách. Chỉ vì tri giác biến đổi nên chân thể sai thù. Cho nên mới có sanh tử luân hồi trong ba cõi sáu đường, chịu nhiều khổ đau, theo chỗ thấy biết của Sơn Tăng tôi thì không có gì là không thâm diệu, không có gì là không giải thoát.

Vậy các huynh đệ, các pháp của tâm thì không hình tướng, nhưng thông suốt mười phương, nơi mắt

là cái thấy, nơi tai là cái nghe, nơi mũi là cái ngửi, nơi miệng là cái đàm luận nói năng, nơi tay là cái nắm cầm, nơi chân là cái chạy nhảy, tất cả từ một thứ tình minh sáng suốt nhưng phân làm sáu công dụng hòa hợp (sáu hòa hợp: sáu căn + sáu trần hòa hợp). Ở đâu tâm ý không sinh khởi, thì chỗ đó cũng là giải thoát. Như vậy Sơn Tăng tôi nói cái gì và ý nghĩa ở đâu? Hồi các vị huynh đệ, cứ rong ruổi tìm cầu, tâm ý chưa chấm dứt nên mới bị kẹt vào danh ngôn mà cô nhân hàng cảnh báo.

Này các huynh đệ, hãy thử theo chỗ thấy của Sơn Tăng tôi, (ngồi yên mà) hãy chặt đứt những cái đầu của báo thân, hóa thân Phật; hãy nhận thức rằng, hàng Bồ tát trong thập địa, chỉ là người nhận khách làm con, quả vị trong Đẳng giác, Diệu giác như người mang gong cùm, các vị La hán, Bích chi đều như hổ xí, Bồ đề, Niết bàn như cọc buộc lừa. Tại sao vậy? Bởi vì các vị chưa thông được cái không ba a tăng kỳ kiếp. Cho nên các vị phải gặp nhiều chướng ngại.

Nếu là tu chân chính, thì không như vậy. Chỉ tùy nhân duyên giúp đỡ mà tiêu sạch nghiệp cũ, thanh thân áo mặc xiêm, cần đi thì cứ đi, muốn ngồi thì cứ ngồi. Trong lòng một niệm không khoảnh khắc mong cầu Phật quả.

Tại sao? Người xưa dạy rằng, nếu muốn tìm Phật bằng cách tạo tác, thì Phật đó trở thành một triệu chứng lớn của sanh tử.

Chư huynh đệ, thời giờ thật quý báu, nếu các vị cứ lằng xằng bôn ba qua nhà lằng giềng để học thiền học

đạo, tìm câu tìm chữ, cầu Phật cầu Tổ, cầu thiện tri thức... thì thật luống công phu, chi bằng hãy dừng lại. Chớ có lầm lạc nữa. Các huynh đệ, các vị ai nấy đều có một cha mẹ, vậy thì đi tìm cầu cái gì nữa? Các vị hãy tự xem lại mình. Người xưa từng nói *“Diễn Nhã Đạt Đa¹⁴ ngỡ đã mất đầu, nhưng khi tâm tìm cầu đã dừng lại, thì ông ta liền đạt đến vô sự”*.

Chư huynh đệ, hãy giữ tâm ý bình thường, không nên bồn ba lảng xãng, làm bộ làm tịch. Có một số thầy tu, không phân biệt được đâu là điều tốt, đâu là điều xấu, nói mình thấy quỷ thấy thần, chỉ đông vạch tây, cầu mưa cầu tạnh. Bọn người như vậy sẽ không thoát khỏi nợ đã vay. Có ngày trước mặt Diêm vương nuốt hoàn sắt nóng. Các người nam nữ, con nhà lương thiện, sẽ bị bọn tinh ma quỷ sứ mê hoặc, tác oai tác quái. Có ngày nào đó bọn này cũng sẽ phải trả lại tiền cơm tiền áo, không sao tránh khỏi.

Thiền Sư khai thị chúng rằng:

“Các huynh đệ, điều cốt yếu là cầu được kiến giải chân chính¹⁵, để dọc ngang trong thiên hạ mà không bị bọn tinh ma quỷ mị kia mê hoặc. Người vô sự là quý, đừng tạo tác, hãy giữ cho đời sống bình thường. Nếu chư huynh đệ muốn hướng ngoại tìm cầu, toan tính việc này việc nọ, là các vị đã lầm rồi vậy.

Các huynh đệ, muốn cầu Phật ư? Phật chỉ là danh từ suôn. Các vị có biết kẻ đi tìm cầu là ai không? Các Phật các Tổ ba đời từ xưa đến nay, chỉ đi tìm cầu Pháp. Ngày nay các vị tham thiền học đạo, cũng chỉ để cầu Pháp. Được Pháp rồi mới thôi, nếu chưa được

thì cũng chỉ như trước mà luân hồi sanh tử trong năm thú.

Pháp là gì? Pháp là các pháp của tâm. Pháp của tâm thì hình tướng, nhưng thông suốt cả mười phương hiển hiện trước mắt. Chỉ vì các vị chưa đủ tín tâm mới nhận câu nhận chữ, bám vào văn tự mong cầu đạt được pháp Phật, thì quả như trời đất cách xa vời vợi.

Các huynh đệ, Sơn Tăng tôi nói Pháp, là Pháp gì? Đó là pháp tâm địa, để từ đó, người ta có thể vào phàm vào thánh, vào tịnh vào uế, vào chân vào tục. Điều cốt yếu là đừng nên đem cái chân cái tục cái phàm cái thánh nơi quý vị, mà đặt tên lập danh cho tất cả cái chân cái tục cái phàm cái thánh. Vì cái chân tục phàm thánh đích thực cùng với cái chân tục phàm thánh do người ấn lập tên gọi, không hề giống gì nhau cả.

Các huynh đệ, nắm bắt được then chốt ấy thì hãy sử dụng ngay đi, chớ nên chấp chặt vào danh dự. Đó là ý chỉ mẫu nhiệm.

Các huynh đệ, Pháp của Sơn Tăng tôi nói ra, cùng với Pháp của mọi người trong thiên hạ rất khác nhau. Dù cho có Văn Thù, Phổ Hiền đều xuất hiện trước mặt, mỗi vị hiện mỗi thân đến đây hỏi Pháp, vừa mở miệng thừa Hòa Thượng là Sơn Tăng tôi đã có thể biết ngay họ là ai. Khi lão Tăng này ẩn cư ở đây, nếu có huynh đệ nào đến gặp nhau thăm hỏi, Sơn Tăng tôi cũng nhận ra người đó ngay. Tại sao? Bởi vì cái thấy của tôi rất khác: ngoài không kẹt vào phàm thánh,

trong không trụ vào một nguyên tắc căn bản nào; vì vậy, cái thấy ấy thông suốt, chẳng có gì nghi lâm.

Thiền Sư khai thị:

Này các huynh đệ, Phật pháp không có chỗ dụng công, chỉ cần giữ tâm lý bình thường vô sự. Đi đại đi tiểu, mặc áo ăn cơm, mệt đi nằm. Người ngu chê cười ta, kẻ trí hiểu ta. Người xưa nói, *“hướng ngoại tạo công phu, đều là hạng ngu si”*. Các huynh đệ, hãy tùy nơi mà làm chủ, nơi nào cũng là chân, cảnh đều lay chuyển cũng chẳng động. Dù cho tập khí ngàn xưa tạo năm nghiệp vô gián cũng đều thành biển cả giải thoát.

Người học đạo ngày nay phần nhiều không biết pháp, chẳng khác gì con dê, gập gù ăn nấy; tứ thầy không rõ, khách chủ bất phân. Những hạng người như vậy, chỉ là những kẻ mang tà tâm mà vào đạo, sẵn sàng vào chôn ồn ào huyên náo, không thể được gọi là người chân chánh xuất gia, mà chỉ là người thế tục. Hễ là người xuất gia chân chánh phải có chánh kiến bình thường, phân biệt đâu là Phật đâu ma, đâu chân đâu ngụy, đâu thánh đâu phàm. Nhận thức được như vậy mới thật là người chân chánh xuất gia. Nếu không phân biệt được ma với Phật thì chỉ xuất một nhà này để lại vào một nhà khác, gọi là chúng sanh tạo nghiệp mà chưa được gọi là xuất gia. Ngày nay lại có một loại hiện tượng gọi là Phật ma, đồng một thể không phân biệt, như nước với sữa hòa lại, chỉ có ngỗng chúa mới uống được sữa (chừa nước lại). Các huynh đệ có con mắt sáng, thì hãy đánh nhào cả ma

lẫn Phật. Các huynh đệ, nếu các vị còn thích thánh ghét phàm, thì sẽ còn bị chìm nổi trong biển sanh tử.

Hỏi: Thế nào là Phật? Thế nào là ma?

Thiền Sư đáp: Trong tâm các vị mà có một tư tưởng nghi ngờ thì đó là ma. Nếu các vị thấy được tính vô sanh của các pháp, tâm như huyền hóa, lại không một mảy may hiện tượng nào thật có, đâu đâu cũng thanh tịnh, thì đó là Phật. Tuy nhiên, người ta thường nghĩ rằng, Phật và ma là hai cảnh giới nhiễm tịnh khác nhau. Theo chỗ thấy của Sơn Tăng tôi thì không có Phật không có chúng sanh, không có xưa không có nay, đạt được thì đạt ngay, không cần phải qua thời gian, không tu không chứng, không được không mất. Trong tất cả mọi thời gian không riêng có một pháp nào khác biệt. Giá bằng có một pháp nào khác hơn thế nữa, thì ta cũng chỉ nói pháp đó là huyền hóa là hư vọng. Đó là những gì mà Sơn Tăng tôi muốn nói.

Này các huynh đệ, ngay trước mặt tôi đây rõ ràng là những người đang nghe pháp, là những người không hề vướng mắc vào bất cứ đâu cả, thông suốt cả mười phương, tự tại trong ba cõi, đi vào các cảnh giới sai khác mà không bị trở ngại. Trong thời gian nháy mắt có thể thông nhập các pháp giới, gặp Phật nói chuyện Phật, gặp Tổ bàn chuyện Tổ, gặp La Hán luận chuyện La Hán, gặp Nga quỉ nói chuyện Nga quỉ. Hướng tới khắp nơi, rong chơi khắp quốc độ, giáo hóa khắp chúng sanh mà chưa từng rời một niệm:

Đâu đâu cũng thanh tịnh, soi sáng thấu mười phương, thấy được các pháp nhất như.

Này các huynh đệ, là bậc đại trọng phu thì phải nhận thức được sự thật xưa nay vô sự. Chỉ vì các vị, niềm tin chưa thấu đáo, mỗi niệm tâm rong ruổi tìm cầu, bỏ đầu, lại tìm đầu, mà chưa từng tự dừng lại được.

Các hàng Bồ tát viên đốn, hiện thân đi vào pháp giới, hướng về tịnh độ, chán phàm thích thánh. Như vậy là các vị này vẫn còn vướng vào sự nắm bắt chưa quên được thủ xả, lòng còn chấp tịnh chấp uế. Theo kiến giải của thiền tông thì không phải như vậy mà phải trực nhận ngay bây giờ, không cần chờ đợi thời gian nào nữa cả. Cái mà Sơn Tăng tôi nói là tất cả đều phải đang xảy ra như thuốc và bệnh cùng trong một lúc chữa trị cho nhau. Ngoài ra không có cái gì gọi là thật cả. Đạt được sự thấy biết như vậy mới gọi là xuất gia chân chánh, xứng đáng hàng ngày tiếp thọ phẩm vật cúng dường giá trị trăm ngàn lượng vàng.

Này các huynh đệ, đừng kẹt vào thứ bậc mà bị các lão sư đó dây ấn chứng phi pháp rồi rêu rao nói rằng, ta là người hiểu thiện, hiểu đạo, biện luận thao thao như thác đổ. Những người như vậy đều là kẻ tạo nghiệp địa ngục mà thôi. Nếu người học đạo chân chánh, thì không tìm tòi lỗi lầm của người thế gian, mà cần thiết là đạt đến kiến giải chân chánh. Đạt được kiến giải chân chánh thì công mới thành tựu vậy.

Hỏi: Thế nào là kiến giải chân chính?

Thiền Sư đáp: Kiến giải chân chánh là thấy được tính cách thành trụ hoại không của các pháp, khi các vị đi vào phạm thánh nhiễm tịnh, đi vào các quốc độ chư Phật bất kỳ ở đâu, đi vào lâu các Di lạc, đi vào pháp giới của đức Tỳ lô giá na.¹⁶

Kiến giải chân chánh là thấy các tướng không đến không đi, không sanh không diệt của các hiện tượng xuất thế thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết bàn của Đức Phật.

Kiến giải chân chánh là thấy được rành mạch tướng không của các pháp, rằng không một pháp nào có thật. Khi các vị vào pháp giới vô sinh, rong chơi khắp các quốc độ và đi vào thế giới Hoa Tạng.

Kiến giải chân chánh là thấy được rằng, chính con người không cần chỗ tựa (vô y đạo nhân) đang nghe pháp đây, chính là cha mẹ chư Phật. Vì sao? Vì chính các đức Phật đều do chỗ không nương tựa mà phát sanh. Nếu ngộ được tính chất vô y này thì cũng thấy được rằng Phật cũng vô đắc. Thấy được như vậy là kiến giải chân chính. Người học đạo không hiểu, cho nên chấp danh chấp cú, mà bị các danh từ thánh phạm làm trở ngại, làm cho mắt đạo bị che lấp nên không thấy được thực tại rõ ràng phân minh. Đến như mười hai thể tài của giáo lý, cũng chỉ là những biểu hiện làm sáng tỏ thực tại mà thôi. Người học đạo không lĩnh hội, lại hướng về danh cú để tìm cầu kiến giải. Như vậy, chỉ là người đi tìm nơi bám víu nương tựa, làm cho mình rơi vào vòng nhân quả, không thoát được sinh tử luân hồi trong ba cõi.

Nếu các huynh đệ muốn tự do đi lại trong sanh tử, thì ngay bây giờ hãy nhận diện cho được con người đang nghe pháp đây, tuy vô hình tượng, không căn không bản không trú xứ nhưng hoạt bát linh động khắp nơi, có thể thì thiết ra muôn vàn diệu dụng nhưng công dụng nào đều cũng vô trú. Bởi thế hễ khởi niệm tìm thì càng xa cách, khởi tâm cầu thì càng sai trái. Gọi nó là điều bí yếu.

Vậy các huynh đệ, các vị chớ nên nhận cái mộng huyền là bạn, bởi vì sớm muộn gì nó cũng trở về vô thường. Các vị hướng về cái gì trong thế giới này để tìm cầu giải thoát? Chỉ cần một bát cơm, một manh áo độ nhật, ngoài ra phải dành hết thời gian cho việc tìm cầu thiện tri thức học đạo, thiền quán, chớ để uổng mất ngày giờ, đuổi bắt vui chơi. Thời gian thật quý hiếm, mỗi niệm lại vô thường; Thô thì 4 đại (địa, thủy hỏa, phong) doanh vây, tế thì 4 cảnh (sanh, trụ, dị, diệt) bức bách. Các vị bây giờ phải nhận diện 4 cảnh là vô tướng, để không bị lôi kéo.

Hỏi: Bốn cảnh vô tướng là 4 cảnh nào?

Thiền Sư đáp:

Trong lòng một niệm nghi ngờ khởi lên, là các vị đang bị “đất” làm chướng ngại.

Trong lòng một niệm tham ái khởi lên là các vị đang bị “nước” làm chướng ngại (nhận chìm).

Trong lòng một niệm sân hận khởi lên, là các vị đang bị “gió” làm chướng ngại.

Nếu các vị nhận ra lẽ ấy thì sẽ không bị các cảnh làm lay chuyển. Ở bất cứ nơi đâu các vị cũng có thể sử dụng được hoàn cảnh. Nổi lên ở phương Đông thì lặn xuống ở phương Tây, nổi ở phương Nam thì chìm xuống phương Bắc, nổi lên ở phía bên thì lặn xuống ở phía giữa. Đi trên nước như đi trên đất, đi trên đất như đi trên nước. Do đâu mà được vậy? Vì do đạt tới sự nhận thức 4 đại như huyền như mộng vậy.

Này các huynh đệ, người đang ngồi nghe pháp đây không phải là 4 đại cảnh của các vị, người đó đang sử dụng được 4 đại mà 4 đại không thể sử dụng được người đó. Nếu nhận thức được như vậy là đạt tới chỗ đi ở tự do. Theo chỗ thấy biết của Sơn Tăng tôi thì chúng ta chớ nên hiềm ghét một pháp nào cả. Nếu huynh đệ thích Thánh ư? Thánh ấy chỉ là danh từ Thánh. Có một số người học đạo muốn leo lên núi Ngũ Đài¹⁷ để tìm ngài Văn Thù? Tôi e làm vậy là sai lầm rồi. Trên núi Ngũ Đài không có Văn Thù. Các vị có muốn biết đức Văn Thù không? Văn Thù là chỗ diệu dụng ngay trước mặt các vị mà thôi, trước sau không khác, không chỗ nghỉ ngơi. Đó chính là đức Văn Thù sống động. Ánh sáng vô phân biệt. Ở mỗi niệm trong tâm các vị, chiếu sáng tới đâu thì đức Phổ Hiền hiện ra tới đó. Mỗi niệm trong tâm các vị mà không bị trói buộc, chỗ nào cũng tự do thì đó là tam muội của Bồ Tát Quán Thế Âm vậy, mới có khả năng học kinh giáo.

Thiền Sư dạy chúng:

Người học đạo ngày nay, điều cốt yếu là phải đạt

hiều niềm tin vào chính mình, chớ nên hướng ngoại tìm cầu. Nếu không như vậy mà chỉ nhàn du theo cảnh trần thì làm sao phân biệt được đâu là tà đâu là chánh. Nếu nghĩ rằng có Phật có Tổ thì đó chỉ là dấu tích trong kinh giáo. Nếu có người nào đưa ra một lời một câu từ trong kinh, dù ẩn dù hiện thì mình sanh tâm nghi ngờ, so sánh thế này thế kia, rồi hỏi han, đặt nghi vấn, tìm câu tham vấn người này người khác, nhưng càng tham vấn thì càng thêm rối rắm, mù tịt. Phàm là kẻ đại trượng phu thì chớ nên luận chủ luận tớ, nói phải nói quấy, luận sắc luận tài, suốt năm dài tháng chỉ nhàn đàm những chuyện không đâu. Sơn Tăng tôi trong lúc này không thể luận Tăng luận tục và nếu có ai đến thì tôi biết rõ gốc gác người ấy, biết rõ từ đâu đến. Nếu có đưa ra âm thanh, danh từ văn cú tôi đều thấy chỉ là mộng huyễn. Hãy từ bỏ cái thấy của người nương cảnh. Đó là huyền chỉ của chư Phật.

Cảnh giới của Phật, không bao giờ tự xưng mình là cảnh giới của Phật. Trái lại chính người học đạo vô y, mới đạt được cảnh giới này.

Nếu có người đến hỏi tôi về cảnh giới Phật tôi liền hiện ra cảnh thanh tịnh; có người đến hỏi tôi về cảnh giới Bồ Tát, tôi liền hiện ra cảnh từ bi; có người đến hỏi tôi về Niết Bàn, tôi liền hiện ra cảnh tịch tịnh. Cảnh thì có muôn vàn thù biệt, mà người thì không. Cho nên, ứng vật mà hiện hình, như ánh trăng dưới nước.

Này các huynh đệ, nếu các vị muốn đạt được pháp chân như thì phải có tính khí của một vị đại trượng

phu, còn nếu cứ lòng khùng yếu đuối thì không bao giờ thành được. Cũng như cái bình đã nứt rạn thì không thể chứa đựng đồ hồ¹⁸. Như bậc đại khí thì phải cương trực thẳng thắn không để kẻ khác mê hoặc, lường gạt, đến đâu mình cũng phải làm chủ, đứng chỗ nào mình cũng là chân thật. Nếu có người đến mình cũng không bị ảnh hưởng. Các vị nếu khởi lên một niệm nghi, là ma vương đã thâm nhập. Bồ Tát mà khởi niệm nghi hoặc là cơ hội tốt cho ma sanh tử. Phải nỗ lực chấm dứt vọng niệm, không hướng ngoại tìm cầu, khi cảnh vật xuất hiện biết quán chiếu. Hãy tin vào diệu dụng đang có của tâm thì thấy được vô sự. Trong tâm các vị mỗi niệm có khả năng sinh ra ba cõi, rồi tùy duyên mà cảnh bị phân ra làm 6 trần. Chỗ ứng dụng của các vị trong hàng ngày, đang thiếu thôn cái gì? Trong thời gian một sát na, các vị có thể đi vào tịnh vào nhiễm, vào lâu các Di Lặc, vào các cõi nước ba mắt, rong chơi cùng khắp mà đâu cũng chỉ thấy cái danh suôn rộng.

Hỏi: Các cõi nước ba mắt là gì?

Thiền Sư đáp: Tôi và các huynh đệ đi vào cõi nước tịnh diệu, mặc áo thanh tịnh, nói về pháp thân Phật, lại đi vào cõi nước vô sai biệt, mặc áo vô sai biệt, nói về báo thân Phật, lại đi vào cõi nước giải thoát, mặc áo Quang Minh, nói về hóa thân Phật. Đó là cõi nước ba mắt. Cõi nước ba mắt này nương vào nhau mà biến hiện. Theo các nhà chú giải kinh luận thì pháp thân là căn bản, báo thân và hóa thân là dụng. Theo cái thấy của Sơn Tăng tôi thì pháp thân không

biết thuyết pháp. Vì vậy cổ nhân nói rằng, thân nương vào ý nghĩa mà lập, còn độ thì căn cứ vào thể mà luận. Thân của Pháp tánh độ của Pháp tánh như thế rõ ràng là Pháp được thành lập. Các cõi nước cũng như vậy, tất cả chỉ là nắm tay không và mớ lá vàng, dùng để dối lừa trẻ thơ.

Nào là lông quả Tật lê¹⁹, gai trái ấu, toàn là những chuyện vẩn vơ như đi tìm nước trên đốt xương khô. Bên ngoài tâm không có pháp nào trong tâm cũng không có pháp. Như vậy các huynh đệ đi tìm cái gì?

Các huynh đệ đầu đầu cũng nghe nói đến đạo rằng có tu có chứng. Chớ làm lẫn! Giá như có tu chứng chẳng nữa thì đó cũng chỉ là nghiệp sanh tử mà thôi. Các vị thường bảo, lục độ vạn hạnh cũng tu. Tôi thấy điều là tạo nghiệp địa ngục. Cầu Bồ Tát cũng là tạo nghiệp. Xem kinh học tập giáo lý cũng là tạo nghiệp. Chư Phật chư Tổ đều là những vật vô sự. Cho nên hữu lậu hữu vị, vô lậu vô vị đối với các vị ấy điều là nghiệp Thanh tịnh.

Có một số người đầu hói, mù lòa, ăn cơm xong, liền ngồi xuống, thực tập thiền quán, đè nén vọng niệm không cho dậy khởi, ghét nơi ồn ào, thích chốn thanh tịnh. Đây chỉ là Pháp môn của ngoại đạo. Một số vị Tổ sư dạy, có người chú tâm để quán chiếu cái tịnh, dùng tâm để quán chiếu bên ngoài hay nhiếp tâm lắng lại bên trong, ngừng tâm vào định. Những người như vậy đều đang tạo tác cả. Như vậy, ngày nay các vị đang cùng với những người ngồi nghe pháp. Các vị làm sao để có thể tu, có thể chứng, có

thể trang nghiêm? Con người của các vị không thể tu, không thể chứng, không thể trang nghiêm. Nếu dạy người ta trang nghiêm được thì tất cả cái gì mà không trang nghiêm được? Chớ nhầm!

Các huynh đệ, nếu các vị cứ chấp lấy những lời từ cửa miệng của các bậc thầy cao niên và cho đó là chân đạo, là bậc thiện tri thức, bất khả tư nghi. Còn ta là kẻ phàm phu, không dám đem tâm so lường các tôn túc ấy. Nếu nghĩ như vậy thì quả các vị là người đui mù vậy. Vì đó là những thành kiến mà đeo đẳng suốt đời. Như vậy thật cô phụ đôi mắt của chính mình! Chẳng khác nào như con lừa con đứng run rẩy lập cập trên lớp băng lạnh mỏng manh. Tôi không giám hủy báng các bậc thiện tri thức, sợ e phải mang khẩu nghiệp.

Các huynh đệ, phải thật sự là bậc đại thiện tri thức, mới dám thốt lời hủy Phật hủy Tổ, thị phi thiên hạ, bài báng ba tạng giáo điển, la mắng trẻ thơ, có như thế trong hoàn cảnh thuận nghịch mới tìm được người. Sở dĩ như vậy mà tôi đã mười hai năm qua, tìm cho ra được một cái gì đó có tính chất nghiệp báo, cho dù chỉ bằng hạt cát mà không tìm đâu ra được. Nếu như các vị tâm Thiền Sư như các cô dâu mới về nhà chồng, nơm nớp lo sợ bị đuổi ra khỏi tu viện, không cho cơm ăn. Những kẻ như vậy không bao giờ có an lạc. Từ xưa tới nay, các bậc tiền bối đến nơi nào cũng bị người ta không tin và xua đuổi. Có như vậy mới là quý. Còn đi đến đâu ai cũng được tin nhận cả thì làm được việc gì. Vì vậy cho nên một khi con sư tử rống

lên là các con đã can đều long não.

Các huynh đệ, đâu đâu người ta cũng nói rằng có đạo để tu, có pháp để chứng. Các vị hãy nói cho tôi nghe có pháp để chứng là pháp gì? Có đạo để tu là tu đạo gì? Trong sinh hoạt hàng ngày, các vị đang thiếu thốn cái gì? Tu bỏ chỗ nào? Thế mà có mấy ông thầy tuổi còn nhỏ, chưa lãnh hội ý đạo thâm hậu lại cứ chạy theo bọn chồn hoang tinh my, mặc cho bọn này huynh hoang nói ra những điều làm trói buộc người khác. Họ nói rằng “*lý và hành phải tương ứng, giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh mới được thành Phật*”. Họ nói mãi những lời như vậy chẳng khác chi những hạt mưa phùn mùa xuân.

Cổ nhân thường nói: “*Đi giữa đường gặp người đạt đạo, tốt nhất là chớ nên nói đạo với họ.*”

Lại có người nói rằng:

Nếu cố ý tu đạo, đạo sẽ không để cho ta tu.

Muôn màu cảnh vật tà vạy tranh nhau sinh khởi

Gương trí tuệ mỗi khi vùng ra, thì sẽ không còn một vật nào hiện nữa.

Bên sáng còn chưa xuất hiện, bên tối đã sớm trở thành sáng.

Sở dĩ vì vậy mà cổ nhân dạy rằng, “*Tâm bình thường ấy là đạo*”

Này các huynh đệ, các vị đang tìm cái gì?

Chính ngay trong giây phút này, các vị đang ngồi

nghe Pháp trước mặt tôi đây rõ ràng môn một, các vị không cần nương tựa vào đâu nữa cả. Các vị còn thiếu thốn gì nữa mà phải tìm tòi.

Các huynh đệ, các vị có muốn được cùng với chư Phật chư Tổ không khác gì nhau không? Quý vị phải thấy đúng như sự thật của các Pháp đừng sai lầm nữa. Cứ như thế, mà tâm không thay đổi thì các vị là vị Tổ sống. Nếu tâm mà có khác, thì tánh và tướng có phân biệt làm hai. Tâm nếu không khác thì tánh và tướng không phải khác nhau vậy.

Hỏi: Cái chỗ không khác của tâm là gì?

Thiền Sư đáp: Các vị vừa hỏi là đã có sẵn sự phân biệt rồi, tánh và tướng đều đã rõ ràng phân minh.

Này các huynh đệ, chớ có lầm lẫn. Các pháp thế gian và xuất thế gian đều không pháp nào tự tánh, cũng là vô sinh tánh. Chúng chỉ là hư danh, cái tên cũng là trống không. Thế thì tại sao các vị cứ nhận cái tên sông kia làm thật? Lầm lớn rồi đó!

Giả sử có chẳng nữa, thì đó cũng đều là những cảnh tượng vướng vào nhau mà biến hóa. Cho dù Bồ đề, Niết bàn giải thoát, Tam thân, Cảnh trí, Bồ tát, hay Phật đều nương tựa vào nhau mà biểu hiện. Như vậy các huynh đệ, tìm cầu cái gì trong cái quốc độ nương tựa vào nhau mà biểu hiện này? Cho đến tam thừa, mười hai thể tài thuyết giáo cũng chỉ là giấy loại mà thôi. Phật là thân huyễn hóa, Tổ là ông Tỷ kheo già. Các vị có phải do mẹ mình sinh ra không? Các vị đi tìm Phật thì sẽ bị con ma Phật nhiếp phục, đi tìm

Tổ sẽ bị ma Tổ trói buộc, hễ các huynh đệ càng tìm cầu là càng khổ, chỉ bằng vô sự là hơn hết.

Có một số các vị Tỷ kheo, nói với các người học đạo rằng, đức Phật là cứu cánh. Trải qua ba đại a Tăng kỳ kiếp tu hành đến khi công viên quả mãn mới thành chánh giác. Các huynh đệ, nếu nói Phật là cứu cánh thì có sự gì mới được tám mươi năm, đã phải nằm nghiêng giữa hai cây Sala tại thành Câu Thi La mà chết? Phật nay ở đâu? Cho nên biết rõ ràng rằng, ta và Phật sinh tử cũng không khác. Các huynh đệ cho rằng ba mươi hai hướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là Phật ư? Vậy thì Chuyển luân Thánh Vương²⁰ cũng là Phật sao? Cho nên biết rằng tất cả điều là huyền hóa. Người xưa nói rằng:

*“Nhu Lai mang thân tướng,
Vĩ thuận tình thế gian.
Sợ người sanh đoạn kiến,
Mà tạm lập hư danh.
Giả nói ba hai tướng,
Tám mươi vẻ đều không.
Có thân phi giác thể,
Vô tướng mới chân tình”.*

Các huynh đệ, các vị nói Phật có 6 thần thông²¹ là bất tư nghị ư? Vậy thì chư thiên, thiện thần, tiên, A tu la, đại lực quỷ cũng có thần thông. Vậy, họ cũng là Phật sao?

Các huynh đệ, chớ có lầm! Khi A tu la, đem binh

đánh nhau với vua trời Đế Thích; thua trận họ dẫn nhau tám ngàn quyến thuộc cùng nhau chun vào các lỗ nhỏ li ti của cọng sen mà ẩn núp. Đó chẳng phải là Thánh sao? Như những gì mà Sơn Tăng tôi đưa ra đều là thần thông của nghiệp và thần thông của sự nương tựa (nghiệp thông, y thông).

Sáu pháp thần thông của Phật thì không như vậy. Đức Phật vào cảnh giới của “Sắc” mà không bị “Sắc” mê hoặc, vào cảnh giới của “Hương” mà không bị “Hương” mê hoặc, vào cảnh giới của “Thanh” mà không bị “Thanh” mê hoặc, vào cảnh giới của “Vị” mà không bị “Vị” mê hoặc, vào cảnh giới của “Xúc” mà không bị “Xúc” mê hoặc, vào cảnh giới của “Pháp” (ý tướng) mà không bị “Pháp” mê hoặc. Sở dĩ được như vậy là do đã đạt tới chỗ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và Pháp đều là không tướng, không hề trói buộc được người tu hành không bám víu (vô y đạo nhân). Vì những người tu hành này, tuy vẫn còn mang thân hình bằng các chất liệu hữu lậu của năm uẩn, nhưng đã có thể thực hiện các phép lạ thần thông đi trên mặt đất.

Này các huynh đệ, Phật chân thật thì vô hình, Pháp chân thật thì vô tướng. Tại sao các vị lại nương vào trên cái huyền hóa mà tạo tác hình tướng để nắm bắt? Giả sử có chăng nữa, cũng chỉ là bọn chồn hoang tinh my, chẳng phải là Phật chân chính, mà chỉ là cái kiến giải của ngoại đạo. Phàm là người học đạo chân thật, thì không chấp vào Phật, tốt đẹp không chấp vào Bồ Tát vào La Hán, không chấp vào những gì thù

thắng trong 3 cõi. Người ấy riêng mình được thông dong giải thoát, không bị sự vật dụ cho trôi buộc. Trời đất nghiêng ngửa, thì tôi cũng chẳng hề có một nghi hoặc nào làm chướng ngại. Dù cho mười phương chư Phật có xuất hiện trước mặt, thì tôi cũng không khởi một thoáng vui mừng; dù cho địa ngục và ba đường dữ xuất hiện, thì tôi cũng không khởi một chút sợ hãi. Vì sao? Vì tôi đã thấy được cái tướng không của các pháp. Khi các pháp biểu hiện thì có, khi không biểu hiện thì không có. Ba cõi đều do tâm, vạn pháp đều do thức. Cho nên tất cả chỉ là mộng huyễn là hoa đóm giữa hư không. Có gì mà phải nhọc công tìm cầu nắm bắt!

Chỉ có con người thật của các người đang nghe pháp ngay trước mắt các vị đây, mới là người mà đi vào lửa không bị lửa thiêu, vào nước không bị nước làm chìm, vào ba đường dữ vào địa ngục, như dạo chơi chốn công viên, vào ngạ quỷ và súc sanh mà không phải thọ báo. Tại vì sao vậy? Vì các vị không hề tỵ hiềm bất cứ điều gì. Nếu các huynh đệ còn đề tâm yêu thánh ghét phàm, thì sẽ còn bị chìm nổi trong biển sanh tử. Phiền não do tâm mà có. Nếu vô tâm thì phiền não trôi buộc cái gì? Không nhọc công phân biệt chấp tướng, thì trong khoảnh khắc có thể đạt đạo quả.

Các huynh đệ, nếu cứ bồn ba sang nhà lán giềng tìm người học đạo cho được, thì dù có trải qua ba a Tăng kỳ kiếp, rốt cuộc rồi cũng trở về sanh tử mà thôi. Chỉ bằng làm con người vô sự, trở về chốn tông lâm,

xếp bằng ngòi tĩnh lặng.

Các huynh đệ, giả như có người học đạo từ các nơi đến đây tham học. Sau khi chủ khách vừa trông thấy nhau, khách buột miệng nói ra một câu mở đầu mang tính thăm dò vị thiện tri thức đang đối diện trước mình; đoạn ông ta ném ra một câu hiểm hóc vào khốe miệng vị thiện tri thức, ý muốn hỏi: Thầy có hiểu cái này không? Nếu vị thiện tri thức biết được đó là một đối tượng (cảnh), thì ông ta sẽ nắm ngay và ném nó vào hổ. Lúc bấy giờ ông ta, người đến tham học, sẽ thấy lại được thái độ tầm thường và sau đó xin vị thiện tri thức nói cho một lời. Vị thiện tri thức sẽ làm như trước đã làm, và sẽ chặt đứt được ý niệm tìm kiếm mới này. Lúc bấy giờ, người đến tham học nói rằng: Thầy là một vị thượng căn thượng trí, là người đại thiện tri thức. Vị thiện tri thức liền nói: ông thật là người không biết phân được cái gì tốt cái gì xấu.

Hoặc vị thiện tri thức có thể đưa ra một đối tượng (cảnh) trước mặt và đùa bỡn với kẻ cầu học. Nếu người cầu học có khả năng nhận diện được rõ ràng, đó chỉ là một đối tượng, để không bị cái đối tượng đó chi phối và dần dần trở nên tự thế ông chủ, không bị cảnh vật (đối tượng) làm mê hoặc. Vị thiện tri thức hiện nửa thân, vị học đạo liền hết. Vị thiện tri thức lại sử dụng tất cả mọi thứ ngôn ngữ sai biệt để tấn công. Vị học đạo nói, ông già sói đầu này không phân biệt được cái gì tốt cái gì xấu. Vị thiện tri thức khen ngợi rằng: *“ngươi rõ thật là một người tu học chân chánh”*.

Khắp nơi các vị thiện tri thức không có khả năng phân biệt được đâu tà đâu chánh. Người học đạo đến hỏi về cảnh trí Bồ đề, Niết bàn và Ba thân. Các vị sư già mù lòa này vì người hỏi mà giải thích. Bị những người hỏi đạo chê trách họ dùng gây đánh nói rằng kẻ vô lễ. Thật ra, các vị không nên giận hờn họ, vì làm thầy nhưng chưa có con mắt tuệ đó thôi.

Có một bon sói đầu, không biết phân biệt đâu là điều tốt đâu là điều xấu, mà cứ chỉ Tây vạch Đông, ưa mưa thích tạnh, khen chiếc đèn lồng kia đẹp, cái trụ kia xinh. Cứ xem lông mày có bao nhiêu sợi thì có đủ bấy nhiêu thứ để nói ra này nọ. Những có sự như vậy, không phải là không có nguyên do. Kẻ học đạo không lãnh ngộ được nên tâm trí cuồng loạn. Những hạng người như vậy đều là chồn hoang tinh my. Bị những người học đạo chân chánh, khúc khích chê cười, nói rằng, bọn thầy tu già sói đầu mù lòa làm mê hoặc mùi đời.

Các huynh đệ, người xuất gia trẻ, thì cần thiết phải học đạo. Như Sơn Tăng tôi ngày xưa đã từng quan tâm đến giới luật, cũng đã từng nghiên cứu kinh luận. Sau này tui mới biết đó là những phương thuốc cứu đời được diễn bày qua lời nói mà thôi. Cho nên Sơn Tăng tôi đã nhất thời vứt bỏ được tất cả để đi tìm thầy học đạo tham thiền. Sau đó gặp được đại thiện tri thức, mắt đạo sáng ra, mới thấy được rõ ràng, nhận được ai thật sự là vị tôn túc trong thiên hạ ai là tà ai là chánh. Cái thấy biết như vậy không phải từ khi cha

mẹ mới sinh ra đã có, mà do sự luyện tập mài dũa, thể nghiệm và nghiêm tâm rồi một ngày kia tự mình chứng ngộ.

Này các huynh đệ, các vị nếu muốn được sự kiến giải đúng như sự thật thì chỉ cần một điều duy nhất là chớ để người ta mê hoặc. Hướng vào bên trong hay quay ra bên ngoài, hễ gặp cái gì thì hủy diệt ngay cái ấy. Gặp Phật thì giết Phật, gặp Tổ thì giết Tổ, gặp La Hán thì giết La Hán, gặp cha mẹ thì giết cha mẹ, gặp quyền thuộc thì giết quyền thuộc, như vậy mới giải thoát. Đừng để cho sự vật trói buộc, ta mới ung dung tự tại.

Như người học đạo ở nhiều nơi chưa có một ai đến đây mà không mang theo một cái gì đó mà họ bám víu. Sơn Tăng tôi hễ nhận ra cái đó là đánh liền. Họ diển đạt cái đó bằng tay thì tôi đánh vào tay, diển tả bằng miệng thì tôi đánh vào miệng, họ diển tả cái ấy bằng mắt thì tôi đánh vào mắt. Chưa từng có ai đến đây mà chứng tỏ có độc lập tự do, tất cả điều vướng kẹt vào cái cảnh suôn của người xưa. Sơn Tăng tôi chưa hề đưa ra một pháp nào để hướng dẫn cho người cả. Tất cả chỉ là tùy thời mà chữa bệnh và tùy phương mà cởi trói mà thôi.

Các huynh đệ các nơi, giả sử các vị đừng nương vào bất cứ một vật gì cả mà tới đây. Tôi muốn bàn bạc với các vị. Từ mười lăm năm nay, tôi chưa gặp một con người nào cả, mà chỉ gặp toàn là những bóng ma gửi hương vào cỏ tựa vào lá, vào tre vào gỗ, những con chồn hoang đang gặm nhấm trong những

đồng phân. Thật là một lũ mù, tiêu hao phẩm vật của mười phương thí chủ cúng dường. Những người này tự cho mình là những xuất gia trẻ, mà kiến giải như vậy đó, thật là đáng tiếc! Tôi muốn nói với quý vị rằng, không có Phật, không có pháp, không có tu, không có chứng, không có cái gì hết. Quý vị đi tìm, cầu cái gì nơi người khác? Quý vị thiếu thốn cái gì? Thật là một đám người mù! trên đầu lại đội thêm một cái đầu khác!

Này các huynh đệ, ngay bây giờ trước mặt quý vị, cái diệu dụng của quý vị không khác gì diệu dụng của Phật của Tổ. Chỉ vì các vị chưa đủ niềm tin nên mới tìm cầu bên ngoài. Các vị chớ lầm, bên ngoài không có pháp nào để tìm, bên trong cũng không có pháp gì để chứng. Xin các vị hãy nghe lời Sơn Tăng, hãy nghỉ ngơi đi và thực tập làm người vô sự. Cái gì đã phát khởi đừng để tiếp tục phát khởi, cái gì chưa phát khởi đừng để nó phát khởi. Nếu thực hành được như vậy còn hơn cả mười năm đi hành cước²².

Theo chỗ thấy của Sơn Tăng tôi không như nhiều người khác thì quý vị chỉ cần giữ cho tôi cuộc sống bình thường được thì tốt, bận áo, ăn cơm, ngày này qua ngày khác là một người vô sự. Các vị từ các phương về đây ai cũng đều là người có tâm cầu phật, cầu pháp, cầu được giải thoát, cầu xuất ly tam giới. Hỡi những người ngu si! Cầu ra khỏi ba cõi thì các vị đi đâu? Phật và Tổ đều chỉ là danh từ dùng để trói buộc chính mình. Các huynh đệ có muốn biết ba cõi là gì không? Ba cõi chính là đất tâm của quý vị,

những người đang nghe pháp đây, trong giây phút này. Nếu một niệm tham dục của quý vị dấy khởi, đó là cõi dục. Nếu một niệm sân hận của quý vị dấy khởi thì đó là cõi sắc; Nếu một niệm si mê của quý vị dấy khởi thì đó là cõi vô sắc. Những cái ấy là bàn, ghế, chiếc giường đầy đủ trong ngôi nhà của các quý vị. Ba cõi không bao giờ tự nói chúng tôi là ba cõi, mà trái lại, chính quý vị đang có mặt ở đây trong cái thế tinh minh sáng chiếu muôn vật, độ người khắp thế giới, và an lập cho ba cõi, mỗi cõi một tên.

Này các vị Đại đức, sắc thân bốn đại này là vô thường, kể cả tì, vị, mật, tóc, lông, răng, ta thấy toàn là tướng không của các pháp. nếu ta chấm dứt được các ý niệm của tâm, thì đó là cõi Bồ đề. Nếu không ngừng được các ý niệm của tâm thì đó là cây vô minh. Vô minh không có chỗ trú, vô minh không có chỗ bắt đầu và chung kết. Nếu các vị không làm ngưng được các ý niệm sẽ leo lên cây vô minh, đi vào sáu đường và qua bốn cảnh thọ sinh để mang lông đội sừng. Còn nếu các vị làm ngưng được các tâm niệm thì sẽ đạt được thế giới của pháp thân thanh tịnh. Nếu các vị đạt được trạng thái nhất niệm không sanh khởi thì các vị leo lên cây bồ đề thần thông biến hóa trong ba cõi, sử dụng được hóa thân sinh ra từ ý (ý sanh thân) đạt được thiên duyệt pháp hỷ, hào quang tự thân sáng chiếu. Nghĩ tới các mặt thì sẽ có muôn ngàn lớp áo mặc, nghĩ tới cái ăn thì sẽ có muôn ngàn hảo vị để ăn và không bao giờ lâm bệnh ngặt nghèo. Bồ đề không có chỗ ở, có nên gọi là vô đắc. này các huynh đệ là bậc đại trượng phu thì còn nghi ngờ gì nữa? Cái diệu

dụng đang diễn ra trước mắt là ai vậy? Nắm bắt nó để sử dụng, đừng kẹt vào danh tự, cái đó gọi là tông chỉ màu nhiệm. Hễ người nào thấy được như thế, người đó sẽ không bị bất cứ một cái gì làm trở ngại.

Người xưa nói: *“tâm tùy vạn cảnh mà đổi thay, cái đổi thay này chẳng có gì khác lạ, hãy theo cái đổi thay đó để nhận ra tự tánh của mình, nhận ra rồi không mừng cũng không lo”*.

Này các huynh đệ, theo kiến giải của thiền tông thì sự sống chết chỉ là sự tuần hoàn trong vũ trụ. Người học thiền thì phải hết sức chín chắn trong khi tham vấn. Như khách và chủ gặp nhau tức phải có những lời qua tiếng lại. Hoặc ứng hiện những vật có hình tướng khác nhau hoặc sử dụng toàn thân để đối phó hoặc có khi thì nắm bắt phương tiện có quyền như mừng giận, hoặc hiện nửa thân hoặc ngồi trên lưng sư tử, voi chúa... Như có người học đạo chân chính, người này hét lên một tiếng hoặc đưa ra một cái bầy (chậu keo) trước mặt vị thiện tri thức. Nếu vị thiện tri thức không nhận ra cái cảnh ấy lại nương vào cảnh ấy, đặt ra đủ loại mô hình này nọ thì vị học đạo kia lại có thể hét lên nữa. Thiện tri thức này nếu chưa chịu buông bỏ thì đây là một loại bệnh nan y. Đây là trường hợp khách kháng chủ. Hoặc vị thiện tri thức không đưa ra được biểu tượng nào hết cứ đợi người học đạo đưa ra vấn đề, để tùy đó mà đoạt phá. Người học đạo tuy bị tước đoạt tất cả, nhưng cam chịu, chết chẳng buông tha. Đó là trường hợp chủ kháng khách. Hoặc giả có người học đạo, trước một vị thiện tri thức,

đưa một cảnh thanh tịnh. Vị thiện tri thức nhận diện được đối tượng ấy đoạn nắm lấy mà quăng nó xuống hầm sâu. Học nhân lại nói: *“thật tài năng thay vị thiện tri thức!”* vị thiện tri thức liền quát rồi nói *“ ôi chao! ông thật là người không biết tốt không biết xấu.”* vị học nhân cúi đầu lễ bái đây gọi là chủ khán chủ.

Hoặc giả có người học nhân như mang gông đeo cùm, đến trước vị thiện tri thức. Vị thiện tri thức liền cho mang thêm một lớp gông cùm nữa. Vị học nhân lúc bấy giờ rất vui vẻ. Bên này bên kia không phân biệt được ai là ai, trường hợp này gọi là khách kháng khách. Nay các Đại đức, Sơn Tăng tôi vừa đưa ra chỉ là để các vị nhận diện được ma quái, phân biệt được tà chánh.

Này các huynh đệ, chân lý khó đạt, Phật pháp sâu xa màu nhiệm, cũng có khả năng đạt đến kiến giải. Sơn Tăng tôi ngày này qua ngày nọ đã thuyết giảng và đánh phá, nhưng mọi người có ai chịu để ý đâu. Ngàn lần vạn lượt, bước chân cứ giẫm mãi vùng đất lợ lem ẩm thấp, chưa hề nhận ra được một cái gì khả dĩ rõ ràng chiếu sáng. Chỉ vì học nhân bắt cấp trong niềm tự tin, cho nên cứ mãi miết đi tìm kiến giải qua văn cú chữ nghĩa. Đã nửa đời người đi qua, mà chỉ làm phiền hà cho người khác, khiến thân ma của chính mình, như một gánh nặng mà đi trong cõi đời e sẽ phải trả nợ tiền giày dép có ngày!

Này các vị Đại đức Sơn Tăng tôi nói bên ngoài không có pháp gì để mà tìm cầu. Học nhân không

lãnh hội nên trở lại quay về tìm cầu bên trong bằng cách quay mặt vào tường mà ngồi, lưỡi ghì vào nóc cuống họng, lặng yên bất động, cho đó là pháp môn của Phật của Tổ. Thật đã lầm to! Nếu các vị cho cái cảnh bất động thanh tịnh là phải thì các vị đã nhận cái vô minh kia là ông chủ rồi! Người xưa nói rằng: *“lặng lặng là cái hầm sâu đen ngòm, thật là dễ sợ”*. Nếu các vị nhận cái động là đạo, thì hết thảy các loài cây, cỏ, hoa, lá đang lay động ngoài kia cũng là đạo cả sao? Cho nên động là phong đại, không động là địa đại. Động và chẳng động đều không có tự tánh. Nếu các vị muốn tìm bắt nó trong cái động thì nó lại đứng trong cái tịnh, nếu các vị tìm nó trong cái tịnh thì nó sẽ đứng trong cái động. Giống như con cá trong dòng suối đang vỗ sóng mà tự vọt lên. Nay các Đại đức, động và bất động chỉ là hai loại cảnh giới, chỉ có bậc đạo nhân bị vướng kẹt bên này bên kia thì có thể sử dụng được cả động và bất động.

Như có người học đạo từ nhiều phương đến đây. Sơn Tăng tôi đối với các vị này sẽ dùng ba phép quyết đoán để đối phó với ba loại căn khí. Như nếu có các vị mà căn khí được mức trung bình đến, thì tôi sẽ đoạt cảnh mà không đoạt pháp của họ. Nếu có người có căn khí trên trung bình đến, thì tôi sẽ đoạt cả cảnh và pháp của họ. Nếu người có căn khí bậc thượng thượng đến, thì tôi sẽ không đoạt cảnh, không đoạt pháp và cũng không đoạt người. Nếu người có kiến giải vượt trội đến, thì Sơn Tăng tôi sẽ sử dụng toàn thể tác dụng để đối phó mà không cần biết học nhân có căn khí nào.

Này các vị Đại đức trong trường hợp này, pháp lực của học nhân sẽ không đề cho gió, đá, lửa và điện quang có thể vượt qua pháp lực của mình được. Học nhân chỉ trong một nháy mắt là đã để mất đi sự tương giao, chỉ cần khởi lên một niệm là đã đi vào những sai trái. Người học đạo có hiểu được hay không cũng chỉ trong thời gian trước mắt.

Này các vị Đại đức, các vị mang bát, mang sách và mang ruột chứa đầy phần uế đi tới nhà này, nhà kia tìm cầu Phật pháp, quý vị có biết ai là người đang đi tìm cầu ấy không? Đó là một người sống động linh hoạt, không vướng mắc vào đâu, gom thì không tụ, tung vãi thì không tan, tìm thì càng lúc càng xa, tìm thì có ngay trước mắt. Âm thanh của nó đang vọng vào tai các vị. Nếu người không đủ đức tin thì thật uổng phí một cuộc trăm năm.

Này các vị huynh đệ, trong một khoảnh khắc sát na là đã có thể đi vào thế giới Hoa Tạng, đi vào cảnh giới của Phật Tỳ Lô Giá Na, đi vào các quốc độ của giải thoát, của thần thông, của thanh tịnh, đi vào pháp giới, đi vào uế, vào tịnh, vào phàm, vào thánh, dù khắp nơi cũng không tìm kiếm được cái gì ngoài sanh tử.

Tất cả chỉ là hư danh, huyễn hóa, hoa đóm giữa hư không, không đáng gì để phải nhọc công tìm bắt. Bây giờ ta sẽ buông bỏ được hết mọi thứ đắc thất thị phi.

Này các vị huynh đệ, Phật pháp của Sơn Tăng được truyền thừa chính thống, từ các Hòa thượng Ma Cốc²³, Đạo Nhất, Đơn Hà²⁴, Lô Sơn và Thạch Đầu²⁵,

cứ thẳng một đường mà truyền đi khắp thiên hạ. Nhưng vì chưa ai tin nhận được, nên ai cũng sinh lòng nhạo báng. Như chỗ ý chỉ của Tổ Đạo Nhất là thuần nhất không hỗn tạp. Mà năm ba trăm người học đều không lĩnh hội được ý tứ của Tổ. Như ý chỉ của Tổ Lô Sơn, tự tại chân chánh, nắm vững được hai chiều thuận nghịch, các đệ tử cũng không lường được đâu là bờ mé, nên ai cũng đâm ra hoang mang. Như Tổ Đơn Hà, đùa bỡn với hạt châu khi ẩn khi hiện, người cầu học tới, ai cũng bị Tổ la rầy quở trách. Như hành tung của Tổ Ma Cốc, thì đặng như vô cây Hoàng Bá, ai đến gần cũng không được. Còn bí quyết của Tổ Thạch Củng là tìm người trên đầu mũi tên, ai đến cũng đều sợ hãi.

Còn cách hành xử của Sơn Tăng tôi, là thành hoặc chân thực, đùa bỡn thần biến với tất cả mọi cảnh huống khắp nơi, ở đâu cũng giữ được tâm vô sự, cảnh không đoạt được tôi. Hễ có người đến tìm cầu, tôi liền ra nhìn người ấy. Kẻ ấy không nhận ra tôi, tôi bận vào vài cái áo. Người ấy nhìn thấy áo mà tâm sanh kiến giải, vướng kẹt vào danh cú tôi. Thương thay cho những người mê muội, không có mắt, cứ dựa vào cái áo tôi mặc mà nhận là tôi, cho tôi là hoặc vàng, hoặc xanh, hoặc đỏ, hoặc trắng. Thấy thế tôi cởi bỏ hết áo ra, để lộ ra cái áo thanh tịnh. Các học nhân thấy thế tâm sanh vui mừng ưa muốn. Tôi lại cởi bỏ luôn cái áo thanh tịnh ấy. Bây giờ học nhân thấy mất nơi nương tựa, tâm sanh hoang mang lo sợ, bỏ chạy và nói rằng: tôi trần truồng không có áo. Tôi bèn nói với họ rằng, các vị có biết con người mặc áo

trong tôi là ai chưa? Bỗng nhiên người ấy ngoái đầu lại và nhận ra tôi.

Này các Đại đức, đừng có kẹt vào cái áo. Cái áo là bất động, chỉ có con người năng động mới mặc áo. Có cái áo thanh tịnh, có cái áo vô sanh, có cái áo Bồ đề, có cái áo Niết bàn, có cái áo Phật, có cái áo Tổ.

Này các Đại đức, nếu tất cả những cái đó chỉ là âm thanh, danh tự, văn cú, thì tất cả chỉ là những chiếc áo được biểu hiện ra. Có nghĩa là do sự kích động hơi, từ huyết khí hải dưới rốn đi lên, làm cho hàm răng chuyển động phát ra tiếng lách cách thành câu, thành ý; nên biết rõ rằng, những thứ đó đều là huyền hóa.

Này các Đại đức, bên ngoài phát ra âm thanh ngôn ngữ, bên trong thì biểu hiện các tâm tư làm phát sinh ý niệm, tất cả đều chỉ là những loại áo. Nếu các vị cứ nhận cái áo mặc kia làm kiến giải chân thật và cứ tiếp tục như thế thì tu hành có trải qua muôn vàn kiếp nhiều như vi trần cũng chỉ là hết bận áo này đến bận áo khác, chưa hề thoát được luân hồi sanh tử, chẳng bằng chỉ làm người vô sự. Gặp nhau mà không biết nhau, nói chuyện với nhau mà không biết tên nhau.

Người học đạo ngày nay, sở dĩ không thành công là vì cứ nhận lầm danh tự làm kiến giải. Họ ghi chép lại những câu nói, những lời lẽ của những ông già đã chết vào trong một cuốn sách lớn, trịnh trọng cất dấu trong bốn năm lớp túi vải, không cho ai thấy, và cho đó là truyền chỉ, cần bảo trọng. Thật là lầm lớn! Này những kẻ đui mù kia, trong những mảnh xương khô, làm sao tìm cho ra nước?

Có một số người không biết được thể nào là tốt, xấu. Từ trong giáo lý rút ra những huyền đàm hý luận, chế tác thành văn cú nghĩa lý. Khác nào đi bỏ vào trong miệng những cục phân mà ngậm, rồi lại nhả ra mớm cho người khác. Chẳng khác gì thể gian chơi trò truyền miệng cho nhau. Oan uổng cho một đời luống qua! Thế mà cũng bảo rằng, ta là người xuất gia. Đến khi bị người ta chất vấn về Phật pháp, thì ngậm miệng chẳng nói được lời nào. Đôi mắt trợn trừng, miệng thì xệ xuống méo xẹo. Những hạng người như vậy, dù có gặp Đức Phật Di Lặc ra đời chẳng nữa, thì cũng bị đày đi thế giới khác, hoặc cho xuống địa ngục để nhận quả báo khổ đau.

Các huynh đệ, các vị cứ chạy lăng xăng khắp nơi tìm kiếm cái gì? đến nỗi đôi bàn chân của các vị bành ra như thế! Phật có đâu mà tìm, Đạo cũng không có để thành, Pháp cũng có đâu mà đắc. Phật với những tướng tốt mà các vị đi tìm không có giống như các vị. Các vị muốn biết bản tâm của mình, thì phải thấy đức Phật với mình không hợp cũng không ly.

Này các huynh đệ, chân Phật thì không có hình, chân Đạo thì không có thể, chân Pháp thì vô tướng. Cả ba pháp ấy dung hợp lại thành một. Ai không thấy được điều này, thì đều coi là chúng sanh với nghiệp thức mang mang chẳng chịt.

Hỏi: Chân Phật là gì? Chân Pháp là gì ? và chân Đạo là gì? Xin Thiền Sư khai thị²⁶ cho chúng con.

Thiền Sư đáp: Chân Phật là sự thanh tịnh của tâm. Chân Pháp là sự sáng suốt của tâm và Chân Đạo là

ánh sáng thanh tịnh vô ngại khắp mọi nơi. Ba tức là một, đều là danh từ suôn không thật có. Nhưng muốn làm một người học đạo chân chánh thì phải duy trì chánh niệm về ba đối tượng ấy cho miên mật. Như Đạt Ma Sư Tổ²⁸, từ Tây Ấn Độ sang đây, chỉ là để tìm cho được một con người không bị người khác mê hoặc. Về sau, gặp Tổ thứ hai, Tuệ Khả²⁷; chỉ một lời nói thôi, ngài đã giúp cho Tổ Tuệ Khả thấy được rõ ràng, tất cả các công phu trước đó đều là vô dụng. Theo chỗ kiến giải của Sơn Tăng tôi thì chúng ta cùng với chư Phật Tổ không khác gì cả. Nếu hiểu ngay được câu đầu thì ta trở thành bậc thầy của Tổ và Phật. Nếu đến câu thứ hai mới hiểu được thì ta có thể trở thành thầy của loài người và loài trời. Còn đến câu thứ ba mới hiểu được thì tự cứu mình cũng còn chưa được.

Hỏi: Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang đây có ý gì?

Thiền Sư đáp: Nếu có ý thì tự cứu mình cũng không xong.

Hỏi: Nếu không có ý thì làm sao Tổ thứ hai đắc pháp?

Thiền Sư trả lời: Đắc tức là vô đắc.

Hỏi: Đã nói vô đắc, thì ý của vô đắc là gì?

Thiền Sư đáp: Vì các huynh đệ, cứ đem tâm rong ruổi tìm cầu khắp nơi mà không biết ngừng lại. Sở dĩ vì vậy mà Tổ mới nói: “*Ôi! Kẻ trượng phu kia, sao lại đem đầu đi tìm đầu?*” Ngay từ bây giờ sau khi nghe câu nói này mà tự hồi quang phản chiếu lại, soi

sáng chính mình thì sẽ chẳng muốn tìm cầu cái gì khác nữa, và biết rằng, thân và tâm mình chẳng khác gì thân và tâm của Phật của Tổ, thì ngay từ giờ phút này đạt tới trạng thái vô sự tức là đắc pháp vậy.

Này các Đại đức, Sơn Tăng tôi hôm nay, vạn bất đắc dĩ mà nói ra nhiều lời thiếu tao nhã. Các Đại đức chớ nên hiểu lầm tôi. Theo chỗ biết của tôi thì không có đạo lý gì để thuyết giảng ở đây cả. Nếu cần làm gì thì cứ làm, không thì cứ nghỉ ngơi.

Các Đại đức, khắp các nơi, người ta nói lục độ, vạn hạnh và cho đó là Phật pháp. Còn tôi thì đây chỉ là những phương tiện để trang nghiêm, để làm Phật sự mà chưa phải là Phật pháp; cho đến trì trai giữ giới, bung một bát dầu đầy, đừng để chao động rơi ra ngoài giọt nào...tất cả các công hạnh đó không có khả năng làm cho con mắt đạo các vị sáng ra được, thì cuối cùng phải trả nợ tiền cơm nước không tránh. Vì sao? Vì vào đạo mà không thông lý. Luân hồi trả nợ tín thí. Trưởng giả tuổi tám một. Cây khô thôi sanh mộc nhĩ³⁰.

Dù cho các vị ở một mình trên chóp núi, ngày ăn một bữa, ngồi thiền mãi không nằm, mỗi ngày 6 thời²⁹ chuyên cần thực tập, tất cả các công phu ấy cũng chỉ người tạo nghiệp. Dù cho các vị có đem bố thí cả quốc thành thê tử, đầu, mắt, tủy, mũi, voi ngựa bảy báu, đều đem bố thí hết. Tất cả việc làm ấy, rốt cuộc cũng chỉ làm đau đớn thân tâm, đem về quả báo khổ đau. Tất cả đều không bằng một người vô sự, thuần nhất không tạp loạn. Cho dù các vị Bồ Tát đã đi

qua 10 địa, sử dụng hết tâm tình để đi tìm tung tích của các huynh đệ mình có đời sống vô sự như vậy cũng không tìm được. Sở dĩ vì vậy cho nên được chư thiên ca tụng, được địa thần nâng gót chân, được chư Phật trong 10 phương xưng tán. Vì có gì mà được như vậy? Vì các vị tu tập như vậy đang ngồi nghe pháp đây, đã không hề để lại tung tích gì.

Hỏi: Đức Phật Đại Thông Trí Thắng³¹, ngồi trong Đạo Tràng suốt mười kiếp mà Phật Pháp không biểu hiện trước mắt và không thành đạt được Đạo. Chưa hiểu được ý này thế nào? Xin Thiên Sư chỉ dạy.

Thiên Sư đáp: “*Đại Thông*” có nghĩa tự mình ở đâu cũng đạt tới được sự thật vô tánh vô tướng của vạn pháp. “*Trí Thắng*” có nghĩa là ở bất cứ đâu cũng không có nghi hoặc, cũng không thấy mình có đắc bất cứ một pháp gì. “*Phật*” có nghĩa là sự thanh tịnh của tâm, ánh sáng ấy của tâm thanh tịnh, thấu suốt được cùng pháp giới. “*Mười kiếp ngồi tại Đạo Tràng*” là 10 ba la mật. “*Phật Pháp không biểu hiện trước mắt*” có nghĩa là Phật vốn không sanh, Pháp vốn không diệt, thì làm sao mà biểu hiện trước mắt. “*Không được thành Phật đạo*”, có nghĩa là Phật đâu có cần thành Phật. Cổ nhân nói: “*Phật luôn luôn có mặt ở thế gian mà không hề bị thế gian pháp làm ô nhiễm*”.

Này các huynh đệ, nếu các vị muốn làm Phật thì không nên tùy thuộc vào vạn vật. Hễ tâm sanh thì mọi pháp sanh, tâm diệt thì mọi pháp diệt. Một tâm không sanh thì vạn pháp không hại được mình.

Trong thế gian và ngoài thế gian đều không có

Phật không có Pháp. Không thật sự có trong giây phút hiện tại và cũng sẽ không có trong mai sau. Dù cho có cái gì đi nữa thì đó cũng chỉ là danh ngôn chương cú; chỉ có tác dụng tiếp dẫn bọn trẻ con mà thôi. Như thiết lập thuốc là phương tiện để chữa bệnh. Biểu hiện danh cú cũng chỉ có tác dụng đó. Hơn nữa, danh cú cũng chỉ là danh cú, tự mình không có thực dụng. Chính sự có mặt của các vị hôm nay đang nghe pháp đây, rõ ràng chính là các vị đang bày đặt ra các danh cú vậy.

Này các Đại đức, phải tạo ra năm nghiệp vô gián, mới được giải thoát.

Hỏi: Thế nào là năm nghiệp vô gián.

Thiền Sư đáp: Năm nghiệp vô gián là giết cha, giết mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng đoàn, thiêu đốt kinh tượng. Đó là năm nghiệp vô gián.

Hỏi: Thế nào là cha?

Thiền Sư đáp: Cha ở đây có nghĩa là vô minh. Nếu các vị dù chỉ trong khoảnh khắc, mà ngưng được sự tìm cầu, cái sinh khởi cái hoại diệt của các pháp như tiếng vang giữa hư không; trong trường hợp nào cũng vô sự được thì đó là quý vị đã giết được cha, có nghĩa là đã giết được vô minh.

Hỏi: Thế nào là mẹ?

Thiền Sư đáp: Mẹ có nghĩa là sự tham ái. Nếu các vị trong khi đi vào cõi Dục để tìm cầu đối tượng của lòng tham ái, mà dù cho chỉ trong chốc lát, thấy được rằng, các pháp đều không và bất cứ ở đâu cũng không

bị vướng mắc, và như vậy các vị đã giết được sự tham ái, có nghĩa là bà mẹ tham ái.

Hỏi: Thế nào là làm thân Phật chảy máu?

Thiền Sư dạy: Phật ở đây là sự vướng mắc vào các kiến giải phân biệt. Nếu các vị đi vào trong Pháp giới thanh tịnh, mà không để phát sinh các kiến giải phân biệt, dù chỉ trong khoảnh khắc sát na. Tới đâu cũng giữ được trí vô phân biệt. Đó là quý vị đã làm thân Phật chảy máu.

Hỏi: Thế nào là phá hòa hợp Tăng?

Thiền Sư đáp: Tăng ở đây là sự vướng mắc vào các ý niệm phiền não kiết sử và sở y. Nếu các vị nhận thức được rằng, tất cả các phiền não và kiết sử đều là không và không có chỗ nương tựa. Và như vậy, dù chỉ trong khoảnh khắc, quý vị đã phá được Tăng của phiền não, kiết sử và sở y.

Hỏi: Thế nào là thiêu đốt kinh tượng?

Thiền Sư đáp: Kinh tượng ở đây là những ý niệm về nhân duyên, về tâm và về pháp. Nếu quý vị dù chỉ trong giây lát mà đạt tới cái thấy được tính không của nhân duyên, của tâm và của pháp và đoạn trừ được các khái niệm của mình về nhân duyên, về tâm và về pháp. Đó là quý vị đã thiêu đốt được các kinh tượng của khái niệm, của tâm và của pháp.

Này các huynh đệ, nếu được như thế, mới không bị kẹt vào các danh từ Phàm, Thánh.

Các huynh đệ, trong mỗi ý niệm chỉ nhìn vào năm

tay không và trên ngón tay trở, cho đó là thật, dựa vào căn và cảnh mà hình dung ra các pháp hư ngụy không thật có. Các vị có tự ti mặc cảm co rút mình lại và tiếp tục nói: *“ta là kẻ phàm phu, các vị kia là thánh nhân”*. Hỏi các vị đầu hói thiếu thông minh kia ơi! Sao các vị lại gấp gáp chạy tìm cái chết bằng cách đội lên đầu lột con sư tử, mà lại kêu tiếng kêu của những con dã can như vậy? Là bậc đại trượng phu mà sao hôi hám không là trượng phu tí nào! Cái đã có sẵn trong nhà mình mà sao chẳng tin, lại cứ rong ruổi tìm cầu nơi nhà người khác? Vướng mắc vào văn cú người xưa? Hết nương vào âm lại tựa vào dương, rốt cuộc tự mình chẳng đạt được cái gì! Gặp cảnh nào cũng bám víu, gặp đối tượng nào cũng nắm bắt. Gặp đâu khởi mê hoặc tới đó, các vị không ai tự mình có tiêu chuẩn nhận thức nhất định nào!

Này các huynh đệ, các vị chớ nên chấp chặt vào những điều mà Sơn Tăng tôi nói. Tại sao? Bởi vì lời tôi nói thật sự không có một nền tảng nào, đó chỉ là những bức họa nhất thời giữa hư không, dù là những bức họa có màu có sắc.

Các huynh đệ, tôi bảo các vị rằng, chớ có lấy Phật làm tiêu chuẩn cứu cánh. Theo tôi, quan niệm của ta có về đức Phật ấy, cũng như một cái hố xí, theo đó Bồ Tát, La Hán cũng chỉ là những người đem tới gông cùm. Vì vậy mới có hiện tượng Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm, và Ương Quật Ma La³² đem dao tới chém Thích Ca.

Này các huynh đệ, đức Phật không phải là một cái

gì mà chúng ta có thể nắm bắt. Cho đến giáo lý tam thừa, năm tánh, đốn giáo, viên giáo, Tích môn, bản môn³³... Đều là thuốc và bệnh cùng hiện khởi đối lập nhau trong nhất thời, không phải là những pháp có thật. Dù có chằng, cũng chỉ là văn tự biểu hiện tạm thời cho có mà sử dụng. Chỉ nói như vậy thôi.

Này các huynh đệ, có một hạng người tu, hướng nội công phu tu tập, để mong cầu pháp xuất thế. Làm to rồi!

Nếu ai đem tâm cầu Phật, thì người đó đã đánh mất Phật, đem tâm cầu đạo là đánh mất đạo, đem tâm cầu Tổ là đánh mất Tổ.

Này, các huynh đệ, chớ làm! Tôi không cần các vị giải thích kinh luận, tôi cũng không bảo các vị làm quốc vương, làm quan đại thần; tôi cũng không bảo quý vị biện luận thao tháo như nước chảy; tôi cũng không cần quý vị trở thành những bậc thông minh trí tuệ. tôi chỉ cần quý vị có kiến giải chân chánh.

Các huynh đệ, dù cho quý vị có giải thông trăm bộ kinh luận, cũng không bằng ông thầy tu bình thường nhưng vô sự. Bởi vì các vị giải thông được tức các vị đã khinh mạn người khác. Đó cũng chỉ là tâm địa của A tu la, chỉ nghĩ đến sự hơn thua, thắng lợi. Vô minh và sự tranh chấp vô ngã, chỉ làm cho lớn thêm cái nghiệp địa ngục. Như vị Tỷ kheo Thiện Tinh, thông giải 12 thể tài của kinh điển. Vậy mà hiện thân phải ra vào địa ngục, quả đất không dung. Hay hơn hết là nên vô sự và ngưng hết mọi tìm cầu, đối thì ăn, buồn ngủ thì nhắm mắt lại. Làm như vậy kẻ ngu có thể

cười ta, nhưng nguờ trí thì hiểu được ta.

Này các huynh đệ, chớ nên tìm cầu cái gì trong văn tự, làm cho tâm thêm động, trí thêm phiền não và buông phổi hít thêm khí lạnh vào, vô ích. Chi bằng, trong một khoảnh khắc mà thấy được rằng, các hiện tượng duyên khởi là vô sanh và siêu việt được các vị Bồ Tát quyền học trong ba thừa.

Này các vị Đại đức, chớ lay lắt chân chờ qua ngày! Sơn Tăng tôi ngày xưa, khi chưa thấy đạo, còn ở trong tối tăm mê muội, nhưng tôi đã không dám để thời giờ nhàn rỗi một cách oan uổng, bầu nhiệt huyết căng đầy, bôn ba hỏi đạo. Sau đó nhờ có trí tuệ, cho nên mới có được ngày hôm nay, ngồi đây chuyện trò cùng các vị. Nhân đây tôi khuyên các vị, đừng vì cái ăn cái mặc và danh lợi mà để tháng ngày đi qua. Gặp được bậc thiện trí thức là một điều rất hy hữu. Cũng giống như hoa Ưu đàm đang rộ nở, lâu lắm mới có một lần.

Các huynh đệ từ nhiều nơi về đây, nghe nói có ông già Lâm Tế, nên tìm đến đây, vấn nạn, gài bẫy lừa tôi; tự nói ra những lời ngôn giáo, nhưng các vị ấy đã không thành công, còn bị Sơn Tăng tôi đem toàn thân ra thi thiết công dụng, các vị ấy hai mắt tráo trưng, miệng không nói nên lời, hoang mang không biết trả lời với tôi thế nào. Tôi nói với các vị đó rằng, với cái dằm của rồng, của voi thì sức lừa, ngựa không sao chịu nổi.

Các huynh đệ ấy đi khắp nơi, đã từng trở vào ngục, vồ vào sừng mà nói rằng, mình hiểu thiên hiểu đạo.

Các vị ấy đến đây, khi thì ba người, hai người cùng đi, nhưng cuối cùng họ chẳng thi thố được cái gì cả. Chao ôi! Các vị cứ đem cái chân tâm ấy đi khắp nơi, khua môi múa mép, lừa gạt xóm giềng; e có ngày phải được no đòn. Họ không phải là người xuất gia, mà kỳ thật, họ đang bị dẫn dắt bởi cảnh giới A tu la vậy. Phàm chỗ chí lý của đạo, không phải là dùng lý để tranh luận, đề cao giáo lý của mình, chinh phục cái đạo khác. Cho đến sự tương thừa của Phật Tổ, cũng không ngoài ý nghĩa này. Cho dù có thiết lập ngôn giáo chẳng nữa, cũng không ngoài mô thức giáo hóa đưa người tới Ba thừa, Năm tánh và nhân quả phước báo nhân thiên. Còn giáo lý viên đốn thì không như vậy. Thật ra đồng tử Thiện tài chưa hề đi qua một cuộc tham vấn nào.

Các Đại đức, chỉ có sử dụng tâm mình một cách sai lầm. Biền cả không bao giờ dung nạp tử thi. Mang gánh nặng tâm lý rong ruổi tìm cầu khắp nơi trong thiên hạ, chỉ làm chướng ngại thêm cho cái thấy của tâm mình mà thôi. Mặt trời không bị mây che thì bầu trời khắp nơi được chiếu sáng. Trong mắt không bị dụi thì sẽ không có hoa đốm giữa hư không.

Này các huynh đệ, nếu các vị muốn sống đúng như chánh pháp thì chỉ cần chấm dứt ngay sự nghi ngờ. Mở rộng ra thì ôm vào hết cả pháp giới; thu hẹp lại thì tơ tóc cũng không dung, một mình rõ sáng mà chưa từng thiếu thốn. Cái mà mắt không thấy, tai không nghe, thì ta gọi là cái gì vậy? Người xưa nói rằng, nói nó là một vật thì cũng không đúng. Quý vị

hãy tự mình quán chiếu lại thử xem, có cái gì khác hơn không? Thôi, nói mãi cũng không cùng. Mỗi người hãy tự nỗ lực. Trân trọng.

*

* * *

III. KIỂM ĐỊNH KHẢ NĂNG LIỄU NGỘ

Một hôm nhân vào nhà trù, Tổ Hoàng Bá hỏi thầy đầu bếp:

- Thầy làm gì đó ?

Đầu bếp trả lời:

- Con đang nhặt lúa cho Tăng chúng.

Tổ Hoàng Bá hỏi :

- Một ngày ăn nhiều ít ?

Đầu bếp thưa

- Hai thạch rưỡi.

Hoàng Bá hỏi

- Có nhiều lắm không ?

Đầu bếp thưa:

- Bấy nhiêu còn sợ thiếu.

Hoàng Bá đánh cho một hèo.

Thầy đầu bếp đem chuyện này hỏi Thiền Sư Lâm Tế. Thiền Sư dạy:

- Tôi sẽ vì thầy xem xét lại lão già này.

Một hôm, khi Thiền Sư vừa đến đứng bên Tổ Hoàng Bá, thì Tổ Hoàng Bá kể lại câu chuyện này. Thiền Sư nói:

- Thầy đầu bếp không hiểu, xin Hòa thượng cho một câu trả lời để con chuyển lại thầy đầu bếp. Rồi Thiền Sư hỏi:

- Như vậy có nhiều quá hay không?

Tổ Hoàng Bá nói: Sao không bảo để hôm sau ăn luôn?

Thiền Sư nói:

- Đợi gì phải nói ngày mai? Phải ăn ngay ngày hôm nay chứ!

Nói xong, Thiền Sư đánh tổ Hoàng Bá một hèo! Hoàng Bá nói:

- Cái thằng phong điền này hôm nay dám đến đây mà vuốt râu cọp ư?

Thiền Sư liền hét rồi đi ra.

Về sau, Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn về chuyện này rằng:

- Hai vị Tôn túc kia, nói với nhau như vậy là có ý gì?

Ngưỡng Sơn nói:

- Vậy thầy nghĩ gì?

Quy Sơn nói:

- Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền.

Ngưỡng Sơn nói:

- Không phải như vậy

Quy Sơn nói:

- Vậy theo thầy thì sao?

Ngưỡng Sơn nói:

- Việc đó chẳng khác nào đem giặc về phá nhà.

Một hôm Thiền Sư hỏi một vị Tăng:

- Thầy từ đâu đến?

Vị Tăng này hét

Thiền Sư mời vị Tăng ngồi xuống, vị Tăng lưỡng lự, bèn bị Thiền Sư đánh cho một hèo.

Một hôm thấy một vị Tăng đến, Thiền Sư đưa phát trần lên. Vị Tăng kia lễ bái liền bị Thiền Sư đánh.

Lại một vị Tăng khác đến, Thiền Sư cũng đưa phát trần lên. Vị Tăng không hề quan tâm gì đến. Thiền Sư lại cũng đánh cho một hèo.

Một hôm Thiền Sư cùng Thiền Sư Phổ Hóa¹ đi thọ trai tại một nhà thí chủ. Thiền Sư nói:

- Một sợi lông có thể nuốt cả biển cả. Một hạt cải có thể dung nạp cả núi Tu di. Đó là diện dụng của thân thông, bản thể nó vốn là như vậy.

Phổ Hóa đập đồ cả mâm cơm. Thiền Sư nói:

- Sao mà thô tháo thế?

Phổ Hóa nói:

- Có cái gì trong đó mà nói thô nói tế?

Lại một hôm sau, Thiền Sư lại cùng Phổ Hóa đi phó trai. Thiền Sư hỏi:

- Hôm nay thức ăn cúng dường cũng tương tự như hôm qua, phải vậy không?

Phổ Hóa cũng kéo đồ bàn cơm như hôm trước, Thiền Sư nói:

- Được thì được đó, nhưng thô tháo quá, Phổ Hóa nói:

- Lão mù này, trong Phật pháp có gì là thô, có gì là tế?
Thiền Sư bèn le lưỡi.

Một hôm Thiền Sư với hai vị trưởng lão là Hà Dương và Mộc Tháp, cùng ngồi ở lò sưởi trong Tăng đường. Nhân đó, Thiền Sư nói:

- Ngày nào Phổ Hóa cũng làm người điên ngoài

đường xó chợ. Như vậy chẳng biết ông là phàm hay là thánh.

Ngay khi đó Phở Hóa bước vào: Thiền Sư nói:

- Thầy là phàm hay là thánh:

Phở Hóa nói:

- Thầy hãy nói đi. Tôi là phàm hay là thánh?

Thiền Sư hét. Phở Hóa lấy tay chỉ vào ba người và nói:

- Hà Dương là cô dâu mới, Mộc Tháp là thiền lão bà, còn Lâm Tế là một đứa trẻ con, nhưng nó lại có được một con mắt.

Thiền Sư nói:

- Tên giặc này!

Phở Hóa nói:

- Giặc! Giặc! Rồi đi ra.

Một hôm Phở Hóa ngồi ăn bắp cải tươi trong thiền đường. Thiền Sư nói:

- Nom như một con lừa!

Phở Hóa giả làm tiếng lừa kêu. Thiền Sư nói:

- Tên giặc này!

Phở Hóa vừa đi vừa kêu:

- Giặc! Giặc!

Phổ Hóa thường đi rung chuông ngoài phố chợ và nói:

- Phía bên sáng tới thì đánh phía sáng, phía bên tối tới, thì đánh phía tối. Bốn phương tám hướng tới thì xoay vần mà đánh, hư không đến thì đánh liên tiếp.

Thiền Sư sai thị giả đi, dặn : khi nghe Phổ hóa nói như thế thì chặn lại và hỏi: “*Nếu không có cái gì tới cả thì sao?*” Phổ Hóa đẩy thị giả ra và nói:

- Ngày mai sẽ có lễ trai Tăng ở Viện Đại Bi.

Thị giả về thưa lại Thiền Sư. Thiền Sư nói:

- Mình từ trước đến nay vốn nghi anh chàng này!

Có một lão túc đến tham vấn Thiền Sư, chưa hề làm lễ, chào hỏi cũng chưa hề vấn an. Lão túc này hỏi:

- Lễ bái là phải hay không lễ bái là phải?

Thiền Sư hét. Lão túc lễ bái. Thiền Sư hỏi:

- Hay lắm bọn giặc cỏ này!

Vị lão túc la lên: Giặc cỏ! giặc cỏ. Và đi ra.

Thiền Sư nói:

- Chớ nói vô sự là tốt.

Lúc bấy giờ có vị thủ tọa đứng thị giả một bên Thiền Sư. Thiền Sư hỏi:

- Có lỗi hay không có lỗi?

Thủ tọa thưa:

- Có lỗi

Thiền Sư hỏi:

- Khách có lỗi hay chủ nhà có lỗi?

Thủ tọa đáp:

- Cả hai đều có lỗi

Thiền Sư lại hỏi:

- Lỗi ở chỗ nào?

Vị thủ tọa ra đi

Thiền Sư nói:

- Chớ nói vô sự là tốt.

Về sau, có vị Tăng đem chuyện này nói với Nam Tuyên². Nam Tuyên nói:

- Quan ngựa đạp nhau.

Một hôm vào phó trai tại một doanh trại quân đội. Thiền Sư gặp một viên sĩ quan đứng đón ở cổng doanh trại, trở vào cây cột trụ và Thiền Sư hỏi:

- Cái này là phàm hay thánh?

Vị sĩ quan không nói được.

Thiền Sư đánh vào cột trụ và nói:

- Dù có nói được hay không, nó cũng chỉ là một cột trụ gỗ. Rồi đi vào.

Một hôm Thiền Sư hỏi vị viện chủ:

- Thầy từ đâu đến:

Viện chủ thưa:

- Từ Trung Châu bán lúa về

Thiền Sư hỏi:

- Bán hết không?

Viện chủ thưa:

- Bán được hết.

Thiền Sư lấy gậy vạch một đường trước mặt và hỏi:

- Bán được cái này không?

Viện chủ hét.

Thiền Sư đánh.

Một hôm có vị diễn tọa đến. Thiền Sư đem chuyện kể cho diễn tọa³ nghe. Vị diễn tọa nói:

- Viện chủ không hiểu được ý Hòa thượng.

Thiền Sư nói:

- Còn thầy thì thế nào, có hiểu không?

Diễn tọa lễ bái, Thiền Sư cũng đánh.

Một hôm có một tọa chủ đến thăm viếng Thiền Sư.
Thiền Sư hỏi:

- Tọa chủ đã giảng được kinh luận nào?

Tọa chủ thưa:

- Con còn kém cỏi lắm. Chỉ mới giảng sơ sài về luận bách pháp minh môn.

Thiền Sư dạy:

- Có người thông suốt cả giáo lý ba thừa và mười thể tài. Lại có người không biết gì về giáo lý ba thừa và mười hai thể tài. Hai hạng người này có giống nhau hay khác nhau?

Tọa chủ thưa :

- Hiểu được thì giống nhau, không hiểu được thì khác nhau.

Lúc ấy có Lạc Phổ⁴ đứng thị giả sau lưng hỏi”

- Thưa tọa chủ, vậy thì ở trong đó tọa chủ hiểu được cái gì mà nói giống nhau với khác nhau?

Thiền Sư quay lại hỏi thị giả:

- Thị giả, vậy thì chú nghĩ thế nào?

Thị giả liền hét

Sau khi tiễn tọa chủ ra về, Thiền Sư hỏi thị giả:

- Lúc nãy, có phải chú hét tôi không?

Thị giả trả lời

- Vâng

Thiền Sư đánh thị giả.

Thiền Sư nghe Đức Sơn⁵ đòi thứ 2 có nói: “*Nói được thì lãnh ba mươi gậy, không nói được cũng lãnh ba mươi gậy*”, bèn sai Lạc Phổ đi đến dặn rằng:

- Sau khi hỏi: “*Nói được sao cũng lãnh ba mươi gậy*” chú hãy đợi cho Đức Sơn đánh thì giật lấy gậy đẩy cho ông ta một cái mạnh, xem ông ta hành xử ra sao?

Lạc Phổ đến đó và làm như lời dặn mà hỏi và Đức Sơn đánh. Lạc Phổ giật lấy gậy rồi đẩy cho một đẩy thật mạnh. Đức Sơn thấy thế liền trở vào phương trượng⁶. Lạc Phổ về thuật lại tự sự cho Thiền Sư nghe. Thiền Sư nói:

- Từ trước tới nay, tôi vốn đã nghi ông già này. Tuy vậy, chú thấy thế nào?

Lạc phổ còn lưỡng lự, thì bị Thiền Sư đánh.

Một hôm quan Thường Thị họ Vương đến viếng Thiền Sư. Hai người cùng đứng trước Tăng đường nhìn vào, quan hỏi:

- Chư Tăng ở đây có học kinh không?

Thiền Sư nói:

- Không học kinh

Thường Thị hỏi:

- Vậy có học thiền không?

Thiền Sư trả lời:

- Cũng không học thiền

Thường Thị hỏi:

- Kinh không học, thiền cũng không học, thì làm cái gì nữa?

Thiền Sư nói:

- Tôi chỉ dạy cho họ làm Phật làm Tổ thôi.

Thường Thị nói:

- Bụi vàng tuy quý nhưng nó vào mắt cũng xốn lăm. Thế thì hiểu thế nào?

Thiền Sư nói:

- Vậy mà xưa nay tôi cứ ngỡ ông là một người tầm thường.

Thiền Sư hỏi Hạnh Sơn⁷:

- Thế nào là khoảng đất trống và con trâu bạc?

Hạnh Sơn rống lên tiếng trâu.

Thiền Sư nói:

- Thầy câm à?

Hạnh Sơn thưa :

- Trưởng lão hiểu thế nào?

Thiền Sư nói:

- Loài súc sanh!

Một hôm Thiền Sư hỏi Lạc Phổ.

- Từ trước đến nay, một người thì dùng gậy, một người thì dùng tiếng hét. Người nào thân thiết hơn?

Lạc Phổ nói:

- Cả hai đều không thân thiết.

Thiền Sư hỏi:

- Thầy hiểu nghĩa thân thiết thế nào?

Lạc Phổ hét, bị Thiền Sư đánh.

Thấy một vị Tăng đến, Thiền Sư đưa hai tay ra. Vị Tăng không nói được gì. Thiền Sư hỏi:

- Thầy hiểu không?

Vị Tăng thưa:

- Con không hiểu.

Thiền Sư nói:

- Núi côn Lôn⁸ khó mở, ta cho ông hai đồng.

Đại Giác⁹ đến tham vấn, Thiền Sư đưa phất trần lên. Đại Giác trải tọa cụ ra. Thiền Sư ném phất trần xuống đất. Đại Giác cuộn tọa cụ lại, đi vào Tăng đường.

Trong chúng Tăng bàn tán nhau:

- Vị Tăng này có quen thân với thầy chúng ta không? Tại sao không lễ bái mà cũng không bị ăn đòn?

Nghe bàn tán như vậy, cho gọi Đại Giác đến và Thiền Sư nói:

- Đại chúng ở đây nói thầy chưa chào hỏi tôi?

Đại Giác trả lời:

- Chẳng biết

Rồi trở vào với chúng.

Trong thời gian hành cước, Thiền Sư Triệu Châu¹⁰ đến thăm Thiền Sư. Gặp lúc Thiền Sư đang rửa chân. Triệu Châu hỏi:

- Mục đích của Bồ đề Đạt Ma qua đây là gì?

Thiền Sư nói:

- Đứng vào lúc lão Tăng đang rửa chân.

Triệu Châu bước tới gần nghiêng tai ra vẻ muốn lắng nghe. Thiền Sư nói:

- Chẳng lẽ bây giờ tôi đổ thêm một chậu nước dơ nữa sao?

Triệu Châu bỏ đi xuống.

Một hôm có Thượng tọa Định đến tham vấn hỏi:

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền Sư bước xuống thiền sàng, nắm chặt tay Thượng tọa Định và đánh cho Thượng tọa một cái rồi xô Thượng tọa ra. Thượng tọa Định vẫn đứng yên. Bây giờ có một vị Tăng đứng bên cạnh nói:

- Thượng tọa Định, sao không lay xuống đi?

Thượng tọa Định lay xuống, bỗng nhiên đại ngộ.

Ma Cốc đến tham vấn, vừa trải tọa cụ vừa hỏi:

- Mười hai mặt của Quan Âm, mặt nào là mặt chính?

Thiền Sư bước xuống thiền sàng, một tay râu tọa cụ, một tay nắm chặt Ma Cốc và hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt bây giờ đang ở đâu?

Ma Cốc quay mặt lại, định lên thiền sàng ngồi. Thiền Sư đưa gậy lên định đánh. Ma Cốc giật gậy. Rồi cả hai cùng đi vào phương trượng.

Thiền Sư hỏi một thầy:

Có khi tiếng thét như gươm báu của Kim Cang vương, có khi tiếng hét như sư tử lông vàng đang ngồi chồm, có khi tiếng hét giống như sáo trúc dò bóng cỏ, có khi tiếng hét giống không có tác dụng của tiếng hét. Thầy có hiểu không?

Thầy ấy lưỡng lự, Thiền Sư hét.

Thiền Sư hỏi ni cô:

- Thiện lai hay ác lai?

Ni cô hét. Thiền Sư đưa gậy lên và nói:

- Hãy nói đi! Nói đi!

Ni cô lại hét. Thiền Sư đánh.

Long Nha¹¹ hỏi :

- Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ qua đây có mục đích gì?

Thiền Sư nói:

- Hãy đem thiền bản lại đây cho tôi.

Long Nha đem thiền bản đến. Thiền Sư tiếp lấy thiền bản và đánh Long Nha. Long Nha nói:

- Đánh thì cứ mặc tình đánh. Nhưng mục đích sư Đạt Ma vẫn chưa thấy rõ ràng.

Sau đó Long Nha đến thăm Thúy Vi và hỏi:

- Tổ sư Đạt Ma từ Ấn Độ qua đây có mục đích gì?

Thúy Vi nói:

- Hãy mang chiếc bồ đoàn¹² đến đây giúp tôi.

Long Nha mang bồ đoàn đến. Thúy Vi tiếp nhận bồ đoàn và đánh Long Nha. Long Nha nói:

- Đánh thì cứ mặc tình đánh, nhưng mục đích của tổ Đạt Ma vẫn chưa thấy rõ ràng.

Về sau này Long Nha làm viện chủ, có một thầy đi vào thiền thất hỏi:

- Trong thời gian Hòa thượng đi hành cước, có nhân duyên tham vấn với hai vị Tôn túc, Hòa thượng có công nhận hai vị Tôn túc ấy không?

Long Nha nói:

- Công nhận thì có công nhận, nhưng mục đích của tổ sư Đạt Ma cũng vẫn chưa thấy rõ ràng gì hơn!

Thiền Sư Kính Sơn có đến năm trăm đồ chúng, nhưng ít người đến tham thỉnh Thiền Sư. Tổ Hoàng Bá phái Thiền Sư đến thăm Kính Sơn. Trước khi đi Tổ sư hỏi:

- Đến đó ông sẽ làm gì?

Thiền Sư nói:

- Đến đó rồi con mới biết sẽ làm gì.

Thiền Sư đến Kính Sơn, để nguyên y trang và hành lý trên lưng, đi thẳng vào pháp đường để gặp Kính Sơn. Kính Sơn vừa ngẩng đầu lên thì Thiền Sư hét. Kính Sơn toan mở miệng thì Thiền Sư phẩy tay áo và đi ra.

Bấy giờ có một thầy hỏi Kính Sơn:

- Ông thầy vừa mới đến kia có nói qua nói lại với Hòa thượng không mà hét vậy?

Kính Sơn nói:

- Thầy ấy từ đạo tràng của Hoàng Bá đến đó. Nếu muốn biết thì đến hỏi ông ta.

Năm trăm đồ chúng của Kính Sơn sau đó bị phân tán hơn phân nửa.

Phổ Hóa, một ngày nọ đi khắp phố chợ, ngỏ lời với mọi người xin chiếc áo dài. Ai ai cũng cho áo, nhưng Phổ Hóa không nhận của ai. Nghe vậy, Thiền Sư sai Viên Chủ đi mua cho Phổ Hóa một cỗ quan tài. Đến lúc Phổ Hóa về, Thiền Sư nói:

- Tôi đã mua cho ông chiếc áo dài rồi đó.

Phổ Hóa bèn vác chiếc quan tài lên vai, đi khắp phố chợ nói rằng:

- Lâm Tế vừa may cho tôi chiếc áo dài rồi. Bây giờ tôi sẽ đến cửa phía Đông để thoát hóa hình hài này.

Người ngoài phố chợ nghe nói vậy, đi theo Phổ Hóa để xem. Nhưng đến nơi thì Phổ Hóa lại nói:

- Ngày hôm nay tôi chưa thoát hóa. Ngày mai tôi sẽ thoát hóa ở cửa phía Nam. Ngày hôm sau Phổ Hóa cũng nói chưa thoát hóa, ngày hôm sau nữa mới thoát hóa ở cửa khác. Ba ngày như vậy nói mà không làm, nên không tin nữa. Đến ngày thứ tư, không có ai đi theo để xem cả. Phổ Hóa một mình vượt ra ngoài thành, tự mình bước vào trong quan tài rồi đập nắp lại và nhờ người đi đường đóng đinh nắp quan. Tin này

nhANH chóng loan truyền khắp phố chợ. Mọi người đua nhau ập tới rất đông. Họ mở nắp quan ta thì không thấy Phở Hóa trong quan. Người ta chỉ còn nghe vang vẳng tiếng chuông rung trong hư không, càng lúc càng xa.

*

* * *

IV. DU HÀNH

Buổi ban đầu, Thiền Sư tu học ở đạo tràng Tổ Hoàng Bá, hạnh nghiệp tu tập của Thiền Sư rất tinh cần. Vị thủ tọa khen rằng, thầy tuy là người lớp sau, nhưng thầy có những đức tính đặc biệt.

Thủ tọa hỏi:

- Thầy ở đây được bao lâu rồi?

Thiền Sư đáp:

- Được ba năm.

Thủ tọa hỏi:

- Đã từng được tham vấn Tổ sư chưa?

Thiền Sư đáp:

- Con chưa từng được tham vấn, mà cũng chẳng biết tham vấn vấn đề gì?

Thủ tọa bảo:

- Tại sao thầy không đến tham vấn hòa thượng đường đầu, “*Đại ý của Phật pháp là gì?*”.

Thiền Sư đến hỏi tổ Hoàng Bá câu ấy. Nhưng hỏi chưa dứt lời thì bị tổ đánh. Thiền Sư trở về. Vị thủ tọa hỏi “*sao?*”.

Thiền Sư thưa:

- Con chưa hỏi xong câu hỏi thì bị Sư Tổ đánh, con không hiểu tại sao?

Thủ tọa nói:

- Cứ tới hỏi lại lần thứ hai xem sao!

Thiền Sư đến hỏi lần thứ hai, và cũng bị Sư Tổ Hoàng Bá đánh. Cứ như thế cho đến ba lần hỏi là ba lần bị đánh.

Thiền Sư lui về hỏi vị Thủ tọa:

- Mong ân Thủ tọa, từ bi thương tưởng, chỉ bảo cho con tham vấn Hòa thượng. Nhưng ba lần tham vấn là ba lần con bị Hòa thượng đánh. Con tự hỏi hận vì chương duyên nên con không lãnh hội được ý chỉ sâu xa của Hòa thượng. Nay con xin được giã từ đi nơi khác!

Vị Thủ tọa nói:

- Nếu đi, thầy nên đến cáo từ Hòa thượng trước khi đi. Thiền Sư lễ bái cáo lui. Vị thủ tọa đến Hòa thượng thưa:

- Ông thầy còn trẻ đến tham vấn ấy, có thể là một pháp khí tương lai. Nếu ông ta có đến xin từ giã, xin

Hòa thượng dùng phương tiện để tiếp độ thầy ấy. Trong tương lai ông ta có thể trở nên một đại thọ, làm bóng cây che mát cho nhiều người trong thiên hạ.

Thiền Sư đến từ biệt Sư Tổ, Sư Tổ nói:

- Ông không nên đi đâu cả, chỉ nên đi tới thầy Đại Ngu ở đầu sông Cao An. Đại Ngu sẽ giúp ông.

Thiền Sư đi đến Đại Ngu. Đại Ngu hỏi:

- Thầy từ đâu đến?

Thiền Sư nói:

- Từ tu viện Hoàng Bá tới.

Đại Ngu hỏi:

- Hoàng Bá có nói gì không?

Thiền Sư thưa:

- Ba lần con đến hỏi về đại ý Phật pháp, ba lần con đều bị đánh. Không biết là con có lỗi hay không có lỗi.

Đại Ngu nói:

Hoàng Bá như một bà ngoại từ mẫn, đã hết lòng giúp ông vượt qua những khó khăn, thế mà ông lại còn nói có lỗi hay không có lỗi !

Nghe nói thế, Thiền Sư đại ngộ và nói:

- Thì ra, Phật pháp của Hoàng Bá vốn không có gì nhiều!

Đại Ngu nói:

- Cái con quỷ đái dầm này! vừa mới than van có lỗi không có lỗi đó, thì nay lại dám nói Phật pháp của Hoàng Bá chẳng có gì nhiều. Ông thấy được cái gì, nói nghe xem! Nói nghe xem!

Thiền Sư liền thui vào hông Đại Ngu ba cái. Đại Ngu đẩy Thiền Sư ra và nói:

- Thầy của ông là Hoàng Bá, chuyện này chẳng liên quan gì đến tôi.

Thiền Sư liền từ giả Đại Ngu và trở về lại với Tổ Hoàng Bá. Thấy Thiền Sư trở về, Hoàng Bá nói:

- Cái anh này cứ đi đi về về mãi như vậy biết bao giờ mới chấm dứt?

Thiền Sư nói:

- Chỉ vì Hòa thượng từ bi quá nên con phải trở về. Nói xong đứng thị giả bên cạnh. Hoàng Bá hỏi:

- Từ đâu trở về?

Thiền Sư thưa:

- Theo lời chỉ dạy đầy tình thương của Hòa thượng, con đã đến tham vấn Đại Ngu. Nay con mới về.

Hoàng Bá hỏi:

- Đại Ngu có nói gì không?

Thiền Sư thuật lại đầu đuôi câu chuyện.

Hoàng Bá nói:

- Cái lão Đại Ngu này, đợi đến lúc gặp dịp nắm

được lão, sẽ cho lão ăn đòn một trận.

Thiền Sư nói:

- Cần gì phải đợi ! Cho ăn ngay bây giờ đây.

Nói xong Thiền Sư thụi vào hông Hoàng Bá.

Hoàng Bá la lên:

- Cái thằng phong điên này, lại toan đến đây vuốt râu cọp ư?

Thiền Sư hét.

Hoàng Bá nói:

- Thị giả đâu, dẫn lão khùng này vào trong Tăng đường.

Về sau, Quy Sơn¹ đem chuyện này hỏi Ngưỡng Sơn:

- Hồi đó Lâm Tế tiếp nhận năng lượng từ Đại Ngu hay từ Hoàng Bá?

Ngưỡng Sơn nói:

- Nếu không cỡi được đầu cọp, thì làm sao vuốt được đuôi cọp?

Một hôm Thiền Sư trông tùng. Tổ Hoàng Bá hỏi:

- Trong núi sâu trông tùng nhiều làm gì?

Thiền Sư thưa:

- Một là làm cảnh trí cho sơn môn, hai là làm tiêu chuẩn cho các thế hệ mai sau.

Nói xong Thiền Sư lấy cuốc dộng xuống đất ba lần

Hoàng Bá mới:

- Tuy vậy, ông cũng đã bị tôi cho ăn ba mươi gậy rồi đó. Thiền Sư lại lấy cuốc dộng xuống đất ba lần nữa, rồi rên hư hử. Hoàng Bá nói:

- Tông phong của ta đến thế hệ của người sẽ rất cực thịnh trên đời.

Về sau, Quy Sơn đem chuyện này hỏi Ngưỡng Sơn²:

- Đương thời Hoàng Bá chỉ phó chúc cho một mình Lâm Tế hay còn phó chúc cho ai khác?

Ngưỡng Sơn trả lời:

- Có, nhưng tuổi Hòa thượng đã cao, tôi không muốn nói ra làm gì.

Quy Sơn nói:

- Tuy vậy, tôi cũng muốn biết, người cứ nói xem.

Ngưỡng Sơn nói:

- Một người chỉ ngón tay về phía sau. Cả nước Ngô và nước Việt đều tuân hành theo lệnh. Gặp gió lớn thì ngừng (ý muốn chỉ Hòa Thượng Phong Huyệt)³.

Một hôm, Thiền Sư đứng thị giả Thiền Sư Đức Sơn. Đức Sơn nói:

- Hôm nay tôi mệt.

Thiền Sư nói:

- Ông già này đang nói mơ cái gì đó?

Đức Sơn đánh.

Thiền Sư lật đổ thiền sàng. Đức Sơn mới ngưng.

Một hôm, Thiền Sư cùng đại chúng xới đất. Thấy Tổ Hoàng Bá đến, Thiền Sư chống cuốc đứng yên. Hoàng Bá hỏi:

- Ông thầy này mệt rồi sao?

Thiền Sư nói:

- Cuốc còn chưa nhấc lên mà mệt gì.

Hoàng Bá liền đánh Thiền Sư một gậy. Thiền Sư gật lấy gậy của Hoàng Bá, xô một cái, Hoàng Bá ngã xuống đất. Tổ Hoàng Bá gọi:

- Thầy Duy Na⁴, thầy Duy Na, tới đỡ tôi dậy đi.

Duy Na tới gần nói:

- Tại sao Hòa thượng lại để cho gã phong điên này làm một điều vô lễ như vậy?

Hoàng Bá vừa đứng lên được rồi, liền đánh Duy Na. Thiền Sư thấy thế, dọn cuốc đất và nói:

- Các nơi khác người ta hỏa táng. Còn ở đây thì chôn sống.

Về sau, Quy Sơn đem chuyện này hỏi Ngưỡng Sơn:

- Hoàng Bá đánh Duy Na là có nghĩa gì?

Ngưỡng Sơn nói:

- Thằng giặc thật thì đã tẩu thoát rồi, còn người đi lòng bắt thì bị ăn đòn.

Một hôm, Thiền Sư ngồi ở Tăng đường. Thiền Sư thấy Tổ Hoàng Bá đến liền nhắm mắt lại. Hoàng Bá làm ra vẻ sợ sệt, đi về phương trượng. Thiền Sư đi theo về phương trượng lễ bái. Lúc ấy có Thủ tọa đứng hầu bên Tổ Hoàng Bá, Hoàng Bá nói:

- Thầy này là hậu sinh, nhưng lại biết được vấn đề

Thủ tọa nói:

- Chân Hòa thượng không chấm đất, mà lại ấn chứng cho kẻ hậu sinh này.

Tổ Hoàng Bá lấy tay tự vả vào miệng mình một cái. Thủ tọa nói:

- Nếu Hòa thượng biết là được.

Một hôm Thiền Sư đang ngủ trong Tăng đường. Tổ Hoàng Bá đi đến thấy vậy, lấy gậy gõ vào thềm

sàng một cái. Thiền Sư ngẩng đầu lên, thấy Hoàng Bá, Thiền Sư nhắm mắt ngủ lại. Hoàng Bá lại gõ thêm một tiếng rồi đi lên gian nhà phía trên. Thấy Thủ tọa đang ngồi thiền. Hoàng Bá nói:

- Gian dưới, kẻ hậu sanh đang ngồi thiền, tại sao trên này ông ngồi vọng tưởng cái gì đây?

Thủ tọa nói:

- Lão già này làm gì ở đây?

Hoàng Bá gõ thêm một cái trên thiền sàng rồi đi ra.

Về sau, Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- Ý nghĩa câu chuyện Hoàng Bá vào Tăng đường là gì?

Ngưỡng Sơn nói:

- Một lá bài hai mặt

Một hôm có buổi chấp tác chung của đại chúng, Thiền Sư đi sau. Tổ Hoàng Bá ngoái cổ nhìn lại, thấy Thiền Sư đi với tay không, bèn hỏi:

- Cuộc để đâu?

Thiền Sư nói:

- Có một người khác đem đi rồi.

Hoàng Bá nói:

- Tới gần đây cùng nhau bàn chuyện.

Thiền Sư đến gần. Hoàng Bá đưa cuộc lên và nói:

- Chỉ có cái này, trong thiên hạ không ai giật khỏi tay tôi.

Thiền Sư giật lấy cuốc của Hoàng Bá đưa lên nói:

- Vậy tay sao bây giờ nó nằm trong tay con?

Hoàng Bá nói:

- Ngày hôm nay đã có nhiều người chấp tác rồi.

Nói xong Hoàng Bá trở về tu viện.

Về sau, Quy sơn đem chuyện hỏi Ngưỡng Sơn:

- Cái cuốc đang ở trong tay của Hoàng Bá, tại sao lại vào trong tay của Lâm Tế?

Ngưỡng Sơn nói:

- Giặc là kẻ tiểu nhân, nhưng nếu có trí thì tiểu nhân có thể hơn người quân tử.

Một ngày, Thiền Sư vâng lời Tổ Hoàng Bá mang thư đến Quy Sơn. Lúc ấy, Ngưỡng Sơn làm tri khách, tiếp nhận thư và hỏi:

- Cái này là thư của Hoàng Bá, còn thư của người đưa thư đâu?

Thiền Sư liền cho Ngưỡng Sơn một thui. Ngưỡng Sơn ôm lấy Thiền Sư, nói:

- Sư huynh biết được như thế là tốt rồi. Chúng ta hãy thôi, đừng đối đáp nữa.

Rồi cả hai người cùng đi tới Quy Sơn. Quy Sơn hỏi:

- Sư huynh Hoàng Bá có được bao nhiêu học chúng?

Thiền Sư trả lời:

- Có bảy trăm vị.

Quy Sơn hỏi:

- Trong số ấy, ai là người dẫn dắt?

Thiền Sư nói:

- Người ấy vừa mới trao thư cho thầy. Rồi, Thiền Sư lại hỏi:

- Ở đây, Hòa thượng có bao nhiêu học chúng?

Quy Sơn nói:

- Một ngàn năm trăm vị.

Thiền Sư nói:

- Nhiều quá nhỉ?

Quy Sơn nói:

- Học chúng của sư huynh Hoàng Bá cũng không ít.

Thiền Sư từ giả Quy Sơn. Ngưỡng Sơn tiễn đưa Thiền Sư ra, nói:

- Nếu sư huynh mai này đi lên miền Bắc, sư huynh sẽ có một nơi cư trú.

Thiền Sư nói:

- Có thể có chuyện này nữa ư?

Ngưỡng Sơn nói:

- Thì hãy cứ đi đi thì biết. Sau này sẽ có một người phụ tá cho sư huynh. Người này sẽ là có đầu mà không có đuôi, có thủ mà không chung.

Sau này Thiền Sư đến đất Trấn Châu, thì đã có Phổ Hóa lập cước ở đó trước. Mọi sự hành hóa độ trì của Thiền Sư cho đời, rất được Phổ Hóa tâm đắc và hết mình phụ tá. Thiền Sư an trú ở đây cùng Phổ Hóa chưa được bao lâu, thì Phổ Hóa đã đi, toàn thân không còn lưu dấu vết.

Vào giữa mùa an cư kết hạ, Thiền Sư đến thăm Tổ Hoàng Bá. Thấy Tổ đang xem kinh, Thiền Sư nói:

- Lâu nay con cứ tưởng thầy là một con người, không ngờ thầy chỉ là một Hòa thượng già ngậm đậu đen.

Thiền Sư ở lại đây vào hôm rồi đến từ giả Tổ Hoàng Bá, Hoàng Bá nói:

- Mùa an cư, nhà người phá hạ đến đây, sao không ở lại hết hạ đi?

Thiền Sư thưa:

- Con chỉ tạm đến đây vài hôm thăm Hòa thượng thôi.

Hoàng Bá đánh và đuổi đi. Đi được vài dặm bỗng có nghi vấn về việc này, cho nên Thiền Sư quay trở

lại ở cho hết hạ.

Mãn hạ, Thiền Sư đến từ già Hoàng Bá, Hoàng Bá hỏi:

- Thầy đi đâu?

Thiền Sư trả lời:

- Nếu không phải đi Hà Nam thì đi Hà Bắc Hoàng Bá đánh. Thiền Sư ôm Tổ lại, không cho Tổ đánh tiếp, rồi Thiền Sư thụi Tổ một cái. Tổ Hoàng Bá cười to và gọi:

- Thị giả, đem thiền bồng và kỷ án của Tiên sư Bách Trượng⁵ đến cho ta.

Thiền Sư nói:

- Thị giả, đem lửa đến đây cho ta.

Hoàng Bá nói:

- Tuy nhiên như vậy, nhưng con hãy mang những thứ ấy theo. Sau này ngồi ở đâu, con có thể dẹp sạch ngôn ngữ cho thiền hạ ở đó.

Sau này Quy Sơn có dịp hỏi Ngưỡng Sơn:

- Lâm Tế có phụ nghĩa với Hoàng Bá không?

Ngưỡng Sơn nói:

- Không phải vậy!

Quy Sơn nói:

- Có biết ơn mới có thể đền ơn.

Quy Sơn nói:

- Từ xưa tới nay, có trường hợp nào như vậy không?

Ngưỡng Sơn nói:

- Có. Nhưng chuyện xảy ra đã quá xưa, tôi không muốn nhắc đến.

Quy Sơn nói:

- Tuy nhiên như vậy, tôi cũng muốn nghe, hãy nói đi.

Ngưỡng Sơn nói:

- Như trong hội Lăng Nghiêm⁶, A Nan⁷ xưng dương đức Phật “*Đem hết thân tâm này phụng sự chúng sanh trong khắp các cõi nhiều như vi trần, thì mới gọi là báo đền ân chư Phật*” Như vậy há chẳng phải là báo ân ư?

Quy Sơn nói:

- Đúng vậy! đúng vậy! Cái thấy của mình ngang bằng với cái thấy của thầy, đã làm cho mình chỉ còn được một phần nửa uy đức của thầy. Cái thấy của mình, nếu hơn cái thấy của thầy, thì mình mới xứng đáng là sự tiếp nối của thầy.

Một hôm Thiền Sư đến thăm tháp của Tổ Đạt Ma. Vị tháp chủ hỏi:

- Hòa thượng lễ Phật trước hay lễ Tổ trước?

Thiền Sư nói:

- Tôi không lễ Phật, cũng không lễ Tổ.

Tháp chủ nói:

- Phật và Tổ có oán cừu gì với Hòa thượng, mà Hòa thượng không lễ?

Thiền Sư liền phẩy tay áo đi ra.

Trong một chuyến hành cước, Thiền Sư ghé thăm Thiền Sư Long Quang. Long Quang lên giảng đường nói pháp thoại. Thiền Sư bước ra hỏi:

- Không đưa mũi giáo ra thì làm sao chiến thắng được?

Long Quang cứ ngồi yên, Thiền Sư lại hỏi:

- Đại thiện tri thức, há lại không thi thiết phương tiện quyền xảo nào cả ư?

Long Quang trừng mắt nhìn Thiền Sư nói:

- Hừ!

Thiền Sư chỉ tay vào Long Quang và nói:

- Ông già này hôm nay đã thua cuộc.

Thiền Sư đến Tam Phong, Hòa thượng Bình hỏi:

- Từ chỗ nào đến?

Thiền Sư nói:

- Từ đạo tràng Hoàng Bá.

Bình nói:

- Hòa thượng Hoàng Bá có nói gì không?

Thiền Sư nói:

- Hôm qua trâu vàng gặp khốn đốn, mãi đến nay chưa thấy dấu chấm.

Bình nói:

- Gió vàng thổi trúc ngọc. Ai là kẻ tri âm.

Thiền Sư nói:

- Vượt qua muôn cửa ải mà không ở lại chốn trời xanh.

Bình nói:

- Câu hỏi của thầy hơi cao đấy.

Thiền Sư nói:

- Rong sinh con Kim Phụng, phá vỡ ngọc lưu ly.

Bình nói, thôi ngồi xuống đây uống trà, Rồi hỏi:

- Máy ngày gần đây thầy ở đâu?

Thiền Sư nói:

- Tôi ở đạo tràng Long Quang.

Bình hỏi:

- Long Quang thời gian gần đây thế nào?

Thiền Sư liền bỏ đi ra.

Một hôm Thiền Sư đến thăm đạo tràng của Thiền Sư Đại Từ. Đại Từ đang ngồi thiền trong phương trượng. Thiền Sư hỏi:

- Ngồi yên trong phương trượng thì thế nào?

Đại Từ nói:

- Tùng xanh đứng giữa ngàn đông lạnh,

Rừng già hoa nở vạn xuân xinh.

Thiền Sư nói:

- Trí thể viên siêu kim cổ,

Ba non tung mở vạn trùng quan.

Đại Từ hét. Thiền Sư cũng hét. Đại Từ nói:

- Làm cái gì vậy?

Thiền Sư phẩy tay áo và bỏ đi ra.

Một hôm Thiền Sư đến Nhượng Châu, gặp Thiền Sư Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm làm bộ dựa trên chiếc gậy giả ngủ. Thiền Sư hỏi:

- Hòa thượng ngủ gậy sao?

Hoa Nghiêm nói:

- Vị thiền khách này không giống những vị thiền khách khác!

Thiền Sư nói:

- Thị giả! Đem trà mời Hòa thượng.

Hoa Nghiêm gọi Duy Na đến, nói:

- Sắp xếp cho Thượng tọa này, ngồi ghế thứ ba.

Thiền Sư đến thăm Thiền Sư Túy Phong. Túy Phong hỏi:

- Thầy từ đâu đến?

Thiền Sư nói:

- Từ đạo tràng Hoàng Bá.

Túy Phong hỏi

- Hoàng Bá có nói câu nào để khai thị cho thầy?

Thiền Sư nói:

- Hoàng Bá không nói câu nào cả.

Túy Phong hỏi:

- Tại sao không?

Thiền Sư nói:

- Dù có nói thì cũng không nói lại được!

Túy Phong nói:

- Thì cứ nói lên xem sao?

Thiền Sư nói:

- Một mũi tên bay vút tận trời Tây.

Thiền Sư đến thăm Thiền Sư Tượng Điền và hỏi:

- Không phải phàm cũng không phải thánh, thầy thấy thế nào, nói liền đi.

Tượng Điền nói:

- Ông thầy già này, chỉ như thế này thôi ư?

Thiền Sư hét lên và nói:

- Lắm kẻ trọc đầu đông đảo, đến đây mong tìm được cái chén bát nào!

Thiền Sư đến thăm Thiền Sư Minh Hóa. Thiền Sư Minh Hóa hỏi:

- Đi đi lại lại mãi như vậy để làm cái gì?

Thiền Sư nói:

- Chỉ để cho mòn đôi dép cỏ.

Minh Hóa hỏi:

- Cuối cùng để được cái gì?

Thiền Sư nói:

- Ông già này chẳng biết chuyện trò gì cả sao?

Một hôm Thiền Sư đến Phụng Lâm, giữa đường gặp một lão bà. Lão bà hỏi:

- Đi chỗ nào?

Thiền Sư nói:

- Đi thăm Phụng Lâm.

Lão bà nói:

- Rất tiếc lúc này Phụng Lâm không có ở nhà.

Thiền Sư hỏi:

- Phụng Lâm đi đâu?

Lão bà liền bước đi. Thiền Sư gọi. Lão bà quay lại, bị Thiền Sư đánh.

Thiền Sư đến Phụng Lâm. Phụng Lâm hỏi:

- Tôi có chuyện muốn hỏi. Được không?

Thiền Sư nói:

- Làm sao xẻ thịt gây thương tích?

Phụng Lâm nói:

- Mặt trăng biển lặng không hình bóng,

Chỉ riêng cá đớp tự mình mê.

Thiền Sư nói:

- Trăng đáy biển đã không bóng,

Riêng cá lợi làm sao mê.

Phụng Lâm nói:

- Thấy gió biết sóng dậy,

Nhìn nước đoán buồm xuôi.

Thiền Sư nói:

- Vàng trắng riêng chiều non sông lặng,

Chợt cười một nụ đất trời kinh.

Phụng Lâm nói:

- Muốn đem ba tác soi thiên địa,

Đôi có một cú nói lên xem.

Thiền Sư nói:

- Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm,

Không phải thi nhân chớ tặng thơ.

Nghe nói xong, Phụng Lâm mới thôi.

Lúc ấy Thiền Sư lại nói một bài kệ:

Đại đạo hẵn đồng

Đừng ngó Tây Đông

Lửa đá không kịp

Chớp lòe chẳng thông.

Về sau Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- “*Lửa đá không kịp, chớp lòe không thông*”, xưa nay các bậc thánh Tăng lấy gì để giúp người?

Ngưỡng Sơn hỏi:

- Vậy ý Hòa thượng thế nào?

Quy Sơn nói:

- Chỉ có ngôn thuyết, không có nghĩa gì thật!

Ngưỡng Sơn nói:

- Không phải như thế

Quy Sơn nói:

- Vậy thì thầy nghĩ thế nào?

Ngưỡng Sơn nói:

- Chính thức thì một cây kim cũng không vào được, còn riêng tư thì xe ngựa đều có thể chạy qua được.

Thiền Sư đến thăm Thiền Sư Kim Ngu. Thấy Thiền Sư, Kim Ngu quay ngang gây lại, ngồi xồm chận đường vào cửa. Thiền Sư lấy gây đánh xuống ba cái, rồi đi vào trong pháp đường, ngồi vào ghế thứ nhất. Kim Ngu đi xuống thấy vậy hỏi:

- Thông thường khách chủ gặp nhau, ai cũng phải có đầy đủ oai nghi. Thượng tọa từ đâu đến mà hành xử thiếu lễ như vậy?

Thiền Sư nói:

- Hòa thượng đang nói cái gì đó?

Kim Ngu toan mở miệng thì bị Thiền Sư đánh một gây. Kim Ngu làm bộ ngã xuống thì bị Thiền Sư đánh thêm một gây nữa. Kim Ngu nói:

- Hôm nay tôi thiếu may mắn.

Về sau Quy Sơn đem chuyện ấy hỏi Ngưỡng Sơn:

- Trong hai vị tôn túc ấy, có ai bại ai thắng không?

Ngưỡng Sơn trả lời:

- Thắng đều thắng mà bại đều bại hết.

Lúc sắp thoát hóa, Thiền Sư ngồi trên đôn và nói:

- Sau khi tôi chết, không được để cho chánh pháp nhãn tạng của tôi bị tiêu diệt. Các vị nghe chưa?

Tam thánh bước ra thưa:

- Chúng con sẽ không dám để cho chánh pháp nhãn tạng của thầy bị tiêu diệt đâu.

Thiền Sư dặn:

- Sau này có người đến hỏi thì thầy trả lời cho người ấy thế nào?

Tam thánh hét. Thiền Sư nói:

- Có ai biết rằng, chính con lừa mù này sẽ làm cho chánh pháp nhãn tạng của tôi bị tiêu diệt hay không?

Nói xong Thiền Sư đoan nghiêm thị tịch.

Thiền Sư tên Húy là Nghĩa Huyền, họ Hình. Người Nam Hoa, quận Tào Châu. Thuở ấu thơ thông minh khác thường. Lớn lên ham học, nổi tiếng có hiếu, xuống tóc xuất gia, thọ Cụ túc giới ở Giảng Tự. Thiền Sư tinh chuyên nghiên cứu Luật tạng, uyên bác kinh luận. Nhưng một hôm, Thiền Sư than thở: *“Tất cả chỉ là phương thuốc cứu đời, không phải là những tinh hoa được truyền lại từ ngoài kinh giáo”*.

Nghĩ vậy, Thiền Sư khoác áo du phương. Bước đầu đến tham học với Tổ Hoàng Bá, sau đó, đi yết kiến Thiền Sư Đại Ngu. Tất cả những cơ duyên và ngữ cú của Thiền Sư đều được ghi chép đầy đủ ở phần hành lục.

Sau khi Tổ Hoàng Bá ấn chứng, Thiền Sư tìm lên Hà Bắc, cư ngụ tại vùng Đông Nam thành Trấn Châu, gần bờ sông Hồ Đà, trú trì một tu viện nhỏ. Tên gọi Lâm Tế là do cuộc đất mà đặt ra. Lúc bấy giờ đã có Thiền Sư Phổ Hóa ở đó trước rồi. Phổ Hóa khùng khùng điên điên, trong thế gian thánh phàm không ai biết được. Thiền Sư đến đây, trước hết là phụ tá cho Phổ Hóa. Đến khi sự nghiệp hoằng hóa của Thiền Sư đến hồi thịnh vượng, thì Phổ Hóa toàn thân thoát hóa, rất phù hợp với những lời huyền ký của Thiền Sư Ngưỡng Sơn về sự xuất hiện của một “*Tiểu Thích Ca*”. Gặp lúc chiến tranh, Thiền Sư bèn từ già nơi đây mà đi.

Quan Thái úy Mặc Quân Hòa cải biến ngôi nhà ở của mình trong nội thành, thành một ngôi chùa, cũng lấy tên là chùa Lâm Tế và mời Thiền Sư về cư trú tại đây. Sau đó, Thiền Sư khoác áo đi về phương Nam tới phủ Hà Bắc. Bây giờ quan phủ chủ Thường Thị họ Vương đã tôn kính lễ thỉnh Thiền Sư như một đạo sư của mình.

Ở đây không lâu, Thiền Sư đi về chùa Hưng Hóa phủ Đại Danh và ở tại Tăng đường phía Đông. Một hôm, không bệnh tật gì, Thiền Sư khoác áo ngôi yên,

nói với người đệ tử là Tam Thánh vài câu rồi im lặng qua đời.

Hôm đó là ngày mồng mười, tháng giêng, năm Đinh Hợi, niên hiệu Hàm Thông thứ tám đời Đường. Môn đồ cung nghinh toàn thân của Thiền Sư nhập tháp ở phía Tây Bắc phủ Đại Danh. Vua sắc ban cho Thiền Sư tên Thụy là Tuệ Chiêu Thiền Sư, tháp hiệu là Trừng Linh.

Nay chấp tay cúi đầu ghi lại vài nét khái lược tiểu sử của Thiền Sư.

** Tiểu sư nối dòng pháp là Bảo Thọ ở Trấn Châu hiệu Diên Chiêu kính ghi chép.*

** Tỷ kheo Thiện Hạnh Việt dịch và biên soạn chú thích.*

*

* * *

V. CHÚ THÍCH

A. Tựa

(1) “*Tuệ chiếu*”: Thụy hiệu của Thiền sư Nghĩa Huyền. Niên Hiệu Hàm Thông năm thứ 8 (868), Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền viên tịch. Vua nhà Đường sắc phong thụy hiệu là Tuệ Chiếu Thiền sư, tháp hiệu là Trừng Linh.

(2) “*Trấn Châu Lâm Tế Tuệ Chiếu Thiền sư ngữ lục*”: Tập sách nội dung biên chép lại những câu thiền ngữ của Thiền sư Nghĩa Huyền, tổ sáng lập tôn Lâm Tế. Do Thiền sư Tuệ Nhiên, học trò của Lâm Tế thực hiện, gồm 3 phần:

a. Đối trị căn cơ: Trình bày nghệ thuật các loại thiền ngữ mà Thiền sư Nghĩa Huyền sử dụng trong lúc hướng dẫn môn sinh thiền tập như: Tứ hát, Tứ tâm chủ, Tứ liệu giản, Tam huyền tam yếu... như các phương pháp đối trị căn cơ thiền sinh.

b. Khám biện: Nội dung chuyên chở soát xét, định lại lịch trình tham cứu của các thiền gia và bàn luận các yếu ngữ về thiền.

c. Hành lục: Nội dung trình bày hành trạng và những truyện ký của Lâm Tế Nghĩa Huyền trong thời gian du hành.

(3) Thiền sư Hoàng Bá (?-850) hiệu Hu Vân. Đệ tử truyền pháp của Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải. Bậc thầy của Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền. Hoàng Bá trước tiên tu ở chùa Kiến Phúc (sau đổi thành Vạn Phúc), núi Hoàng Giang Tây và đổi tên núi này thành núi Hoàng Bá.

(4) Đại Ngu: Thiền sư Đại Ngu ở núi Cao An, đất Hồng Châu. Thiền sư Nghĩa Huyền đã đến tham vấn (sau khi từ giả Hoàng Bá) và được Đại Ngu khai ngộ.

(5) Lão bà (bà già): Là từ ngữ dùng để chỉ người có tâm tốt, tâm tha thiết. Đây là từ ngữ ám chỉ Thiền sư Hoàng Bá.

(6) Đoạt người đoạt cảnh (đoạt nhân đoạt cảnh): Là một trong bốn liệu pháp giản lược (tứ giản liệu). Sẽ đề cập ở phần ngữ lục.

(7) Ba yếu ba huyền: Là một trong ba phương pháp chỉ dạy thiền nhân của Thiền sư Nghĩa Huyền. (sẽ nói ở phần Ngữ Lục).

(8) Tuyên hòa năm Giáp Tý: Là năm thứ 2, đời Tống Huy Tân, 1120.

*

* *

B. Ngữ Lục (Đối trị căn cơ)

(1) “*Như hà thị Đại ý Phật pháp*”: Đây là một công án mà Thiền sư Trần Tôn Túc đặt ra cho Thiền

sư Lâm Tế tham vấn Hòa thượng Hoàng Bá. Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền buổi đầu vào đạo ở hội Hoàng Bá. Tại đây phong cách và đạo hạnh của ông, oai nghiêm đỉnh đạt vẹn toàn, đã lọt vào đạo nhãn của Thủ tọa Trần Tôn Túc, nên khen: “*Tuy hậu sanh nhưng khác chúng*” và hỏi:

- Thượng tọa ở đây được bao lâu?

- Ba năm.

- Đã từng tham vấn chưa?

- Chưa. Nhưng cũng chẳng biết tham vấn cái gì?

- Sao Thượng tọa không đến tham vấn Hòa thượng Đường Đầu (Hoàng Bá), “*Thế nào là đại ý Phật pháp?*”

Vấn đề Đại ý Phật pháp mà Trần Tôn Túc đặt ra cho Lâm Tế Nghĩa Huyền, là một vấn đề rất quan trọng. Nếu hiểu được Đại ý Phật pháp, là hiểu được cả ba tạng giáo điển.

Hoàng Bá là bậc cao thủ, ông bắt Lâm Tế phải sống chết với vấn đề này. Nên ông đã không đáp 1 lời nào mà chỉ đánh cho ba hèo.

Lần 1: Bị ăn đòn, đã làm cho Lâm Tế đau khổ tận tim gan. Làm cho vấn đề Đại ý Phật pháp càng quan trọng thêm.

Lần 2: Qua mấy ngày mất ăn bỏ ngủ, lại đến hỏi một lần nữa, nhưng lại thêm một trận đòn thứ hai. Đến đây, tâm gan đã tan nát. Nhưng tại sao vấn đề này không được giải đáp? Và đây là vết hằn sâu hơn

trong tâm khảm Lâm Tế.

Lần 3: Đến lần thứ 3 Lâm Tế kiên chí, đến tham vấn lại. Nhưng rồi cũng chỉ được trả lời bằng 3 hèo. Đến đây, Lâm Tế đau khổ đến tột cùng, sống dở chết dở. Ông đành từ giả ra đi.

Thời gian đến với Đại Ngu Thiền sư, vấn đề Đại ý Phật pháp đã bủa khắp và trùm kín con người Lâm Tế. Ông không suy nghĩ gì hơn ngoài nghi vấn: *“Tại sao hỏi Đại ý Phật pháp lại bị đánh?”* Câu hỏi này đã đánh bật mọi tâm niệm lăng xăng. Tâm trí của Lâm Tế đã gắn liền thật chặt với câu hỏi này. Thiền sư Đại Ngu chỉ khơi dậy bằng một câu: *“Bà già Hoàng Bá vì người mà chỉ cho chỗ tột cùng khổ, nay lại từ chỗ đó mà hỏi có lỗi không lỗi?”* Từ đó vấn đề được vỡ tung một cách dễ dàng. Lâm Tế thấy được Đại ý Phật pháp, và thấy được thủ thuật của ông thầy mình, nên thốt ra câu *“Xưa nay Phật pháp Hoàng Bá rất ít”*.

Đến đây, đã giải đáp xong vấn đề thắc mắc của Lâm Tế, từ ngày đến tham vấn cho đến giờ phút này. Đây gọi là ngộ đạo.

(2) Tam thừa: Là ba cỗ xe, ba con đường. Trong Pháp hoa dạy: Thực ra chỉ có một con đường (nhất thừa) nhưng chư Phật tùy cơ dùng phương tiện độ sinh, nên nói có ba con đường, gọi là tam thừa.

a. Tiểu thừa: Con đường nhỏ. Cỗ xe nhỏ, là con đường của hàng Thanh văn, còn gọi là Thanh văn

thừa. Hạng người này, ra đời may mắn được gặp Phật, nghe thuyết pháp, nương vào lời Phật dạy mà tu tập và chứng đắc.

b. Trung thừa: Con đường vừa, cỗ xe vừa, là con đường của Duyên giác, còn gọi là Duyên giác thừa. Hạng người ít may mắn hơn, ra đời không gặp Phật, chỉ nương vào giáo lý Phật, như bốn Thánh Đế, tám phạm trù chân chánh, mười hai Nhân Duyên... để hành trì tu tập mà chứng đắc.

c. Đại thừa: Con đường lớn, cỗ xe lớn, là con đường của Bồ tát, còn gọi là Bồ tát thừa. Hạng người này đặc biệt lấy lợi tha để thành tựu tự lợi. Cho nên luôn luôn thể hiện tình thương rộng lớn, ý chí dũng kiên, vừa nỗ lực giúp tự thân, thành tựu Giác ngộ và sẵn sàng quên mình vì chúng sanh, giúp người kiến tạo hạnh phúc an lạc.

(3) Thập nhị Phần giáo: Còn gọi thập nhị bộ sinh, thập nhị phần kinh, thập nhị thánh giáo. Một đời thuyết pháp của đức Phật, căn cứ vào cách sắp đặt về hình thức và nội dung xếp thành 12 loại thể tài như sau:

1. Khế Kinh: (Sutra: dịch âm là Tu Đa La) tức kinh trường hàng. Dùng văn xuôi trực tiếp ghi chép lời Phật dạy.

2. Ứng Dụng: (Geya: dịch âm Kỳ Dạ) tức kinh Trùng tụng. Dùng kệ tụng lặp lại kinh trường hàng đã được đức Phật thuyết giáo.

3. Ký Biệt: (Viakarana: dịch âm là Hòa Đà La

Na), tức Kinh Thọ Ký. Chúng ngôn của đức Phật ký thác cho các đệ tử sẽ làm một công hạnh nào đó trong tương lai.

4. Phúng Tụng: (Gatha: dịch âm là Già da) tức Kinh Cô Khởi. Toàn bộ là dùng kệ tụng để ghi chép lại lời Phật dạy. Ở đây phúng tụng khác với văn ứng tụng. Vì ứng tụng là thuật lại ý nghĩa trong văn trường hàng. Còn phúng tụng thì dùng văn tụng để trực tiếp tụng thành giáo nghĩa. Cho nên gọi là Cô Khởi.

5. Tự Thuyết (Udana: dịch âm là Ưu Đa Na), tức kinh Vô Văn Tự Thuyết. Đức Phật thuyết pháp, không đợi người hỏi mới thuyết, để chúng sinh biết mà thực tập chứng đắc.

6. Nhân Duyên (Nidāna: dịch âm là Ni Đà Na) tức các kinh ghi chép, chuyên chở những nhân duyên đức Phật thuyết pháp giáo hóa. Như các phẩm tựa của các kinh.

7. Thí Dụ: (Avadana: dịch âm A Ba Đà Na), tức kinh thí dụ. Đức Phật dùng những thí dụ để làm sáng tỏ giáo nghĩa đã được tuyên thuyết.

8. Bốn Sự: (Itivutaka: dịch âm là Y_Đế_Mục_Đa_Già) tức kinh bốn sự. Ghi lại những việc làm, những kiến văn trong các đời trước của đức Phật, do chính đức Phật thuật lại.

9. Bốn Sanh: (Jataka: dịch âm là Xà Đà Già) tức kinh bốn sanh. Ghi tả những công hạnh tu hành và đức tính đại bi đời trước của đức Phật, do ngài thuật lại.

10. Phương Quảng: (Vàipulya: dịch âm là Tỳ Phạt Lược) tức kinh Phương Quảng, có nội dung tuyên thuyết giáo nghĩa rộng rãi thâm sâu, của kinh điển Đại thừa.

11. Vị Tăng Hữu Pháp (Adbhuta Dharma: dịch âm là A Phù Đà Đạt Ma), cũng gọi là Hy Pháp. Nội dung ghi chép, chuyên chở những sự việc hy hữu của Phật và các đệ tử.

12. Luận Nghị: (Upadesa: dịch âm là Ưu Bà Đề Xá), nội dung chuyên chở những nghị luận của đức Phật về sự quyết trạch, thể tánh các pháp và phân biệt nghĩa lý rõ ràng.

(4) “*Lâm Tế Tứ Hát*”: (4 tiếng hét). Công án Thiền tông. Lâm Tế dùng 4 tiếng “*hét*” như một thủ thuật hướng dẫn đồ chúng thiền tập; gọi là 4 loại hét, quát.

Một buổi, Thiền sư Lâm Tế nói với một vị Tăng:

- Có lúc một tiếng hét lên, sắc bén như gươm báu vua Kim Cang.

- Có lúc một tiếng hét như 4 vó Sư tử vàng trụ bộ trên mặt đất.

- Có lúc một tiếng hét lên nhẹ nhàng như sào tre quơ bóng cỏ.

- Có lúc một tiếng hét lên như không có tác dụng của tiếng hét.

Một tiếng hét có nhiều hiệu dụng; theo Thiền sư Lâm Tế, thì công án này có 4 công hiệu:

1. Tiếng hét thứ nhất: là tiếng hét có khả năng làm phát khởi thiền cơ lớn cho hành giả

Đối với người hành thiền, có nhiều căn cơ nhiều trình độ nhận thức khác nhau; câu nệ vào danh tướng, vào ngôn cú cũng nhiều kẻ. Lúc đó, chỉ có một tiếng hét làm kinh thiên động địa, như gươm báu sắc bén mới có khả năng chặt đứt mọi thứ tình, lượng cùng một lúc.

2. Tiếng hét thứ 2: Là tiếng hét có tác dụng lớn, đối với hành giả có thiền cơ lớn. Đây là hành giả muốn đo lại thiền cơ của bậc thầy hướng dẫn mình; Khi thấy mình đến trình chút kiến giải ít ỏi, thì ông thầy thị hiện uy đức bằng một tiếng hét sấm sét, có tác dụng chấn động uy nghiêm như khi Sư tử vương rống lên một tiếng, làm cho loài dã can nào trạng té liệt.

3. Tiếng hét thứ 3: là tiếng hét của bậc thầy sử dụng để kiểm nghiệm lại thiền tập của người học trò, hoặc ngược lại, người học trò cũng sử dụng tiếng hét này để thử nghiệm thiền cơ của thầy mình.

4. Tiếng hét thứ 4: Là ngưỡng lên cao mà hét lên một tiếng. Tiếng hét thứ tư này, tuy không có trong ba loại trước, nhưng cùng với ba loại trên tương tức, tương nhập.

Trong công án Thiền tông, Thiền sư Lâm Tế thường dùng bốn loại tiếng hét để khai thị thiền sinh. Nếu thiền sinh không kịp lãnh hội, còn ngẫm nghĩ, thì Thiền sư Lâm Tế lại giáng thêm tiếng hét tiếp, làm

cho vấn đề càng trở nên bức thiết hơn.

(5) Lâm Tế chân nhân: (Công án Thiền tôn): Lâm Tế Ngũ Lục chép. Một hôm Thiền sư Lâm Tế lên pháp tòa thuyết pháp và dạy rằng: “*Trên khối thịt đỏ, có một người vô vị chân nhân*” (người nông dân mộc mạc, không có tước vị gì, gọi là vô vị) thường cùng các người vào ra trước mặt. Người nào chưa thấy (không chứng cứ) thì hãy nhìn cho kỹ, nhìn đi, nhìn đi”.

Lúc bấy giờ có vị Tăng đứng dậy hỏi rằng: “*Thế nào là vô vị chân nhân?*” Thiền sư bước xuống pháp tòa nắm chặt tay vị Tăng rồi nói “*Hãy nói đi! nói đi! (đạo, đạo)*”. Vị Tăng đang lúng túng, nghĩ ngợi, Thiền sư buông tay đẩy vị Tăng ra và khai thị. “*Vô vị chân nhân ư? Phấn khô (cần thì quyết!)*” nói xong Thiền sư trở về phương trượng.

Trong nhà Phật, thứ tự tu chứng, có 52 vị thứ: 10 Tín, 10 Trú, 10 Hạnh, 10 Hướng, 10 Địa, Đẳng giác, Diệu giác. Hành giả tuần tự thực tập qua 52 bậc ấy để thành chánh giác, gọi là tiệm tu.

“*Vô vị chân nhân*”, là chỉ người có căn tánh lạnh lợi (lợi căn) tu tập không an trụ vào bất cứ 1 vị thứ nào trong 52 vị thứ nói trên mà có thể thành tựu chánh giác. Đây cũng chính là Phật tánh mà mọi chúng sinh ai cũng vốn có đầy đủ. Nhưng vì chúng sinh không biết lẽ này, lại hướng ngoại tìm chân nhân ở đâu, thì thật là khôi hài. Cho nên Thiền sư Lâm Tế lớn hét to lên rằng: “*Phấn khô*”, để đánh thức vị Tăng kia tự phản chiếu để thấy rõ chân diện mục của

chân nhân, mà cũng là chân diện mục của chúng ta.

(6) Tứ Tân chủ: Cũng gọi là Lâm Tế Tứ Tân chủ. Hai Tôn Lâm Tế và Tào Động, đều lập thuyết “*Tứ Tân Chủ*”, nhưng ý nghĩa thì hai tôn khác nhau:

a. Tôn Lâm Tế: Vào đời Đường, Lâm Tế Nghĩa Huyền căn cứ vào sự quan hệ giữa khách (người học thiền) và chủ (người hướng dẫn thiền tập) mà thiết lập 4 câu (tứ cú) để khai thị thiền cơ cho đồ chúng, nội dung như sau:

1. Tân khán chủ: khách (tân) là người học trò, phải biết rõ về Thiền cơ của thầy (chủ) mình.

2. Chủ khán Tân: Chủ, chỉ thầy dạy thiền, phải rõ về nội tâm cùng ý muốn của người học trò hỏi đạo.

3. Chủ khán chủ: Chủ, chỉ những bậc thầy dạy thiền, có đủ về thiền cơ và thiền nhân, để hiểu biết và thấy rõ về nhau.

4. Tân khán tân: Chỉ những thiền sinh đối với nhau, cả hai bên đều thấy rõ về mình chưa có đủ nhân mục và thiền cơ về nhau.

Căn cứ vào đây, thầy (chủ) có khả năng làm cho học trò (khách) tự biết cái tà, cái chánh để hướng đến chánh đạo.

Về sau, có Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiếu, đem tứ tân chủ này mà đổi lại như sau:

1. Tân Trung Tân. 3. Chủ Trung Tân.

2. Tân Trung Chủ. 4. Chủ Trung Chủ.

Bốn câu Tân (khách) chủ (chủ) này đồng nghĩa với 4 câu Tân chủ của Lâm Tế.

b. Theo tôn Tào Động: Thì ý nghĩa Tứ Tân chủ là:

Chủ : Có nghĩa là: Chánh, Thể, Lý.

Tân : Có nghĩa là: Tà, Dụng, Sự.

Thuyết này như sau:

1. Chủ trung Tân: Nghĩa là dùng từ trong bản thể mà ra. Tức trong bản thể mà phát ra tác dụng.

VD: Các đại thần vâng lệnh vua mà hành xử.

2. Tân trung Chủ: (Thể trong dụng): Nghĩa là bản thể tồn tại trong các tác dụng danh, chủng, sự tướng.

VD: Nhà vua tạm ở nơi phố chợ ồn ào.

3. Tân trung Tân: Dụng trong Dụng: Nghĩa là tác dụng cùng với bản thể, cho nhau trong tư thể tương ly, tương quai, nhưng không cùng bản thể tương ưng.

VD: Dân ở biên thù, không theo sự giáo liva của vua, gọi là khách vô chủ. Như ở chốn thiền môn thường dùng để chỉ tình hình: “*Đầu thương gia đầu*”, “*Tuyệt thượng gia sương*”. Ý muốn nói vô tác dụng, không cần thiết.

4. Chủ trung Chủ: Thể trong Thể: Trong pháp lý, chưa có tác dụng thiết thực. Hay bản thể chưa hiện thực tác dụng.

VD: Vua đang ở thâm cung, quyền năng ông có, nhưng chưa phát lệnh để động viên dân thực hiện.

Trong giới thiền môn đều sử dụng điều này như để chỉ cảnh giới mà trong đó vật, ngã đều vong; nhân, pháp đều diệt.

(7) Duy Ma Cát: Vimalakirti: dịch Tịnh Danh, vô cầu xung. Một vị trưởng giả thành Tỳ Xá Ly; đệ tử tại gia của đức Phật. Ông rất giàu có, tuy là cư sĩ nhưng rất đa văn, quảng kiến, luận đạo lý rất thông. Tài biện luận của ông vượt trội các vị Đại Thanh Văn, Bồ tát; một nhà tư tưởng Đại thừa vĩ đại. Ông sanh cùng thời với đức Phật Thích Ca.

(8) Phó Đại Sĩ: là người học giả học rộng, chí cao, đức trọng, một vị Bồ tát dũng mãnh cứu người giúp đời.

(9) Lâm Tế Tam Cú: Công án Thiền tông. Đây là 3 phương pháp thực tập thiền, do Thiền sư Lâm Tế thiết lập, để hướng dẫn đồ chúng.

Một hôm Thiền sư Nghĩa Huyền, lên giảng đường; một vị Tăng hỏi, Thiền sư trả lời:

Câu thứ 1:

*“Tam yếu án khai châu điểm trắc
Vị dung nghĩ nghị chủ tân phân”*

(Án ba yếu nhắc lên điểm son rõ
Không hề lưỡng lự, chủ khách phân).

Câu thứ 2:

*“Diệu giải khải dung vô trước vấn
Âu hòa tranh phụ tiệt lưu cơ”*

(Diệu giải ngại gì câu vấn đáp
Cơ quan thi thiết chẳng ngăn dòng).

Câu thứ 3:

*“Khán thủ bằng đầu lọng khô lồi
Trừu khiên đô lai lý hữu nhân”*

(Hãy xem tượng gỗ dừa trên gác
Có người dầy kéo núm phía trong).

Đó là nội dung Tam cú của Thiền sư Nghĩa Huyền đã trả lời của vị Tăng chất vấn. Chúng ta thấy:

Câu 1: Nhằm nói đến ý chí chân thật thâm diệu của ngữ ngôn. “*Tam yếu*”, là chân Phật, tức khả năng giác ngộ. “*Ấn khai*” là làm hiển lộ tâm ấn của Phật. “*Tam yếu ấn khai*” có nghĩa là trong nhất niệm, tâm đã được khai ngộ, thì chân Phật, khả năng giác ngộ hiển hiện đầy đủ để thành tựu Phật quả; hiểu thì trả lời ngay, còn suy nghĩ thì hãy lui ra, thầy trò phân minh.

Câu 2: Đến câu thứ 2, cho ta thấy rằng, ở câu 1, chân Phật (khả năng giác ngộ) xuất hiện đầy đủ tuyệt đối, nên hiểu và lĩnh hội được ngay. Sự lãnh hội như vậy là tuyệt đối, chứ không do sử dụng bất cứ loại phương tiện nào cả.

“*Âu hòa*” là dịch âm từ Phạn ngữ “*upaya*” nghĩa là phương tiện. “*Tiệt lưu cơ*”, có nghĩa là đoạn diệt phiền não mà được giải thoát. Tức dùng các pháp môn phương tiện để diệt sạch phiền não, cầu được giải thoát tuyệt đối.

Câu 3: Câu 3 này, riêng đối với người cầu đạo, không thông được câu 1, thì đến câu 2, vì người cầu đạo căn cơ chậm lụt, nên thiết lập nhiều pháp môn

phương tiện để hướng đến, cũng như các nhà thiết kế các loại hình con rối (khôi lộ), có hình đầu thần, có hình đầu ma quỷ.

(10) Tam huyền tam yếu: Công án Thuyền tôn. Đây là những phương pháp dạy học trò thiền tập của Lâm Tế. Mục đích của tam huyền tam yếu là dạy người phải lãnh hội được trong một câu nói có đủ ba huyền và một huyền có đủ ba yếu. Vì một câu nói có huyền có yếu là một câu hoạt ngữ, (câu nói sinh động), không phải là tử ngữ (nói thuội, lặp lại của người). Một câu nói như vậy có công năng chiếu dụng cả quyền và thật. Nhưng nội dung ba huyền ba yếu là gì thì Thiền sư Nghĩa Huyền chưa đề cập. Về sau người học thiền, đối với ba huyền ba yếu, đều phải tự tìm hiểu lấy. Do đó, tam huyền tam yếu, được trình bày như sau; Tam huyền là:

1. Thể trung huyền: Mẫu nhiệm từ trong bản thể. Chỉ một câu nói hoàn toàn không có sự lựa chọn, sắp xếp; trau chuốt; mà nó được xuất phát một cách từ trong bản thể. Câu nói như vậy, chỉ căn cứ vào châu tướng và đạo lý của sự vật hiện có, mà biểu hiện ở lời nói, ngôn ngữ.

2. Cú trung huyền: Sự mẫu nhiệm trong câu nói. Chỉ một câu nói chân thật, không có sự can thiệp của tinh thức phân biệt. Tức câu nói không câu nệ vào ngôn ngữ mà có thể nhận thức, lãnh hội được, sự mẫu nhiệm.

3. Huyền trung huyền. Cũng gọi huyền trung tác dụng. (tác dụng ngay trong sự mẫu nhiệm). Chỉ sự bật

lặng mọi luận lý, mọi tướng trạng đối đãi và ngôn ngữ văn tự. Mọi hình tướng này có thể làm chương ngại cho những câu nói nhiệm mầu vi diệu.

Còn tam yếu là:

1. Trong ngôn ngữ nói phô, không có phân biệt tạo tác.

2. Thiên thánh trực nhập huyền áo. (ngàn thánh nhân đi thẳng vào mầu nhiệm vi diệu).

3. Ngôn ngữ đạo đoạn (bặt dứt nói năng).

(11) Tứ liệu giản (tứ chủng giản biệt pháp): Bốn phương pháp giản biệt, do Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền thiết lập để dạy đồ chúng. Bốn phương pháp này có khả năng ứng cơ ứng thời (hung, đoạt) đẩy khởi lặng chìm tùy nghi, chết sống tự tại. Đó là 4 qui tắc mà Thiền tông dùng làm phương pháp hướng dẫn thực tập thiền.

1. Đoạt người không đoạt cảnh: “*Người*” là chủ thể hay chủ quan; “*Cảnh*” là đối tượng hay khách quan. Đoạt người không đoạt cảnh, tức bặt lặng (đoạt) phần chủ quan mà chỉ giữ lại phần khách quan. Có nghĩa là ngoài vạn pháp ra, không thừa nhận cái tự kỷ (ngã). Mục đích để phá trừ thái độ chấp ngã của hành giả.

2. Đoạt cảnh không đoạt người: Bặt lặng phần khách quan mà chỉ giữ lại phần chủ quan. Có nghĩa là ngoài tâm thức ra, không thừa nhận sự hiện hữu của vạn pháp. Mục đích để phá trừ quan điểm của những người chấp thế gian có các pháp tồn tại chân thật.

3. Người và cảnh đều đoạt: Tức phủ định cái kiến chấp chủ quan và khách quan. Cũng có nghĩa là phá chấp ngã chấp pháp.

4. Người và cảnh đều không đoạt: Khẳng định sự tồn tại của cả chủ quan và khách quan.

(12) Lục đạo thần quang: 6 luồng hào quang oai thần, phát ra từ thân Phật, Bồ tát, gọi là thần thông quang. Thần thông quang có nhiều loại, ở đây đề cập đến 6 loại:

- Hào quang phát ra từ thân Phật,
Gọi là cú thân quang.
- Hào quang phát ra từ một tướng hảo,
Gọi là tùy nhất tướng quang.
- Hào quang phát ra từ sợi lông trắng giữa 2 chân lông mày.
Gọi là bạch hào quang, cũng gọi là mi gian quang.
- Hào quang phát ra từ lỗ chân lông khắp thân,
Gọi là mao khổng quang.
- Hào quang phát ra từ 2 bên cổ,
Gọi là viên quang.
- Hào quang phát ra từ trên thân Phật,
Gọi là thân quang, là sắc quang, ngoại quang, thần thông quang.

(13) Vô sự nhân: Người vô sự. Người có đời sống

thanh thân, không vướng bận, không cãi cọ tranh chấp hơn thua. Giữ tâm ý bình thường. Đi đại, đi tiểu, mặc áo, ăn cơm, mệt thì nằm không bị ngoại vật chi phối ràng buộc.

(14) Diễn Nhã Đạt Đa: (Yajnadatta). Cũng gọi là Diên Nhã Đạt Đa, Da Nhã Đạt Đa. Dịch ý là từ thọ. Nghĩa là con người, đứa con do sự tế lễ, cầu trời mà xin được.

Theo kinh Đại Phật đánh thử Lăng Nghiêm quyển 4 chép thì, trong thành Thất La Phất, có anh chàng tên là Diễn Nhã Đạt Đa. Một hôm vào buổi sáng, anh ta soi gương nhìn thấy cái đầu cả lông mày và mắt; rất khoái. Nhưng bỗng nhiên giận cái đầu, tại sao không thấy mặt anh ta, bèn cho rằng bóng hiện trong gương là yêu ma, rồi vô cớ phát điên lên; quăng gương soi mà bỏ chạy.

Nội dung câu chuyện trên, đầu thật của mình, là dụ cho chân tánh; còn đầu trong gương là cái bóng giả. Thấy đầu, lông mày, mắt trong gương mà khoái, là dụ nhận cảnh giả làm chân tánh rồi cố bám chặt, không buông bỏ. Giận và trách cái đầu của mình, sao không thấy lông mày và mắt, là dụ mê lầm chân tánh.

(15) Kiến giải chân chánh: Sự hiểu biết chân chánh. Hãy nghe Thiền sư Lâm Tế giải thích thế nào là sự hiểu biết chân chánh dưới đây: “*Kiến giải chân chánh là thấy được tính cách thành trụ hoại không của các pháp, khi các vị đi vào phàm, thánh, nhiễm tịnh; đi vào quốc độ chư Phật bất kỳ ở đâu, đi vào lâu các Di Lặc, đi vào pháp giới của đức Tỳ Lô Giá Na*”.

“*Kiến giải chân chánh*” là thấy các tướng không đến, không đi, không sanh không diệt của các hiện tượng xuất thế, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết bàn của đức Phật.

“*Kiến giải chân chánh*” là thấy được rành mạch tướng không của các pháp, rằng không một pháp nào có thật. Khi các vị vào pháp giới vô sinh, rong chơi khắp các quốc độ và đi vào thế giới Hoa Tạng.

(16) Tỳ Lô Giá Na: Là chuyển ngữ của Phạm âm Vairocanabuddha. Vairocanabuddha: Hoa dịch có 5 nghĩa:

- Biến Nhất thiết xứ: Có mặt khắp mọi nơi, không gian và thời gian.
- Tịnh mẫn: Hoàn toàn thanh tịnh.
- Quảng bác nghiêm tịnh: Trang nghiêm thanh tịnh khắp mọi nơi.
- Đại Nhật: Mặt trời lớn, tỏa chiếu ánh sáng khắp nơi.

Vậy, Vairocanabuddha, hay Tỳ Lô Giá Na Phật: Là đức Phật có mặt khắp nơi. Đức Phật Nghiêm Tịnh cùng khắp, đức Phật Mặt Trời Vĩ Đại.

Đức Phật này hiện đang ngự trên tòa Sư tử rực sáng của thế giới Liên Hoa Đài Tạng mà chính Ngài là vị giáo chủ cõi nước này.

(17) Ngũ Đài Sơn: Núi ở huyện Ngũ Đài, tỉnh Sơn Tây Trung Quốc. Núi này với các núi Nga My, Phổ Đà và Cửu Hoa, được gọi chung là Tứ đại Linh Sơn

của Phật giáo Trung Hoa. Vì 4 ngọn núi ở 4 phương Đông, Tây, Nam, Bắc, và 1 ngọn ở chính giữa, cao chót vót. Trên chóp núi không cây cối, đất đá chồng xếp lên nhau, giống như những cái đài, nên gọi là Ngũ Đài Sơn.

Lại nữa vì 5 ngọn núi này cao ngút sừng sững, vượt lên trên cái dãy núi khác, vào tháng nóng nhất trong mùa hạ cũng không nóng nên gọi là núi Thanh Lương (mát mẻ). Đây vốn là Đạo tràng của Bồ tát Văn Thù thị hiện, nên xưa nay rất được tín ngưỡng ở Trung Hoa.

(18) Đề Hồ: Pali: Sappi_manda, Một chất dinh dưỡng tinh chế từ sữa bò. Mùi vị rất thơm ngon. Là 1 trong 5 món bổ dưỡng nhất: 1. Sữa tươi; 2. Lạc: Váng sữa; 3. Sinh tô: Bơ; 4. Thực tô: Kem; 5. Đề Hồ: Phô mát. Trong kinh thường dùng Đề Hồ, để dụ cho Niết Bàn. Phật tính. Chân thực giáo...

(19) Tật lê, Tật lê viên: Vườn tật lê. Tật lê là 1 loại có hoa màu vàng, quả nó rất đắng không thể ăn được. Tật lê viên được dùng để chỉ cho các chùa mà chư Tăng tu hành không đúng chánh pháp, không mang lại lợi ích cho tín đồ.

Đổi lại với Tật lê viên là Lương phước điền. Lương phước điền là ruộng phước tốt lành, thanh lương. Cúng dường vào chỗ nào có chư Tăng tu hành thanh tịnh, đúng chánh pháp. Thì đây là thứ ruộng phước, làm nên phước đức, an lành, lợi lạc, tín thí được nhờ.

(20) Chuyển luân Thánh Vương: (cakra-varti-rajan) dịch âm: Chước-Cu-La-Phạt-Lạt-Đế-at-la-xà, Già ca la bát Đế, Già gia Việt.

Dịch ý là: Chuyển Luân Vương, Chuyển Luân Thánh Đế, phi hành Hoàng Đế. Nghĩa là ông vua xoay chuyển bánh xe báu (tương đương chiến xa). Ông vua có 7 thứ quý báu: Bánh xe, voi, ngựa, ngọc nữ, cư sĩ. Bề tôi chủ binh. Ông cũng có 4 đức: Sống lâu, không đau ốm, dung mạo hồng hào. Kho báu phong phú.

Thống nhất 4 châu Tu Di, dùng chánh pháp trị đời. Đất nước giàu có, nhân dân hòa vui.

(21) 6 Thần thông: Chúng ta hãy nghe tỏ Lâm Tế khai thị 6 thần thông theo chỗ kiến giải của mình cho môn đệ như sau:

“Này các huynh đệ, các vị bảo, Phật có 6 thần thông là bất tư nghĩ. Vậy thì, Thiên, Thiện Thần, Tiên, A tu la, Đại Lực quỷ cũng có thần thông. Vậy, họ cũng là Phật sao? Huynh đệ chớ lầm. Khi A tu la mang quân đánh nhau với vua trời Đế Thích; thua trận; họ dẫn nhau 8 quyển thuộc cùng nhau chun vào các lỗ nhỏ li ti của những cọng sen mà ẩn núp. Đó chẳng phải là Thánh sao? Như những gì mà sơn Tăng tôi đưa ra đều là Thần thông của nghiệp (nghiệp thông) và Thần thông của sự nương tựa (y thông). 6 pháp Thần thông của Phật thì không phải như vậy”.

Đức Phật vào cảnh giới của “Sắc”, mà không bị

“Sắc” mê hoặc.

Vào cảnh giới của “Thanh” mà không bị “Thanh” mê hoặc.

Vào cảnh giới của “Hương” mà không bị “Hương” mê hoặc.

Vào cảnh giới của “Vị” mà không bị “Vị” mê hoặc.

Vào cảnh giới của “Xúc” mà không bị “Xúc” mê hoặc.

Vào cảnh giới của “Pháp” (ý tưởng) mà không bị “Pháp” mê hoặc.

“Sở dĩ được như vậy, là do đã đạt đến chỗ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và Pháp đều là không tướng, không hề trói buộc, được người tu hành không bám víu (vô y đạo nhân)”.

“Vì những người tu hành này, tuy vẫn còn mang thân hình bằng các chất liệu hữu lậu của năm uẩn, nhưng đã có thể thực hiện các pháp lạ thần thông đi trên mặt đất vậy”.

(22) Hành cước: Cũng gọi là du phương, du hành: Đây là chỉ việc làm của các vị Tăng đi khắp nơi để cầu học, tham vấn, hoặc giáo hóa.

(23) Ma Cốc (?-?) Thiền Tăng Trung Hoa, sống vào đời Đường. Ma Cốc có Pháp hiệu là Bảo Triệt.

Sau khi xuất gia Thiền sư đến tham vấn với Thiền sư Mã tổ Đạo Nhất và được nối pháp với Ngài. Về sau Thiền sư đến núi Ma Cốc (cũng gọi là Ma Dục) tại Bò Châu, Sơn Tây. Ở đây Thiền sư xiển dương

Thiền phong. Thiền sư có nhiều công án nổi tiếng như: Ma Cốc chân tích, Ma Cốc thủ cân... được lưu truyền trong Thiền lâm.

(24) Thạch Đầu Hy Thiên (700-790). Cũng gọi là Vô Tế Đại sư. Thiền sư Trung Quốc, sống vào đời Đường, người có họ Trần, ở Cao Yếu, Quảng Đông.

Thiền sư thuở nhỏ, thông minh lanh lợi. Người dân bốn xứ với Thiền sư, hay sợ hãi quỷ thần, nên họ thường giết trâu bò, nấu rượu để cúng tế, gây nhiều mê tín tệ hại. Cho nên Thiền sư có chủ trương bài trừ mê tín, phá bỏ am miếu thờ quỷ thần, khuyên dân không giết hại trâu bò, không rượu chè.

Thiền sư từng tôn kính lễ bái lục Tổ đại sư Huệ Năng, Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư và tôn làm bậc thầy của mình và được ấn chứng.

Đầu năm Thiên Bảo (742-755), Thiền sư an trú tại chùa Hành Sơn phía nam, lập am tọa thiền trên một tảng đá phía đông chùa. Do đó dân làng thường gọi Ngài là Thạch Đầu Hòa Thượng. Pháp môn tu tập thiền quán của Ngài là “*Tức tâm tức Phật*”. Tâm, Phật, chúng sanh, Bồ đề, phiền não... tên tuy có khác, nhưng thể là một.

Tháng 12, năm Trinh Nguyên thứ 6 (790), Thiền sư thị tịch, thọ 91 tuổi.

(25) Đôn Hà Thiên Nhiên: (738-824). Cao Tăng đời Đường. Nổi tiếng là vị Thiền sư phá tướng tồn tánh. Một hôm Thiền sư đang ẩn tu với 1 số thiền nhân tại chùa Huệ Lâm, gặp mùa giá lạnh. Đôn Hà

sai 1 thiền nhân đi kiếm củi đốt sưởi ấm. Thiền nhân tìm khắp, chẳng có củi, về báo lại. Đơn Hà bèn vào chùa đem tượng Phật bằng gỗ ra chẻ tượng Phật đốt, thầy trò sưởi ấm, trước những đôi mắt bàng hoàng ngạc nhiên của các Thiền Tăng. Phá chấp mà.

(26) Khai thị: Mở mang tâm trí để chúng sanh thấy rõ các pháp là hư vọng, để không bị chúng mê hoặc.

(27) Huệ Khả (490-601) Là Tổ sư thứ 29 Thiền tôn Ấn Hoa. Riêng Thiền tôn Trung Hoa thì Ngài là Tổ sư thứ 2, sau Bồ Đề Đạt Ma.

Ngài có họ Cơ, quê ở Võ Lao, dòng Tôn Thất, Nhà Chu. Tương truyền rằng lúc mới lọt lòng mẹ, đã có hào quang rực sáng khắp nhà. Nên mẹ Ngài đặt tên là Quang.

Thiếu thời, tập học nghiên cứu rất nhiều sách đời. Thông Lão, Thạo Trang. Năm lên 30 tuổi, Huệ Khả cảm thán: “*Sách Lão, sách Dịch là sách thế gian, chẳng lột được đạo lý sâu xa của Thánh hiền*”. Từ đó, Huệ Khả chuyên đọc và nghiên cứu sách Phật.

Về sau vân du đó đây tham vấn, học hỏi nhiều vị Thiền sư danh tiếng của Trung Hoa. Đến Lạc Dương, núi Hương Sơn, vào chùa Long Môn, đầu sư với Thiền Sư Bảo Tịnh. Rồi đến chùa Vĩnh Mục và thọ cụ túc tại đây. Ở đây, Ngài chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, không bao lâu, tinh thông kinh luật.

Năm 32 tuổi, Huệ Khả trở về với Bốn sư là Thiền sư Hương Sơn. Ở đây, lập chí thiền quán suốt

ngày, trong thời gian 8 năm tinh cần.

Về sau Thiền sư tìm đến chùa Thiếu Lâm, yết kiến Đạt Ma Tổ Sư và được truyền Tâm ấn (xem thêm sách 33 vị tổ sư Thiền Tông Ấn Hoa).

(28) Đạt Ma Tổ Sư: Bồ Đề Đạt Ma (460-528) Bodhidharma, Bồ Đề Đạt Ma. Sơ tổ Thiền Tông Trung Hoa, tổ thứ 28 Thiền Tông Ấn Độ. Con vua nước Hương Chí. Xuất gia lúc còn nhỏ. Đầu sư với tổ Bát Nhã Đa La và được truyền Tâm ấn.

Đến Trung Hoa năm 520, ở tỉnh Quảng Châu. Ngài được vua Lương Võ Đế mời vào cung giảng Pháp. (xem thêm hành trạng của Tổ ở tập sách 33 vị tổ Thiền Tông Ấn Hoa).

(29) Ngày đêm 6 thời: Ngày 12 giờ chia 3 thời: Sáng, trưa, chiều. Đêm 12 giờ chia làm 3 thời. Đầu đêm, giữa đêm, và cuối đêm. Sở dĩ chia ngày và đêm làm 6 thời như vậy để tăng chúng trong các trung tâm tu học, phải luôn luôn nhớ nghĩ ngày tháng qua mau, hãy trừng tâm quán pháp, thúc liễm thân tâm, không để luống qua ngày tháng vô ích.

(30) Trưởng giả 81 tuổi cây trong vườn thối không sanh nầm (nầm tai mèo, nầm mèo).

Đây là sử tích của Tôn giả La Hầu La Đa (Rahulata). Tổ sư thứ 16 Thiền tông Ấn Độ.

Tôn giả người nước Ca Tỳ La (Kapila). Cha tên là Phạm Ma Tịnh Đức. Cây trong vườn nhà Tịnh Đức sinh nhiều nầm, có hương vị rất ngon. Nhưng nầm này chỉ có Tịnh Đức và đứa con thứ của Tịnh Đức là

La Hầu La Đa mới hái được để ăn, và cứ sau khi hái là nắm sẽ liền mọc lên lại.

Một hôm Tổ sư Ca Na Đề Bà (Tổ sư thứ 15) đến nhà và nói với thân phụ của La Hầu La Đa là Tịnh Đức rằng:

- Khi ông 81 tuổi thì cây này không mọc nắm nữa. Nghe xong, Tịnh Đức càng thêm thán phục thưa:

- Thưa Thầy! Đệ tử đã già yếu, không thể hầu thầy, xin thầy cho đưa con thứ, của con là La Hầu La Đa theo thầy xuất gia làm thị giả.

Tổ sư Ca Na Đề Bà bảo:

- Xưa đức Phật đã thọ ký cho đứa bé này về sau đến kỳ thứ nhì của khoảng thời gian 500 năm, sẽ là một vị đại giáo chủ! Nay gặp đây, quả là phù hợp nhân duyên đời trước.

Tổ liền cho La Hầu La Đa xuất gia làm thị giả và được Tổ sư Ca Na Đề Bà truyền đại Pháp cho tôn giả. Sau khi đắc pháp, tôn giả du hóa đến thành Thất La Phiệt (Savasti), truyền pháp cho Tăng Già Nan Đề (Sanghanandi), rồi ngồi an nhiên trên tòa thị tịch.

(31) Đại Thông Trí Thắng Phật: (Mahabhijna Jnana bhibhu). Cùng gọi: Đại Thông Chung Tuệ Như Lai; Đại Thông Tuệ Như Lai. Ngài ra đời trong quá khứ cách nay nhiều a tăng kỳ kiếp và diễn thuyết kinh Pháp Hoa.

Phẩm hóa thành dụ trong kinh Pháp Hoa cuốn 3 nói, cách đây vô số a tăng kỳ kiếp, có đức Phật hiệu

là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, lúc chưa xuất gia, đã là một vị vua có 16 hoàng tử. Sau khi vua cha xuất gia thành đạo chứng quả, thì 16 vị vương tử này cũng xin xuất gia làm Sa di và được nghe đức Phật Đại Thông Trí Thắng giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên tất cả đều tín thọ phụng hành. Sau đó 16 vị Sa di cũng lần lượt lên tòa giảng kinh Pháp Hoa, mỗi vị độ thoát cho vô số chúng sanh, đều thành chánh giác và thuyết giảng kinh Pháp Hoa ở 16 phương.

(32) Ương Quật Ma La giết Thích Ca: (Anguli Malya). Hán dịch: Chỉ Nam, chỉ kế, tên của một đệ tử Phật. Ông là người hung bạo, ở Thành Thất La Phật Tất đế. Tôn thờ tà sư Mani Bạt Đà La làm thầy. Sau vì người mẹ của thầy vu cáo Ương Quật làm nhục bà ta. Nên thầy của Ương Quật bảo phải ra đi tu hành và dặn phải giết cho được 1000 người, lấy 1 ngón tay khâu kết thành bện chuỗi hoa đeo vào cổ thì mới truyền cho pháp Niết bàn.

Ương Quật ra khỏi thành tìm giết được 1 người thì cắt lấy 1 ngón tay khâu lại thành tràng chuỗi hoa. Do đó mà có tên Chỉ Nam (tràng hoa ngón tay). Sau khi đã giết được 999 người, Ương Quật quyết định giết mẹ mình để đủ 1000.

Đức Phật biết chuyện đến hóa độ Ương Quật. Thấy Phật, ông cầm dao sẵn tới định giết đức Phật. Đức Phật bình tĩnh mà nói pháp cho nghe. Ương Quật an nản sám hối và xin theo Phật xuất gia. Sau ông được chứng quả A La Hán.

(33) Tam thừa, 5 Tánh, Đốn giáo, Viên giáo, Tích môn, Bản Môn:

- Tam thừa: 1. Thanh văn thừa; 2. Duyên giác thừa; 3. Bồ tát thừa. 3 loại xe, 3 pháp môn vận chuyển chúng sanh vượt qua sanh tử đến bờ giải thoát Niết bàn.

- 5 Tánh: Ngũ tánh (tính). Cũng gọi Ngũ chủng tính; Ngũ chủng chúng tính; Ngũ chủng thừa tính; Ngũ thừa chủng tính. Năm tính khác nhau của chúng sanh, do chủng tử có sẵn, trong a lại da quyết định mà không có cách nào thay đổi được. Đây là thuyết của Pháp tướng tông, gọi là Ngũ tính các biệt. Đó là:

1. Bồ tát định tính (Định tính Bồ tát).
2. Độc giác định tính (Định tính Độc giác).
3. Thanh văn định tính (Định tính Thanh văn).
4. Tam thừa bất định tính (Bất định chủng tính).
5. Vô tính hữu tính (Hữu tính không có tính).

- Đốn giáo: Giáo lý có nội dung giúp hành giả chứng quả vị Phật một cách nhanh chóng, mà thành tựu Bồ Đề. Không theo thứ lớp. Trái lại với Đốn giáo là Tiệm giáo. Tiệm giáo là giáo pháp phải theo thứ lớp mà tu hành dần dần theo thời gian dài mới đạt được quả vị Phật, gọi là Tiệm giáo.

- Viên giáo: Là giáo lý cứu cánh viên mãn của Phật. Ở Trung Hoa, nội dung các kinh điển được hệ thống hóa để phân tích giáo tướng và giáo pháp viên mãn cứu cánh được gọi là Viên giáo.

▪ Bản môn tích môn: Gọi chung là bản tích nhị môn, còn gọi là bản địa thù tích. Gọi tắt là bản tích, do Trí Khải tôn Thiên Thai lập.

Bản có nghĩa bản địa (chỗ gốc). Thành (Phật) đã lâu; tích có nghĩa là cái dấu tích, mới thành (Phật) gần đây; chỉ thực tế và ảnh hiện của thực tế.

Bản môn, có nghĩa là đức Phật đã thành đạo (bản Phật thực hành từ lâu xa) xưa kia trong quá khứ lâu xa lắm rồi, để hiển bày thuyết bản địa, căn nguyên và bản thể của đức Phật, cho nên gọi là thực thể.

▪ Tích môn: Là chỉ đức Phật mới thị hiện gần đây, thân mới thành (Phật) ở Ca Tỳ La Vệ, để hiển bày bản Phật vì hóa độ chúng sanh mà đã từ bản địa ứng hóa ra thù tích. Vì thế gọi đó là ứng tích, ảnh hiện.

*

* *

C. Khám Biện (Kiểm Định Khả Năng Liễu Ngộ)

(1) Phổ Hóa (?-860): Thiền sư danh tiếng, Trung Hoa, sống vào đời Đường. Sơ tổ tông Phổ Hóa, thiền tông Nhật Bản.

Thiền sư tư chất và tính tình khác người. Tôn Thiền sư Bản Sơn, Bảo Tích làm thầy. Được mật truyền áo nghĩa, thâm nhập huyền chỉ. Sau khi Bảo Tích thị tịch, Thiền sư du hóa đến Trấn Châu, phía Bắc. Nói năng tựa như điên, khùng. Hành vi phóng túng, nơi ở không nhất định. Hễ gặp người nào, Thiền

sư cũng đánh tiếng mõ, rồi nói: *“Sáng đến, đánh sáng, tối đến, đánh tối, 4 phương 8 hướng thì xoáy gió mà đánh, hư không đến cũng đánh tất”*.

Thiền sư cũng thường đến chỗ phố chợ, hoặc nghĩa trang. Có lúc múa hát, có khi buồn khóc. Một hôm Thiền sư vào Viện Lâm Tế ăn cơm. Thiền sư Nghĩa Huyền bảo Thiền sư rất giống con lừa, sư liền kêu như lừa và nói *“Lâm Tế là đứa ở đợ, chỉ có 1 con mắt”*.

Vào năm Hàm Thông (860-873) Khi sắp thị tịch, Thiền sư vác quan tài, đi ngoài phố chợ, đến từng nhà cáo từ rằng: *“ngày mai Phổ Hóa ra cửa Đông chết”*. Người trong thôn quận báo nhau đưa Thiền sư ra cửa thành. Thiền sư nói to: *“Hôm nay chôn không tốt”*.

Qua ngày thứ hai, Thiền sư đi ra cửa Nam, mọi người cũng đi theo đưa tiễn. Thiền sư lại nói: *“Ngày mai cửa Tây mới tốt”* Cứ như thế rồi ra về. Ngày thứ tư, Thiền sư tự vác quan tài ra cửa Bắc, đánh mõ lên rồi nằm vào quan tài mà thoát hóa.

(2) Nam Tuyền, là Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên. Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. Sau khi được ấn khả, Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên đến an trú tại núi Nam Tuyền. Hơn 30 năm không hạ sơn. Về sau nhân lời thỉnh cầu của quan Thái thú quận Tri Dương là Lục Công Cự và Hộ quân Bành Thành là Lưu Phong, Thiền sư phải hạ sơn để xiển dương tông phong.

Tăng tục đều tụ tập về đây rất đông, chùng vãi trăm môn nhân.

(3) Lạc Phổ. Lạc Phổ Nguyên An Thiền sư danh Tăng đời Đường. Thiền sư đã từng tham cứu Công An “*Lạc Phổ Đầu Sư*”, với Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội.

Chương Lạc Phổ Nguyên An trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 16 chép: một hôm sư Lạc Phổ đến tham yết Tổ Giáp Sơn, không khế hội được cơ ngữ, chỉ khoanh tay đứng nhìn. Tổ Giáp Sơn quở Thiền sư vô lễ, chẳng phải người chân thực học đạo. Thiền sư Lạc Phổ tự biết lỗi của mình, khiêm nhường hỏi pháp và được đại ngộ.

(4) Diển tọa: Chức vụ của một vị Tăng phụ trách việc ăn uống ngủ nghỉ của đại chúng trong tông lâm.

Theo sách “*Bách Trượng Thanh qui*”: Diển tọa trông coi cơm cháo cho đại chúng, tất cả thức ăn uống đều phải sạch sẽ thích hợp và được sử dụng 1 cách tiết kiệm. Chức vụ này tuy lo việc ăn uống lật vật, nhưng từ xưa, đã rất được coi trọng và thường được thỉnh cử vị Tăng đức hạnh cao khiết đảm nhiệm. Bởi vì công việc này cũng là một phương pháp tu trì. Nếu trao cho một người không có tâm đạo phụ trách thì chỉ luống công vô ích.

(5) Đức Sơn Tuyên Giám (782-865): Vị Thiền Tăng đời Đường, người Kiểm Nam, Tứ Xuyên, họ Chu, pháp danh Tuyên Giám.

Xuất gia từ nhỏ, 20 tuổi thọ Cụ túc, thông suốt yếu chỉ của các kinh điển Đại Tiểu thừa; thường giảng dạy kinh Kim Cang Bát Nhã, nên người đương thời gọi Thiền sư là Chu Kim Cương.

Thiền sư là người tu hành nghiêm khắc, thường dùng gậy đánh người học để tiếp dẫn họ. Nên có danh xưng là “*Đức Sơn bổng*” (Đức Sơn thường dùng gậy đánh).

Sau hơn 30 năm hành hóa. Gặp lúc vua Võ Tông (841-846) nhà Đường phế bỏ Phật giáo. Thiền sư lánh nạn ở một Thạch Thất trong núi Độc Phù.

Năm Đại Trung (847-859), theo lời thỉnh cầu của Thái thú Vũ Lăng, tên là Tiết Đình Vọng, Thiền sư mới đến núi Đức Sơn hoằng dương tông phong, dần dần nơi này trở thành một tông lâm đồ sộ.

Ngày 03 tháng 12 năm Hàm Thông thứ 6 (865), Thiền sư nói với môn đồ rằng: “*Nắm bắt hư không, đuổi theo tiếng vang chỉ nhọc thân tâm các ông thôi. Tỉnh mộng rồi mới biết lối, rốt cuộc có gì đâu*”.

Nói xong, Thiền sư ngồi yên thị tịch. Thọ 84 tuổi, 65 hạ lạc. Nhà vua ban thụy hiệu “*Kiến Tánh Đại Sư*”.

(6) Phương trượng: Cũng gọi Phương trượng thất, Trượng thất, căn phòng hình vuông, mỗi bề 1 trượng. Tức là nơi ở của vị trú trì, hoặc phòng khách Tăng trong các thiền viện thuộc thiền tông. Phòng chư Tăng Ấn Độ cũng làm theo qui chế phương thất trượng. Thất của Cư sĩ Duy Ma Cật cũng theo qui chế này.

(7) Hạnh sơn: Danh Tăng đời Đường Trung Hoa.

(8) Côn Lô Sơn: Núi Côn Lô, cũng gọi là Côn Lô Sơn: Một ngọn núi có tính thần bí. Tương truyền là nguồn của Sông Hoàng, hoặc trên núi có hồ A Nậu Đạt, hoặc chỗ ở của Tây Vương Mẫu, Mục Vương nhà Tây Chu, từng đến thăm Tây Vương Mẫu và được mở yến tiệc tại Dao Trì.

Núi này tương truyền là trung tâm của trời đất, sản sinh nhiều thứ trân quý, vàng ròng, có 500 vị A La Hán ở trong hang núi này...

Ngoài ra Thiền Tông dùng núi này để biểu thị ý căn bản của Phật pháp. Hòa thượng Hư Đường ngữ lục nói: *“Chỉ niệm một tiếng Nam Mô Phật đều đã thành Đạo, nếu nói đến Kim luân thủy tể trên đỉnh núi Côn Lô thì công đức không xiết kể”*.

(9) Đại Giác Thiền sư là Thụy hiệu của Thiền sư Đạo Long (1213-1278), họ Nhiễm tự Lan Khê, theo phái Dương Kỳ, Lâm Tế đời Nam Tống, người Phù Giang Tây Thục. Thiền sư Đạo Long là Tổ của phái Đại Giác, tôn Lâm Tế Nhật Bản.

Năm 13 tuổi xuất gia ở chùa Đại từ tại Thành Đô, rồi tham học khắp nơi. Sau đến Chiết Giang, tham kiến với các Thiền sư Vô Chuẩn, Sư Phạm, Sĩ Tuyệt... để hỏi về thiền nhưng chưa Khế hội.

Không bao lâu, Thiền sư tham yết với Thiền sư Vô Tuệ Tính ở Dương Sơn, tỏ ngộ huyền chỉ.

Bấy giờ Phật giáo Nhật Bản tuy thịnh hành, nhưng thiền học thì chưa ai biết đến, nên Thiền sư lập

chí vượt biển sang Nhật hoàng dương thiền pháp. Năm Thuận Hựu thứ 6 (1246) Thiền sư đến Nhật Bản.

Tại đây Thiền sư đi đến rất nhiều chùa vừa tham vấn vừa hoàng dương thiền pháp.

Sau hơn 30 năm sống, hành thiền và tuyên dương thiền pháp. Đạo hạnh đức độ của Thiền sư ngày 1 sáng, vua quan và thứ dân ai cũng mến mộ. Đạo thiền ở đây ngày một hưng thịnh.

Niên hiệu Hoàng An năm đầu (1278), Thiền sư thị tịch, thọ 66 tuổi, thụy hiệu là “*Đại Giác Thiền Sư*”. Thiền sư là người đầu tiên ở Nhật Bản được ban danh hiệu Thiền sư. Dòng thiền của Thiền sư được gọi là Đại Giác phái.

(10) Triệu Châu (778-897): Thiền sư danh Tăng Trung Quốc, sống vào đời Đường, người làng Hắc, Tào Châu, pháp hiệu Tông Thâm.

Xuất gia lúc nhỏ, ở huyện Hồ Thông tại Tào Châu. Trước khi thọ giới Cụ túc, Thiền sư đã đến huyện Trì Dương tham kiến với Thiền sư Nam Tuyên Phổ Nguyên, và được cho là bậc pháp khí.

Thiền sư thọ Cụ túc tại giới đàn Lưu Y ở Trung Sơn. Sau về nương tựa Thiền sư Nam Tuyên, lần lượt tham vấn với các Thiền sư Hoàng Bá, Bảo Thọ, Diêm Quan, Giáp Sơn, Ngũ Đài...

Năm Thiền sư đã 80 tuổi, đại chúng cung thỉnh Thiền sư an trụ tại Viện Quan Âm ở Thành Đông, Triệu Châu, mở mang thiền phái trong 40 năm.

Năm Càn Ninh thứ 4 (897) Thiền sư viên tịch, thọ 120 tuổi, thụy hiệu là “*Chân Tế Đại Sư*”.

(11) Long Nha, Thúy Vi: Túc 2 vị Thiền sư Long Nha Cư Độn và Thúy Vi Vô Học cùng Lâm Tế Nghĩa Huyền là 3 vị Thiền sư danh tiếng đời Đường, thuộc dòng Lâm Tế.

Tắc 20 Bích Nham Lục, nói: Thiền sư Long Nha hỏi Thiền sư Thúy Vi rằng: “*Ý của Tổ sư từ phương Tây đến là thế nào? (Đây là công án thiền tôn, có tên gọi: “Long Nha Tây Lai”)*”. Thiền sư Thúy Vi đáp:

- Hãy đem thiền bản ra đây cho ta.

Long Nha đưa thiền bản cho Thúy Vi. Thúy Vi cầm lấy thiền bản và đánh. Long Nha nói:

- “*Đánh thì cứ đánh, nhưng chẳng có ý Tổ sư từ phương Tây đến*”. Long Nha hỏi Thiền sư Lâm Tế:

- “*Thế nào là ý của Tổ sư từ phương Tây đến?*”

Lâm Tế nói:

- “*Đưa bồ đoàn lại đây cho ta*”.

Long Nha đem bồ đoàn cho Lâm Tế. Lâm Tế cầm lấy bồ đoàn và đánh. Thiền sư Long Nha nói:

- “*Đánh thì cứ đánh, nhưng không có ý của Tổ sư từ phương Tây đến*”.

(12) Bồ đoàn: Dụng cụ dùng để ngồi (tọa cụ). Bện bằng cỏ lác (cỏ bồ), hình tròn, bằng phẳng; cũng gọi là viên tọa. Là vật của vị Tăng, dùng khi ngồi thiền, quì, lạy.



D. Du Hành

(1) Quy Sơn: Thiền sư Quy Sơn_Linh Hựu (771-853). Thiền sư danh Tăng Trung Hoa. Ngài là sơ Tổ khai sáng tôn Quy Ngưỡng, người Trường Khê, Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến. Ngài có họ Triệu, pháp danh Linh Hựu.

Năm 15 tuổi, Thiền sư đầu sư học đạo với Thiền sư Pháp Thường, ở chùa Kiến Thiện, cầu xin xuất gia. Sau thọ giới Cụ túc ở chùa Long Hưng Hàng Châu.

Năm 23 tuổi, Thiền sư đến Giang Tây, tham học với Tổ Bách Trượng Hoài Hải, và trở thành đệ tử Thượng thủ, sau được nối pháp của Ngài.

Cuối năm Nguyên Hóa đời vua Hiến Tông, Thiền sư đến an trú núi Đại Quy ở Hàm Châu. Do chỗ dân chúng cảm mến đức hạnh của Thiền sư, họ chung nhau xây chùa và thỉnh sư làm trú trì. Chùa này về sau được vua ban hiệu là chùa Đồng Khánh. Từ đây, Vua, quan triều đình, thứ dân đến tham vấn hỏi đạo ngày càng đông, tiếng tăm vang xa. Thiền sư sinh, đồ chúng về đây tham học, tu hành, đông đúc phồn thịnh.

Năm Đại Trung thứ 7 (853), Ngài thị tịch, thọ 83 tuổi, pháp lạc 64, thụy hiệu “*Đại Viên Thiền Sư*”.

(2) Ngưỡng Sơn_Huệ Tịch (840-916) Thiền sư Trung Hoa, sống vào đời Đường, người Phiên Ngung, tỉnh Quảng Đông, họ Diệp, hiệu là Tiểu Thích Ca.

Năm 9 tuổi, Thiền sư đến nương tựa Thiền sư Thông ở chùa Hoa An.

Năm 17 tuổi, Thiền sư tự chặt 2 ngón tay, lập thế xuất gia. Ban đầu Thiền sư tham yết với Thiền sư Đàm Nguyên Ứng Chân mà tỏ ngộ huyền chỉ. Không bao lâu, Thiền sư vào hội Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu và được ấn khả.

Sau đó Thiền sư đến Giang Lăng thọ giới và nghiên cứu luật tạng và tham vấn Thiền sư Nham Đầu Toàn Khoát, rồi trở về Qui Sơn làm thị giả Linh Hựu 15 năm và xiển dương tông môn.

Năm Trinh Minh thứ 2 (916), Thiền sư viên tịch, thọ 77 tuổi. Thiền sư đạt thụy hiệu là “*Trí Thông Thiền Sư*”.

(3) Phong Huyệt: Tức Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiếu: Là vị Thiền Tăng tôn Lâm Tế, đời Bắc Tống, người Hàng Châu Chiết Giang, họ Lưu. Thuở nhỏ, khôi ngô tuấn tú, đọc rất nhiều kinh sách. Thiền sư y chỉ luật sư Trí Cung chùa Khai Nguyên, xuống tóc thọ Cụ túc. Thiền sư chuyên đọc kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa, tu tập chỉ quán.

Về sau Thiền sư y chỉ và tham học với Thiền sư Nam Viện Tuệ Ngung 6 năm.

Năm Trường Hưng thứ 2 (931), Thiền sư đến ở chùa Phong Huyệt tại Nhữ Châu, ở đây 7 năm, đồ

chúng về học đông đảo, xây dựng chùa thành chốn tông lâm. Quan chức, trí nhân, thứ dân nghe tiếng, kính mộ.

Năm Khai Bảo thứ 6, đời vua Tống Thái Tổ, Thiền sư viên tịch, thọ 78 tuổi.

(4) Duy Na: Duy na là danh từ gồm chữ Phạn và chữ Hán. Duy là cương duy: nghĩa là quản lý mọi công việc. Na là gọi tắt của tiếng Phạn là Karmadana (Yết ma đà na). Dịch ý là thọ sự (trao việc) có nghĩa là đem công việc trong chùa trao cho một người nào đó chịu trách nhiệm.

Theo bách trượng thanh qui, trong chốn thiền lâm, chức Duy na hết sức quan trọng: Giữ giềng mỗi trong chúng Tăng; điều hòa thu nhiếp tất cả, khi có khách Tăng đến lưu trú, kiểm tra xem đồ điệp thật hay giả; chúng có tranh cãi, phải điều hòa phân giải; xem xét thứ tự giới lạp; giường chiếu mừng mên, tất cả các việc Tăng trong ngoài, lớn nhỏ đều phải lo liệu; đặc biệt quan tâm đến các vị Tăng đau ốm, hoặc qua đời.

Trường hợp mà vị Duy Na vì duyên sự mà phải rời khỏi tông lâm, hoặc nghỉ phép... phải mang các sổ giới lạp, các sổ nghỉ phép, sổ mà vị đương sự phải biết, giao hết cho vị tri khách, nhờ giữ dùm.

Trong các sinh hoạt lễ lược tại các tông lâm hiện nay, cũng như các buổi lễ lược mang tính tập thể Tăng, thì Duy na là vị đứng ở vị trí bên chuông, để điều hành các tiết thứ của buổi lễ. Còn đứng ở vị trí

bên mõ được gọi là vị Duyệt chúng, có nghĩa là vị điều hành nhịp nhàng nhanh chậm, để chư Tăng tụng niệm đều đặn không gây phiền não.

(5) Bách Trượng: Bách Trượng_Hoài Bảo, Thiền Tăng đời Đường. Người huyện Trường Lạc, họ Vương.

Thiền sư thuở nhỏ đã thường lui tới nhiều chùa viện. Năm 20 tuổi, xuất gia, theo Thiền sư Tuệ Chiếu ở Sơn Tây. Sau theo Luật sư Pháp Triệu, ở nam Nhạc, thọ giới Cụ túc. Không lâu sau, đến Lư Giang (Tứ Xuyên) đọc Đại Tạng Kinh, gặp được Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất, đem tâm hướng theo và được Mã Tổ ấn khả.

Về sau, Thiền sư ra làm chủ tại Tân Ngô, tỉnh Giang Tây, núi Bách Trượng, tự lập Thiền viện, chế định Thanh qui, suất chúng tu trì, thực hành sinh hoạt nông thiền. Thiền sư đã có câu ngữ pháp để muôn đời sau *“Một ngày không làm, một ngày không ăn”*.

Năm Nguyên Hóa thứ 9, Thiền sư viên tịch, thọ 95 tuổi. Nhà vua ban thụy hiệu *“Đại Trí Thiền Sư”*.

Thiền sư chế định Thanh qui, gọi là *“Bách trượng Thanh Qui”*, đây là một công tích vạch ra thời đại của lịch sử thiền tông, không một tông lâm nào mà không ứng dụng trong sinh hoạt hằng ngày của Thiền Tăng.

(6) Lăng Nghiêm hội: Trong truyền thống thiền lâm ngày xưa, mỗi mùa hạ an cư kiết hạ, các chùa thường có tổ chức các hội trì tụng kinh Pháp Hoa, hội

Từ Bi Thủy Sám, hội Lương Hoàng Sám, hội Di Đà, hội Lăng Nghiêm...

Hội tổ chức từ ngày 31/4 đến 13/7 âm lịch. Chúng Tăng lên chánh điện mỗi ngày, trì tụng kinh Lăng Nghiêm... để cầu an hoặc cầu siêu độ.

Thiền sư Châu Yết Thanh Liễu đời Nam Tống ở núi Phổ Đà, trong mùa an cư, tụng chú cầu cho chúng Tăng, khỏi bệnh hoạn. Đây là nguồn gốc của hội Lăng Nghiêm.

(7) A Nan: Phạm là Ānanda, là một trong 10 đệ tử lớn của Phật. Nói cho đủ là A Nan Đà. Dịch là: Hoan hỷ, khánh hỷ, vô nhiễm. A Nan là em họ của đức Phật. Sau A Nan xuất gia theo Phật, thường ở bên cạnh Phật hơn 20 năm.

A Nan có ký ức rất tốt. Đối với lời Phật giảng dạy trong suốt thời gian trụ thế, trí tuệ của A Nan có thể ghi nhớ rõ ràng; cho nên A Nan được gọi là “*Đa Văn Đệ Nhất*”.

*

* * *

VI. PHỤ LỤC

1. HÀNH TRẠNG

Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền (? - 867)
Chùa (viện) Lâm Tế - Tổ khai sáng
tôn Lâm Tế

Thiền sư họ Hình, quê quán Nam Hoa, Tào Châu, Trung Hoa. Thiếu thời, đã có chí xuất trần. Lớn lên, sau khi xuất gia, Nghĩa Huyền thường lui tới các trú xứ giảng pháp để nghiên cứu tinh tường giới luật kinh luận. Rất mộ thiền học, Thiền sư dạy, đây là phương thuốc cứu nhân độ thế, chưa phải là yếu chỉ giáo ngoại biệt truyền. Thiền sư chu du khắp nơi, tham học.

*

* *

Bước đầu, Thiền sư đến với tổ Hoàng Bá. Tại đây, Thiền sư Nghĩa Huyền với phong thái uy nghiêm, đức hạnh vẹn toàn. Được Thiền sư Thủ tọa là Trần Tôn Túc thấy và khen: *“Tuy hậu sinh nhưng xuất chúng”*

Trần Tôn Túc hỏi: *“Thầy ở đây được bao lâu rồi?”*

- Thiền sư thưa, 3 năm.
- Đã tham vấn chưa?
- Chưa từng, nhưng cũng không biết tham vấn gì.
- Sao không đến Hòa thượng Đường đầu (Hoàng Bá) hỏi “*Thế nào là Đại ý Phật pháp*”?

Sau đó Thiền sư Nghĩa Huyền đến Hòa thượng Hoàng Bá hỏi. Nhưng hỏi chưa dứt lời, thì bị Hoàng Bá đánh nên trở xuống.

Trần Tôn Túc hỏi:

- Thế nào rồi?
- Tôi đến hỏi, chưa dứt lời thì bị Hòa thượng đánh. Tôi chẳng hiểu gì cả!
- Nên đến hỏi tiếp.

Thiền sư đến hỏi tiếp, Hoàng Bá lại đánh. Ba lần thưa hỏi như vậy đều bị đánh ba lần.

Thiền sư đến bạch thủ tọa Trần Tôn Túc thưa: Nhờ ân Hòa thượng, tôi đã 3 phen đến thưa Hòa thượng Hoàng Bá, nhưng bị 3 lần đánh. Tôi thất vọng vì chướng duyên nặng nên không lãnh hội được thâm chỉ. Nay xin từ giả.

Trần Tôn Túc bảo: Trước khi đi, hãy đến từ giả Hòa thượng.

Thiền sư Nghĩa Huyền lễ tạ rồi lui về phòng. Thủ tọa Trần Tôn Túc đến trượng thất Thiền sư Hoàng Bá thưa trước rằng: Người đến thưa hỏi ấy, thật đúng pháp. Nếu có đến từ giả. Xin Hòa thượng từ bi

phương tiện tiếp y. Về sau, đực đẽo sẽ thành gốc cây đại thọ che mát thiên hạ.

Sau đó, Thiền sư Nghĩa Huyền, đến từ giả. Hòa thượng bảo: Chẳng nên đi chỗ nào khác. Người nên thẳng đến Cao An, chỗ Thiền sư Đại Ngu. Ông ấy sẽ vì người mà chỉ bảo.

Thiền sư Nghĩa Huyền đến Hội Cao An, Thiền sư Đại Ngu.

*

* *

Thiền sư Nghĩa Huyền đến Thiền sư Đại Ngu. Đại Ngu hỏi:

- Từ đâu đến?
- Ở Hoàng Bá đến.
- Hoàng Bá dạy lời gì?

- Con 3 phen hỏi Đại ý Phật pháp, 3 lần bị đánh. Chẳng biết con có lỗi hay không có lỗi?

- Bà già Hoàng Bá đã vì người mà chỉ chỗ tốt cùng lẽ khổ. Thế mà từ đó lại hỏi có lỗi không lỗi.

- Ngay câu nói ấy, Thiền sư Nghĩa Huyền đại ngộ và thưa: Xưa nay Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.

Thiền sư Đại Ngu nắm Thiền sư Nghĩa Huyền đứng phắc dạy và bảo: Con quỉ đái dầm! Vừa nói có lỗi không lỗi, bây giờ lại nói Phật pháp Hoàng Bá không nhiều? Còn người thấy đạo lý gì? Nói mau! nói mau!

Thiền sư Nghĩa Huyền liền cho vào hông của Đại Ngu 3 thoi.

Thiền sư Đại Ngu buông Nghĩa Huyền ra và nói: Thầy người là Hoàng Bá, chẳng can gì đến công việc của ta.

Thiền sư Nghĩa Huyền lấy từ tạ Đại Ngu rồi trở lại Hội Hoàng Bá.

*
* *

Thiền sư Nghĩa Huyền trở lại Hội Hoàng Bá cầu ân chứng.

Thiền sư Hoàng Bá thấy Nghĩa Huyền trở về, hỏi: Kẻ học đạo này đến đến, đi đi, biết bao giờ mới liễu ngộ.

Thiền sư thưa: Chỉ vì tâm lão già quá thiết tha, nên nay việc đã xong, xin đứng thị giả.

Hoàng Bà: Đến đâu về?

- Hôm trước, vâng lời Hòa thượng dạy, con đến tham vấn Cao An Đại Ngu, nay trở về.

- Đại Ngu có lời dạy gì?

Nghĩa Huyền thuật lại tự sự.

- Lão Đại Ngu này đã buông lời, đợi hôm nào đến đây, ta cho ăn đòn.

Thiền sư Nghĩa Huyền nói tiếp: Cần gì phải đợi đến. Ngay bây giờ cho ăn đòn. Nói xong Nghĩa Huyền bước tới sau lưng Hoàng Bá và cho vào lưng

Hoàng Bá một đám.

Hoàng Bá bảo: Gả phong điền này, rồi trở lại nhà thiền.

*
* *

Một hôm Thiền sư Nghĩa Huyền trông tùng Hoàng Bá hỏi: Trong núi sâu, trông tùng làm gì?

Thiền sư thưa: 1 là để sơn môn làm cảnh và 2 là làm cái nêu, cái thước đo chừng mực cho hậu thế. Nói xong Thiền sư trở đầu cuộc đánh pháp xuống đất 3 cái.

Hoàng Bá bảo: Tuy vậy con đã ăn của ta ba mươi gậy rồi đó. Thiền sư dùng cuộc đánh pháp xuống đất ba cái, rồi cất tiếng rên hừ! hừ!

Hoàng Bá nói, tông phong của ta đến người đã được thịnh hành lớn ở đời.

Một hôm Thiền sư ngồi trước tăng đường, thầy Hòa thượng Hoàng Bá đến, Thiền sư liền nhắm mắt lại. Hoàng Bá làm ra vẻ sợ và trở về phương trượng.

Thiền sư theo sau đến phương trượng lễ tạ. Hoàng Bá nói với thủ tọa thị giả. Vị tăng nay tuy là hậu sanh, lại có biết việc này.

Thủ tọa Trần Tôn Túc thưa: Hòa thượng già, gót chân chẳng dính đất lại chứng cứ kẻ hậu sinh.

Hoàng Bá tự vả vào miệng một cái.

Trần Tôn Túc thưa: Biết là được.

Một hôm, chấp tác chung, thấy Hòa thượng Hoàng Bá đến. Thiền sư chống cuộc đứng.

Hoàng Bá hỏi: Gã này mệt rồi sao?

Thiền sư bảo, cuộc chưa đỡ lên, mệt cái gì?

Hoàng Bá đánh, Thiền sư chụp lấy gậy, rồi cho một đập té nhào.

Hoàng Bá gọi Duy Na: Đỡ ta dậy với.

Duy Na đỡ dậy và nói: *“Hòa thượng đâu dung được gã phong điên này”*.

Hoàng Bá vừa đứng dậy và đánh Duy Na vừa đào đất vừa nói: *“Các nơi khác thì hỏa táng, tôi thì chôn sống”*.

Thiền sư ở hội Hoàng Bá mãi đến một hôm giữa mùa an cư, Thiền sư đến thăm và lễ tạ Hoàng Bá.

Ở lại đây được mấy hôm rồi Thiền sư xin từ giả ra đi.

Hoàng Bá bảo, người phá hạ mà đến đây, sao không để trọn hạ rồi đi?

Thiền sư Nghĩa Huyền thưa: Con tạm đến lễ bái Hòa thượng. Hoàng Bá đánh và đuổi đi. Thiền sư đi mấy dặm rồi trở lại đến trọn hạ.

Hạ mãn, Thiền sư từ giả Hoàng Bá.

Hoàng Bá hỏi: Đi đâu?

- Chẳng phải Hà Nam thì về Hà Bắc.

Hoàng Bá đánh. Thiền sư trở tay và cho Hoàng Bá một tát.

Hoàng Bá cười to, gọi thị giả đem thiên bằng, kỷ án của Bách Trượng tiên sư ra đây; Thiền sư Nghĩa Huyền cũng gọi thị giả đem lửa ra đây.

Hoàng Bá cười và nói tuy vậy, người hãy đem theo, về sau ở đâu sẽ đánh dẹp ngôn ngữ cho mọi người.

Đã được Hoàng Bá ấn khả, Thiền sư đến Hà Bắc Trần Châu. Ở 1 tu viện nhỏ, nơi đây có Phổ Hóa đã ở trước. Một hôm Nghĩa Huyền gọi Phổ Hóa và Khắc Phù đến bảo: *“Ta muốn dựng lập tôn chỉ Hoàng Bá, 2 ông hãy giúp đỡ ta”*. 2 vị trân trọng lui ra.

- 3 ngày sau Phổ Hóa hỏi: *“3 ngày trước Hòa thượng nói gì?”* Nghĩa Huyền đánh. 3 ngày sau, Khắc Phù lại lên hỏi?: *“3 ngày trước, Hòa thượng đánh Phổ Hóa là sao?”* Nghĩa Huyền cũng đánh.

- Phủ chủ Vương Thường Thị và các quan tỉnh sư đăng tòa. Thiền sư thượng đường bảo: Hôm nay sơn Tăng bắt đắc dĩ lên tòa này. Nếu dưới cửa tổ tông khen ngợi việc lớn, hãnh mở miệng không được, không có chỗ các ông để chân. Hôm nay do Vương Thường Thị cố tỉnh, sơn Tăng tạm ấn cương tông. Vậy trong đây nếu có minh sư, chiến tướng thì hãy bày trận, để chúng chứng cứ.

Vị Tăng hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Sư hét:

Tăng lễ bái Thiền sư: Ông thầy này nên bàn luận.

Tăng hỏi: Thầy tuyên dương tông phong ai? Với pháp vị nào? Thiền sư: Ta ở hội Huyền Bá, 3 phen hỏi, 3 phen bị đánh. Tăng suy nghĩ Thiền sư hét rồi

đánh và nói: Không thể giữa hư không mà đóng đinh.

Một hôm Nghĩa Huyền thượng đường bảo:

- Trên cục thịt đỏ, có 1 vô vị chân nhân, thường từ cửa mắt các ông ra vào. Người nào chưa thấy (không có chứng cứ) thì hãy nhìn đi, nhìn đi”.

Tăng hỏi: Thế nào là chân nhân. Nghĩa Huyền bước xuống nắm đứng dạy bảo: “*Nói*” “*nói*”! Tăng suy nghĩ: Nghĩa Huyền buông lời: “*Vô vị chân nhân là cái gì há?, Cục cứng khô*” Nói xong Nghĩa Huyền về phương trượng.

*

* *

• Một chiều Thiền sư dạy đại chúng: Có khi đoạt nhân chẳng đoạt cảnh. Có khi đoạt cảnh không đoạt nhân. Có khi nhân cảnh đều đoạt. Có khi nhân cảnh đều không đoạt.

Tăng hỏi: Thế nào là đoạt nhân không đoạt cảnh?

Nắng ấm nảy sinh gấm trải đất,

Trẻ con rũ tóc trắng như tơ.

Lệnh vua ban xuống khắp thiên hạ,

Biên thù tướng sĩ khói mây tan.

Biên phần hai quận mất liên lạc,

Vua lên điện báu, lão quê hát ca.

• Một hôm Nghĩa Huyền lại dạy về tam huyền tam yếu rằng: Phàm người diễn xướng tôn thừa trong 1 câu phải đủ 3 huyền môn, mỗi huyền môn phải đủ 3

yếu. Có quyền có thật có chiêu có dụng. Các vị làm sao được hội?

• Rồi 1 hôm Nghĩa Huyền cùng Hà Dương, Trương Lão, Mộc Tháp, ngồi quanh lò sưởi trong tăng đường. Nhân nói chuyện về Phổ Hóa mỗi ngày ở ngoài đường chợ chụp gió, chụp mây, biết y là phàm hay thánh? Nói chưa xong Phổ Hóa đi vào. Nghĩa Huyền nói: Người là phàm hay thánh. Phổ Hóa nói: “*Ông hãy nói tôi là phàm hay thánh?*” Nghĩa Huyền hét! Phổ Hóa lấy tay chỉ, nói Hà Dương: kẻ tân phụ (gái mới có chồng), Mộc Tháp, Thiên lão bà, Lâm Tế, đứa tởm nhóc, lại đủ 1 con mắt. Nghĩa Huyền bảo: “*kẻ giặc*”. Phổ Hóa: “*Giặc*” “*giặc*” rồi bỏ ra ngoài.

• Vương Thường Thị đến tham vấn, theo Nghĩa Huyền đến trước tăng đường, xem xong liền nói:

- Tăng cả nhà này có xem kinh không?

Thiền sư: Chẳng xem kinh.

- Thị hỏi: Vậy học thiền chẳng?

Thiền sư: Chẳng học thiền.

- Thị: Kinh đã chẳng xem, thiền lại chẳng học. Vậy cứu cánh làm cái gì?

Thiền sư: Dạy làm Phật tác Tổ.

- Thị hỏi: Mạt vàng tuy quý, nhưng rơi vào mắt thành bệnh, lại làm sao?

Thiền sư: Sẽ bảo ông là kẻ thế tục.

*

* *

Một hôm Phở Hóa vào chợ đến mọi người xin chiếc áo dài, ai nấy đều cho, Phở Hóa không nhận của ai hết. Thiền sư Nghĩa Huyền dạy vị viện chủ mua cho Phở Hóa 1 cỗ quan tài. Phở Hóa về đến chùa, Nghĩa Huyền bảo: *“Tôi đã vì ông mà sắm chiếc áo dài rồi. Phở Hóa tự vác quan tài, đi quanh phố chợ rao rằng: “Lâm Tế đã cho tôi chiếc áo dài rồi, tôi sang cửa phía đông để tịch”*. Người ở chợ đua nhau đến xem, Phở Hóa nói: *“Tôi ngày nay chưa tịch, ngày mai sẽ sang cửa nam mới tịch. Như thế đến 3 ngày. Mọi người đều hết tin. Đến ngày thứ tư không ai theo xem, một mình Phở Hóa tự chun vào quan tài, rồi nhờ người qua đường đẩy nắp lại. Tin này được truyền đi, mọi người trong chợ đua nhau đến xem, dỡ nắp quan tài xem, không thấy thi hài Phở Hóa, chỉ nghe giữa hư không tiếng mõ xa dần rồi mất hút.*

Thiền sư Nghĩa Huyền nói kệ truyền pháp: Diên lưu bất chỉ vấn như hà. Chân chiếu vô biên thuyết tợ tha. Ly tướng ly danh như bất bầm. Xuy mao dụng liễu cấp tu ma. (Theo dòng chẳng đứt, hỏi thế nào. Chân chiếu không ngăn, nói giống ai. Là tướng là danh như chẳng nhận. Gương bén dùng rồi, phải mài gấp).

Thiền sư nói kệ xong Nghĩa Huyền an nhiên thị tịch. Nhâm niên hiệu Hàm Thông năm thứ 8 (868) ngày 10 tháng giêng năm Đinh Hợi. Vua ban Thụy và Tuệ chiếu Thiền sư, Thập hiệu Trừng Linh./.

2. CHÁNH VĂN BẢN HOA NGŨ

**Từ Đại Chánh Tân tu Đại Tạng Kinh (Tập 47,
kinh số 1985)**

鎮州臨濟慧照禪師語錄序

延康殿學士金紫光祿大夫真定府路安撫使兼馬步軍都
總管兼知成德軍府事 馬防撰。

黃檗山頭。曾遭痛棒。大愚肋下。方解築拳。饒舌老婆。
尿床鬼子。這風顛漢。再捋虎鬚。巖谷栽松。後人標榜。
鑊頭斲地。幾被活埋。肯箇後生。驀口自擲。辭焚机案。
坐斷舌頭。不是河南。便歸河北。院臨古渡。運濟往來。
把定要津。壁立萬仞。奪人奪境。陶鑄仙陀。三要三玄。
鈴鎚衲子。常在家舍。不離途中。無位真人。面門出入。
兩堂齊喝。賓主歷然。照用同時。本無前後。菱花對像。
虛谷傳聲。妙應無方。不留朕跡。拂衣南邁。戾止大名。
興化師承。東堂迎侍。銅瓶鐵鉢。掩室杜詞。松老雲閑。
曠然自適。面壁未幾。密付將終。正法誰傳。瞎驢邊滅。
圓覺老演。今為流通。點檢將來。故無差舛。唯餘一喝。
尚要商量。具眼禪流。冀無賺舉。宣和庚子中秋日謹序。

鎮州臨濟慧照禪師語錄

住三聖嗣法小師慧然集

府主王常侍。與諸官請師升座。師上堂云。山僧今日事不獲已。曲順人情方登此座。若約祖宗門下。稱揚大事。直是開口不得。無爾措足處。山僧此日以常侍堅請。那隱綱宗。還有作家戰將直下展陣開旗麼。對眾證據看。僧問。如何是佛法大意。師便喝。僧禮拜。師云。這箇師僧。却堪持論。問師唱誰家曲。宗風嗣阿誰。師云。我在黃蘗處。三度發問三度被打。僧擬議。師便喝。隨後打云。不可向虛空裏釘橛去也。有座主問。三乘十二分教。豈不是明佛性。師云。荒草不曾鋤。主云。佛豈賺人也。師云。佛在什麼處。主無語。師云。對常侍前擬瞞老僧。速退速退。妨他別人諸問。復云。此日法筵為一大事故。更有問話者麼。速致問來。爾纔開口。早勿交涉也。何以如此。不見釋尊云。法離文字。不屬因不在緣故。為爾信不及。所以今日葛藤。恐滯常侍與諸官員。昧他佛性。不如且退。喝一喝云。少信根人終無了日。久立珍重。

師[5]因一日到[6]河府。府主王常侍請師升座。時麻谷出問。大悲千手眼。那箇是正眼。師云。大悲千手眼。那箇是正眼。速道速道。麻谷拽師下座。麻谷却坐。師近前云。不審。麻谷擬議。師亦拽麻谷下座。師却坐。麻谷便出去。師便下座。

上堂云。赤肉團上有一無位真人。常從汝等諸人面門出入。未證據者看看。時有僧出問。如何是無位真人。師下禪床把住云。道道。其僧擬議。師托開云。無位真人是什麼乾屎橛。便歸方丈。

上堂。有僧出禮拜。師便喝。僧云。老和尚莫探頭

好。師云。爾道落在什麼處。僧便喝。又有僧問。如何是佛法大意。師便喝。僧禮拜。師云。爾道好喝也無。僧云。草賊大敗。師云。過在什麼處。僧云。再犯不容。師便喝。是日兩堂首座相見。同時下喝。僧問師。還有賓主也無。師云。賓主歷然。師云。大眾要會臨濟賓主句。問取堂中二首座。便下座。

上堂。僧問。如何是佛法大意。師豎起拂子。僧便喝。師便打。又僧問。如何是佛法大意。師亦豎起拂子。僧便喝。師亦喝。僧擬議。師便打。師乃云。大眾。夫為法者不避喪身失命。我二十年在黃蘗先師處。三度問佛法的的大意。三度蒙他賜杖。如蒿枝拂著相似。如今更思得一頓棒喫。誰人為我行得。時有僧出眾云。某甲行得。師拈棒與他。其僧擬接。師便打。

上堂。僧問。如何是劍刃上事。師云。禍事禍事。僧擬議。師便打。問祇如石室行者踏碓忘却移脚。向什麼處去。師云。沒溺深泉。師乃云。但有來者不虧欠伊。總識伊來處。若與麼來。恰似失却。不與麼來。無繩自縛。一切時中莫亂斟酌。會與不會都來是錯。分明與麼道。一任天下人貶剝。久立珍重。

上堂云。一人在孤峯頂上。無出身之路。一人在十字街頭。亦無向背。那箇在前那箇在後。不作維摩詰。不作傅大士。珍重。

上堂云。有一人論劫。在途中不離家舍。有一人離家舍不在途中。那箇合受人天供養。便下座。

上堂。僧問。如何是第一句。師云。三要印開朱點[1]側。未容擬議主賓分。問如何是第二句。師云。妙解豈容無著問。漚和爭負截流機。問如何是第三句。師云。看取棚頭弄傀儡。抽牽都[2]來裏有人。師又云。一句語須具三玄門。一玄門須具三要。有權有用。汝等諸人。作麼生會。下座。

師晚參示眾云。有時奪人不奪境。有時奪境不奪人。有時人境俱奪。有時人境俱不奪。時有僧問。如何是奪人不奪境。師云。煦日發生鋪地錦。[3]瓔孩垂髮白如絲。僧云。如何是奪境不奪人。師云。王令已行天下遍。將軍塞外絕烟塵。僧云。如何是人境兩俱奪。師云。并汾絕信獨處一方。僧云。如何是人境俱不奪。師云。王登寶殿野老謳歌。師乃云。今時學佛法者。且要求真正見解。若得真正見解。生死不染去住自由。不要求殊勝。殊勝自至。道流。祇如自古先德。皆有出人底路。如山僧指示人處。祇要爾不受人惑。要用便用。更莫遲疑。如今學者不得。病在甚處。病在不自信處。爾若自信不及。即便[4]忙忙地。[5]徇一切境轉。被他萬境回換。不得自由。爾若能歇得念念馳求心。便與祖佛不別。爾欲[6]得識祖佛麼。祇爾面前聽法底。是學人信不及。便向外馳求。設求得者皆是文字勝相。終不得他活祖意。莫錯諸禪德。此時不遇。萬劫千生輪回三界。[*]徇好境掇去。驢牛肚裏生。道流。約山僧見處。與釋迦不別。今日多般用處。欠少什麼。[7]六道神光未曾間歇。若能如是見得。祇是一生無事人。大德。三界無安猶如火宅。此不是爾久停住處。無常殺鬼一剎那間不揀貴賤老少。爾要與祖佛不別。但莫外

求。爾一念心上清淨光。是爾屋裏法身佛。爾一念心上無分別光。是爾屋裏報身佛。爾一念心上無差別光。是爾屋裏化身佛。此三種身是爾即今目前聽法底人。祇為不向外馳求。有此功用。據經論家。取三種身為極則。約山僧見處不然。此三種身是名言。亦是三種依。古人云。身依義立。土據體論。法性身法性土明知是光影。大德。爾且識取弄光影底人。是諸佛之本源。一切處是道流歸舍處。是爾四大色身不解說法聽法。脾胃肝膽不解說法聽法。虛空不解說法聽法。是什麼解說法聽法。是爾目前歷歷底。勿一箇形段孤明。是這箇解說法聽法。若如是見得。便與祖佛不別。但一切時中更莫間斷。觸目皆是。祇為情生智隔想變體殊。所以輪回三界受種種苦。若約山僧見處。無不甚深無不解脫。道流。心法無形通貫十方。在眼曰見。在耳曰聞。在鼻嗅香。在口談論。在手執捉。在足運奔。本是一精明。分為六和合。一心既無。隨處解脫。山僧與麼說。意在什麼處。祇為道流一切馳求心不能歇。上他古人閑機境。道流取山僧見處。坐斷報化佛頭。十地滿心猶如客作兒。等妙二覺擔枷鎖漢。羅漢辟支猶如廁穢。菩提涅槃如繫驢橛。何以如此。祇為道流不達三祇劫空。所以有此障礙。若是真正道人。終不如是。但能隨緣消舊業。任運著衣裳。要行即行。要坐即坐。無一念心希求佛果。緣何如此。古人云。若欲作業求佛。佛是生死大兆。大德。時光可惜。祇擬傍家波波地學禪學道。認名認句。求佛求祖求善知識。意度莫錯。道流。爾祇有一箇父母。更求何物。爾自返照看。古人云。演若達多失却頭。求心歇處即無事。大德。且要平常莫作模樣。有一般不識好惡禿奴。便即見神見鬼指東劃西好晴好雨。如是之流。盡須抵債。

向閻老前吞熱鐵丸有日。好人家男女。被這一般野狐精魅所著。便即捏怪。瞎屢生。索飯錢有日在。

師示眾云。道流。切要求取真正見解。向天下橫行。免被這一般精魅惑亂。無事是貴人。但莫造作。祇是平常。爾擬向外傍家求過覓脚手錯了也。祇擬求佛。佛是名句。爾還識馳求底麼三世十方佛祖出來。也祇為求法。如今參學道流。也祇為求法得法始了。未得依前輪回五道。云何是法。法者是心法。心法無形通貫十方目前現用。人信不及。便乃認名認句。向文字中求意度佛法。天地懸殊。道流。山僧說法說什麼法。說心地法。便能入凡入聖。入淨入穢。入真入俗。要且不是爾真俗凡聖。能與一切真俗凡聖安著名字。真俗凡聖與此人安著名字不得。道流。把得便用更不著名字。號之為玄旨。山僧說法與天下人別。祇如有箇文殊普賢出來目前。各現一身問法。纔道咨和尚。我早辨了也。老僧穩坐。更有道流來相見時。我盡辨了也。何以如此。祇為我見處別。外不取凡聖。內不住根本。見徹更不疑謬。

師示眾云。道流。佛法無用功處。祇是平常無事。[1]屙屎送尿著衣喫飯。困來即臥。愚人笑我。智乃知焉。古人云。向外作[2]工夫。總是癡頑漢。爾且隨處作主。立處皆真。境來回換不得。縱有從來習氣五無間業。自為解脫大海。今時學者總不識法。猶如觸鼻羊逢著物安在口裏。奴郎不辨賓主不分。如是之流邪心入道。鬧處即入不得。名為真出家人。正是真俗家人。夫出家者。須辨得平常真正見解。辨佛辨魔辨真辨偽辨凡辨聖。若如是辨得。名真出家。若魔佛不辨。正是出一家入一家。喚作造業眾

生。未得名為真出家。祇如今有一箇佛魔同體不分。如水乳合。鵝王喫乳。如明眼道流。魔佛俱打。爾若愛聖憎凡。生死海裏浮沈。

問如何是佛魔。師云。爾一念心疑處是[3]魔。爾若達得萬法無生。心如幻化。更無一塵一法。處處清淨是佛。然佛與魔是染淨二境。約山僧見處。無佛無眾生。無古無今。得者便得。不歷時節。無修無證無得無失。一切時中更無別法。設有一法過此者。我說如夢如化。山僧所說皆是。道流。即今目前孤明歷歷地聽者。此人處處不滯。通貫十方。三界自在。入一切境差別不能回換。一剎那間透入法界。逢佛說佛。逢祖說祖。逢羅漢說羅漢。逢餓鬼說餓鬼。向一切處游履國土教化眾生。未曾離一念。隨處清淨光透十方。萬法一如。道流。大丈夫兒今日方知本來無事。祇為爾信不及。念念馳求。捨頭覓頭。自不能歇。如圓頓菩薩。入法界現身。向淨土中厭凡忻聖。如此之流。取捨未忘染淨心在。如禪宗見解。又且不然。直是現今更無時節。山僧說處皆是一期藥病相治。總無實法。若如是見得。是真出家。日消萬兩黃金。道流。莫取次被諸方老師印破面門道。我解禪解道。辯似懸河。皆是造地獄業。若是真正學道人。不求世間過。切急要求真正見解。若達真正見。解圓明方始了畢。

問如何是真正見解。師云。爾但一切入凡入聖。入染入淨。入諸佛國土。入彌勒樓閣。入毘盧遮那法界。處處皆現國土成住壞空。佛出于世。轉大法輪。却入涅槃。不見有去來相貌。求其生死了不可得。便入無生法界。處處游履國土。入華[4]藏世界。盡見諸法空相。皆無[5]實

法。唯有聽法無依道人。是諸佛之母。所以佛從無依生。若悟無依。佛亦無得。若如是見得者。是真正見解。學人不了為執名句。被他凡聖名礙。所以障其道眼不得分明。祇如十二分教。皆是表顯之說。學者不會。便向表顯名句上生解。皆是依倚落在因果。未免三界生死。爾若欲得生死去住脫著自由。即今識取聽法底人。無形無相無根無本無住處。活[6]撥撥地。應是萬種施設。用處祇是無處。所以覓著轉遠。求之轉乖。號之為祕密。道流。爾莫認著箇夢幻伴子。遲晚中間便歸無常。爾向此世界中。覓箇什麼物作解脫。覓取一口飯喫補毳過時。且要訪尋知識。莫因循逐樂。光陰可惜。念念無常。龐則被地水火風。細則被生住異滅四相所逼。道流。今時且要識取四種無相境。免被境擺撲。

問如何是四種無相境。師云。爾一念心疑被地來礙。爾一念心愛被水來溺。爾一念心嗔被火來燒。爾一念心喜被風來飄。若能如是辨得。不被境轉。處處用境。東涌西沒。南涌北沒。中涌邊沒。邊涌中沒。履水如地。履地如水。緣何如此。為達四大如夢如幻故。道流。爾祇今聽法者。不是爾四大能用爾四大。若能如是見得。便乃去住自由。約山僧見處。勿嫌底法。爾若愛聖。聖者聖之名。有一般學人。向五臺山裏求文殊。早錯了也。五臺山無文殊。爾欲識文殊麼。祇爾目前用處。始終不異。處處不疑。此箇是活文殊。爾一念心無差別光。處處總是真普賢。爾一念心自能解縛。隨處解脫。此是觀音。三昧法。互為主伴。出則一時出。一即三三即一。如是解得始好看教。

師示眾云。如今學道人且要自信。莫向外覓。總上他閑塵境。都不辨邪正。祇如有祖有佛。皆是教迹中事。有人拈起一句子語。或隱顯中出。便即疑生。照天照地。傍家尋問。也大[1]忙然。大丈夫兒。莫祇麼論主論賊。論是論非。論色論財。論說閑話過日。山僧此間不論僧俗。但有來者盡識得伊。任伊向甚處出來。但有聲名文句。皆是夢幻。却見乘境底人。是諸佛之玄旨。佛境不能自稱我是佛境。還是這箇無依道人。乘境出來。若有人出來問我求佛。我即應清淨境出。有人問我菩薩。我即應慈悲境出。有人問我菩提。我即應淨妙境出。有人問我涅槃。我即應寂靜境出。境即萬般差別。人即不別。所以應物現形。如水中月。道流。爾若欲得如法。直須是大丈夫兒始得。若萎萎隨隨地。則不得也。夫如[斯/瓦]嘎(上音西下所嫁切)之器。不堪貯醍醐。如大器者。直要不受人惑。隨處作主立處皆真。但有來者皆不得受。爾一念疑。即魔入心。如菩薩疑時。生死魔得便。但能息念。更莫外求。物來則照。爾但信現今用底。一箇事也無。爾一念心生三界。隨緣被境分為六塵。爾如今應用處。欠少什麼。一剎那間便入淨入穢。入彌勒樓閣。入三眼國土。處處遊履。唯見空名。

問如何是三眼國土。師云。我共爾入淨妙國土中。著清淨衣。說法身佛。又入無差別國土中。著無差別衣。說報身佛。又入解脫國土中。著光明衣。說化身佛。此三眼國土皆是依變。約經論家。取法身為根本。報化二身為用。山僧見處法身即不解說法。所以古人云。身依義立。土據體論。法性身法性土。明知是建立之法。依通國土。

空拳黃葉用誑小兒。蒺藜交刺枯骨上覓什麼汁。心外無法。內亦不可得。求什麼物。爾諸方言道。有修有證。莫錯。設有修得者。皆是生死業。爾言六度萬行齊修。我見皆是造業。求佛求法。即是造地獄業。求菩薩亦是造業。看經看教亦是造業。佛與祖師是無事人。所以有漏有為。無漏無為。為清淨業。有一般瞎禿子。飽喫飯了。便坐禪觀行。把捉念漏不令放起。厭喧求靜。是外道法。祖師云。爾若住心看靜。舉心外照。攝心內澄。凝心入定。如是之流皆是造作。是爾如今與麼聽法底人。作麼生擬修他證他莊嚴他。渠且不是修底物。不是莊嚴得底物。若教他莊嚴。一切物即莊嚴得。爾且莫錯。道流。爾取這一般老師口裏語。為是真道。是善知識不思議。我是凡夫心。不敢測度他老宿。瞎屢生。爾一生祇作這箇見解。[2]辜負這一雙眼。冷噤噤地。如凍凌上驢駒相似。我不敢毀善知識。怕生口業。道流。夫大善知識。始敢毀佛毀祖。是非天下。排斥三藏教。罵辱諸小兒。向逆順中覓人。所以我於十二年中。求一箇業性。知芥子許不可得。若似新婦子禪師。便即怕趁出院。不與飯喫。不安不樂。自古先輩。到處人不信。被遞出始知是貴。若到處人盡肯。堪作什麼。所以師子一吼野干腦裂。道流。諸方說有道可修。有法可證。爾說證何法修何道。爾今用處欠少什麼物。修補何處。後生小阿師不會。便即信這般野狐精魅。許他說事。繫縛。

人。言道理行相應護惜三業始得成佛。如此說者如春細雨。古人云。路逢達道人。第一莫向道。所以言。若人修道道不行。萬般邪境競頭生。智劍出來無一物。明頭未

顯暗頭明。所以古人云。平常心是道。大德。覓什麼物。現今目前聽法無依道人。歷歷地分明。未曾欠少。爾若欲得與祖佛不別。但如是見。不用疑誤。爾心心不異。名之活祖。心若有異。則性相別。心不異故。即性相不別。

問如何是心心不異處。師云。爾擬問早異了也。性相各分。道流莫錯。世出世諸法。皆無自性。亦無生性。但有空名。名字亦空。爾祇麼認他閑名為實。大錯了也。設有皆是依變之境。有箇菩提依涅槃依解脫依三身依境智依菩薩依佛依。爾向依變國土中。覓什麼物。乃至三乘十二分教。皆是拭不淨故紙。佛是幻化身。祖是老比丘。爾還是娘生已否。爾若求佛。即被佛魔攝。爾若求祖。即被祖魔縛。爾若有求皆苦。不如無事。有一般秃比丘。向學人道。佛是究竟。於三大阿僧祇劫。修行果滿方始成道。道流。爾若道佛是究竟。緣什麼八十年後向拘尸羅城雙林樹間側臥而死去。佛今何在。明知與我生死不別。爾言三十二相八十種好是佛。轉輪聖王應是如來。明知是幻化。古人云。如來舉身相為順世間情恐人生斷見。權且立虛名。假言三十二。八十也空聲。有身非覺體。無相乃真形。爾道佛有六通。是不可思議。一切諸天神仙阿修羅大力鬼亦有神通。應是佛否。道流莫錯。祇如阿修羅與天帝釋戰。戰敗領八萬四千眷屬。入藕絲孔中藏。莫是聖否。如山僧所舉。皆是業通依通。夫如佛六通者不然。入色界不被色惑。入聲界不被聲惑。入香界不被香惑。入味界不被味惑。入觸界不被觸惑。入法界不被法惑。所以達六種色聲香味觸法皆是空相。不能繫縛此無依道人。雖是五蘊漏質。便是地行神通。道流。真佛無形真法無相。爾祇麼幻

化上頭作模作樣。設求得者。皆是野狐精魅。並不是真佛。是外道見解。夫如真學道人。並不取佛。不取菩薩羅漢。不取三界殊勝。迥無獨脫不與物拘。乾坤倒覆我更不疑。十方諸佛現前。為一念心喜。三塗地獄頓現。無一念心怖。緣何如此。我見諸法空相。變即有。不變即無。三界唯心萬法唯識。所以夢幻空花何勞把捉。唯有道流目前現今聽法底人。入火不燒入水不溺。入三塗地獄。如遊園觀。入餓鬼畜生而不受報。緣何如此。無嫌底法。爾若愛聖憎凡。生死海裏沈浮。煩惱由心故有。無心煩惱何拘。不勞分別取相。自然得道須臾。爾擬傍家波波地學得。於三祇劫中終歸生死。不如無事向叢林中床角頭交脚坐。道流。如諸方有學人來。主客相見了。便有一句子語。辨前頭善知識。被學人拈出箇機權語路。向善知識口角頭擻過。看爾識不識。爾若識得是境。把得便拋向坑子裏。學人便即尋常。然後便索善知識語。依前奪之。學人云。上智哉是大善知識。即云。爾大不識好惡。如善知識。把出箇境塊子。向學人面前弄。前人辨得下下作主。不受境惑。善知識便即現半身。學人便喝。善知識又入一切差別語路中擺撲。學人云。不識好惡老禿奴。善知識歎曰。真正道流。如諸方善知識。不辨邪正。學人來問菩提涅槃三身境智。瞎老師便與他解說。被他學人罵著。便把棒打他言無禮度。自是爾善知識無眼。不得嗔他。有一般不識好惡禿奴。即指東劃西。好晴好雨。好燈籠露柱。爾看眉毛有幾莖。這箇具機緣。學人不會。便即心狂。如是之流。總是野狐精魅魍魎。被他好學人嗔嗔微笑。言瞎老禿奴惑亂他天下人。道流。出家兒且要學道。祇如山僧。往日曾向毘尼中留心。亦曾於經論尋討。後方知是濟世藥表顯之

說。遂乃一時拋却即訪道參禪。後遇大善知識。方乃道眼分明。始識得天下老和尚。知其邪正。不是娘生下便會。還是體究練磨一朝自省。道流。爾欲得如法見解。但莫受人惑。向裏向外逢著便殺。逢佛殺佛。逢祖殺祖。逢羅漢殺羅漢。逢父母殺父母。逢親眷殺親眷。始得解脫。不與物拘。透脫自在。如諸方學道流。未有不依物出來底。山僧向此間從頭打。手上出來手上打。口裏出來口裏打。眼裏出來眼裏打。未有一箇獨脫出來底。皆是上他古人閑機境。山僧。無一法與人。祇是治病解縛。爾諸方道流。試不依物出來。我要共爾商量。十年五歲並無一人。皆是依草附葉竹木精靈野狐精魅。向一切糞塊上亂咬。瞎漢枉消他十方信施。道我是出家兒。作如是見解。向爾道。無佛無法無修無證。祇與麼傍家擬求什麼物。瞎漢頭上安頭。是爾欠少什麼。道流。是爾目前用底。與祖佛不別。祇麼不信便向外求。莫錯向外無法。內亦不可得。爾取山僧口裏語。不如休歇無事去。已起者莫續。未起者不要放起。便勝爾十年行脚。約山僧見處。無如許多般。祇是平常著衣喫飯無事過時。爾諸方來者。皆是有心。求佛求法。求解脫求出離三界。癡人。爾要出三界什麼處去。佛祖是賞繫底名句。爾欲識三界麼。不離爾今聽法底心地。爾一念心貪是欲界。爾一念心瞋是色界。爾一念心癡是無色界。是爾屋裏家具子。三界不自道我是三界。還是道流目前靈靈地照燭萬般酌度世界底人。與三界安名。大德。四大色身是無常。乃至脾胃肝膽髮毛爪齒。唯見諸法空相。爾一念心歇得處。喚作菩提樹。爾一念心不能歇得處。喚作無明樹。無明無住處。無明無始終。爾若念念心歇不得。便上他無明樹。便入六道四生披毛戴角。爾若歇得。便是清

淨身界。爾一念不生。便是上菩提樹。三界神通變化意生化身。法喜禪悅身光自照。思衣羅綺千重。思食百味具足。更無橫病。菩提無住處。是故無得者。道流。大丈夫漢更疑箇什麼。目前用處更是阿誰。把得便用。莫著名字。號為玄旨。與麼見得。勿嫌底法。古人云。心隨萬境轉。轉處實能幽。隨流認得性。無喜亦無憂。道流。如禪宗見解。死活循然。參學之人大須子細。如主客相見。便有言論往來。或應物現形。或全體作用。或把機權喜怒。或現半身。或乘師子。或乘象王。如有真正學人。便喝先拈出一箇膠盆子。善知識不辨是境。便上他境上作模作樣。學人便喝。前人不肯放。此是膏肓之病不堪醫。喚作客看主。或是善知識不拈出物。隨學人問處即奪。學人被奪抵死不放。此是主看客。或有學人。應一箇清淨境出善知識前。善知識辨得是境。把得拋向坑裏。學人言。大好善知識。即云。咄哉不識好惡。學人便禮拜。此喚作主看主。或有學人。披枷帶鎖出善知識前。善知識更與安一重枷鎖。學人歡喜。彼此不辨。呼為客看客。大德。山僧如是所舉。皆是辨魔揀異。知其邪正。道流。寔情大難。佛法幽玄。解得可可地。山僧竟日與他說破。學者總不在意。千遍萬遍腳底踏過。黑沒焮地。無一箇形段。歷歷孤明。學人信不及。便向名句上生解。年登半百。祇管傍家負死屍行。檐却檐子天下走。索草鞋錢有日在。大德。山僧說向外無法。學人不會。便即向裏作解。便即倚壁坐。舌拄上齶。湛然不動。取此為是祖門佛法也。大錯。是爾若取不動清淨境為是。爾即認他無明為郎主。古人云。湛湛黑暗深坑。寔可怖畏。此之是也。爾若認他動者是。一切草木皆解動。應可是道也。所以動者是風大。不動者是

地大。動與不動俱無自性。爾若向動處捉他。他向不動處立。爾若向不動處捉他。他向動處立。譬如潛泉魚鼓波而自躍。大德。動與不動是二種境。還是無依道人用動用不動。如諸方學人來。山僧此間作三種根器斷。如中下根器來。我便奪其境。而不除其法。或中上根器來。我便境法俱奪。如上上根器來。我便境法人俱不奪。如有出格見解人來。山僧此間便全體作用不歷根器。大德。到這裏學人著力處不通風。石火電光即過了也。學人若眼定動。即沒交涉。擬心即差。動念即乖。有人解者不離目前。大德。爾檐鉢囊屎檐子。傍家走求佛求法。即今與麼馳求底。爾還識渠麼。活[*]撥撥地。祇是勿根株。擁不聚撥不散。求著即轉遠。不求還在目前。靈音屬耳。若人不信。徒勞百年。道流。一剎那間便入華藏世界。入毘盧遮那國土。入解脫國土。入神通國土。入清淨國土。入法界。入穢入淨。入凡入聖。入餓鬼畜生。處處討覓尋皆。不見有生有死。唯有空名。幻化空花不勞把捉。得失是非一時放却。道流。山僧佛法的的相承。從麻谷和尚丹霞和尚道一和尚廬山拽石頭和尚。一路行遍天下。無人信得。盡皆起謗。如道一和尚用處。純一無雜。學人三百五百。盡皆不見他意。如廬山和尚。自在真正順逆用處。學人不測涯際。悉皆[*]忙然。如丹霞和尚。翫珠隱顯。學人來者皆悉被罵。如麻谷用處。苦如黃蘗近[1]皆不得。如石鞏用處。向箭頭上覓人。來者皆懼。如山僧今日用處。真正成壞。翫弄神變。入一切境。隨處無事。境不能換。但有來求者。我即便出看渠。渠不識我。我便著數般衣。學人生解一向入我言句。苦哉瞎禿子無眼人把我著底衣。認青黃赤白。我脫却入清淨境中。學人一見便生忻欲。我又脫却。

學人失心[*]忙然狂走言。我無衣。我即向渠道爾識我著衣底人否。忽爾回頭。認我了也。大德。爾莫認衣。衣不能動。人能著衣。有箇清淨衣。有箇無生衣菩提衣。涅槃衣。有祖衣。有佛衣。大德。但有聲名文句。皆悉是衣變。從臍輪氣海中鼓激。牙齒敲磕成其句義。明知是幻化。大德。外發聲語業。內表心所法。以思有念。皆悉是衣。爾祇麼認他著底衣為寔解。縱經塵劫祇是衣通。三界循環輪回生死。不如無事。相逢不相識。共語不知名。今時學人不得。蓋為認名字為解。大策子上抄死老漢語。三重五重複子裏。不教人見。道是玄旨。以為保重。大錯。瞎屢生。爾向枯骨上覓什麼汁。有一般不識好惡。向教中取意度商量成於句義。如把屎塊子向口裏含了吐過與別人。猶如俗人打傳口令相似。一生虛過也。道我出家被他問著佛法。便即杜口無詞。眼似漆突。口如槁櫓。如此之類。逢彌勒出世。移置他方世界。寄地獄受苦。大德。爾波波地往諸方覓什麼物。踏爾腳板。闕無佛可求。無道可成。無法可得。外求有相佛。與汝不相似。欲識汝本心。非合亦非離。道流。真佛無形。真道無體。真法無相。三法混融和合一處。辨既不得。喚作[*]忙忙業識眾生。

問如何是真佛真法真道。乞垂開示。師云。佛者心清淨是。法者心光明是。道者處處無礙淨光是。三即一皆是空名。而無寔有。如真正學道人。念念心不間斷。自達磨大師從西土來。祇是覓箇不受人惑底人。後遇二祖。一言便了。始知從前虛用功夫。山僧今日見處與祖佛不別。若第一句中得。與祖佛為師。若第二句中得。與人天為師。若第三句中得。自救不了。

問如何是西來意。師云。若有意。自救不了。云既無意。云何二祖得法。師云。得者是不得。云既若不得。云何是不得底意。師云。為爾向一切處馳求心不能歇。所以祖師言。咄哉丈夫。將頭覓頭。爾言下便自回光返照。更不別求。知身心與祖佛不別。當下無事。方名得法。大德。山僧今時事不獲已。話度[1]說出許多不才淨。爾且莫錯。據我見處。寔無許多般道理。要用便用。不用便休。祇如諸方說六度萬行以為佛法。我道是莊嚴門佛事門。非是佛法。乃至持齋持戒。擎油不[泳-永+閃]。道眼不明。盡須抵債。索飯錢有日在。何故如此。入道不通理。復身還信施。長者八十一。其樹不生耳。乃至孤峯獨宿。一食卯齋。長坐不臥。六時行道。皆是造業底人。乃至頭目髓腦國城妻子象馬七珍盡皆捨施。如是等見。皆是苦身心故。還招苦果。不如無事純一無雜。乃至十地滿心菩薩。皆求此道流蹤跡。了不可得。所以諸天歡喜。地神捧足。十方諸佛無不稱歎。緣何如此。為今聽法道人用處無蹤跡。

問大通智勝佛。十劫坐道場。佛法不現前。不得成佛道。未審此意如何。乞師指示。師云。大通者。是自己。於處處達其萬法無性無相。名為大通。智勝者。於一切處不疑不得一法。名為智勝。佛者。心清淨光明透徹法界。得名為佛。十劫坐道場者。十波羅密是。佛法不現前者。佛本不生。法本不滅云何更有現前。不得成佛道者。佛不應更作佛。古人云。佛常在世間。而不染世間法。道流。爾欲得作佛。莫隨萬物。心生種種法生。心滅種種法滅。一心不生萬法無咎。世與出世。無佛無法。亦不現前。亦

不曾失。設有者。皆是名言章句。接引小兒施設藥病。表顯名句。且名句不自名句。還是爾目前昭昭靈靈鑒覺聞知照燭底。安一切名句。大德。造五無間業。方得解脫。

問如何是五無間業。師云。殺父害母。出佛身血。破和合僧。焚燒經像等。此是五無間業。云如何是父。師云。無明是父。爾一念心求起滅處不得。如響應空。隨處無事。名為殺父。云如何是母。師云。貪愛為母。爾一念心入欲界中。求其貪愛。唯見諸法空相。處處無著。名為害母。云如何是出佛身血。師云。爾向清淨法界中。無一念心生解。便處處黑暗。是出佛身血。云如何是破和合僧。師云。爾一念心正達煩惱結使如空無所依。是破和合僧。云如何是焚燒經像。師云。見因緣空。心空法空。一念決定斷。迥然無事。便是焚燒經像。大德。若如是達得。免被他凡聖名礙。爾一念心祇向空拳指上生寔解。根境法中虛捏怪。自輕而退屈言。我是凡夫他是聖人。禿屢生。有甚死急。披他師子皮。却作野干鳴。大丈夫漢。不作丈夫氣息。自家屋裏物不肯信。祇麼向外覓。上他古人閑名句。倚陰博陽。不能特達。逢境便緣。逢塵便執。觸處惑起。自無准定道流。莫取山僧說處。何故。說無憑據。一期間圖畫虛空。如彩畫像等喻。道流。莫將佛為究竟。我見猶如廁孔。菩薩羅漢盡是枷鎖縛人底物。所以文殊仗劍殺於瞿曇。鳶掘持刀害於釋氏。道流。無佛可得。乃至三乘五性圓頓教迹。皆是一期藥病相治。並無實法。設有皆是相似。表顯路布。文字差排。且如是說。道流。有一般禿子。便向裏許著功。擬求出世之法。錯了也。若人求佛。是人失佛。若人求道。是人失道。若人求祖。是

人失祖。大德莫錯。我且不取爾解經論。我亦不取爾國王大臣。我亦不取爾辯似懸河。我亦不取爾聰明智慧。唯要爾真正見解。道流。設解得百本經論。不如一箇無事底阿師。爾解得。即輕蔑他人。勝負修羅。人我無明。長地獄業。如善星比丘。解十二分教。生身陷地獄。大地不容。不如無事休歇去。飢來喫飯。睡來合眼。愚人笑我。智乃知焉。道流。莫向文字中求。心動疲勞。吸冷氣無益。不如一念緣起無生。超出三乘權學菩薩。大德。莫因循過日。山僧往日未有見處時。黑漫漫地。光陰不可空過。腹熱心忙。奔波訪道。後還得力。始到今日。共道流如是話度。勸諸道流。莫為衣食。看世界易過。善知識難遇。如優曇花時一現耳。爾諸方聞道有箇臨濟老漢出來。便擬問難教語不得。被山僧全體作用。學人空開得眼。口總動不得。懵然不知以何答我。我向伊道。龍象蹴踏非驢所堪。爾諸處祇指胸點肋。道我解禪解道。三箇兩箇到這裏不奈何。咄哉。爾將這箇身心。到處簸兩片皮。誑謔閭閻。喫鐵棒有日在。非出家兒。盡向阿修羅界攝。夫如至理之道。非諍論而求激揚。鏗鏘以摧外道。至於佛祖相承。更無別意。設有言教。落在化儀三乘五性人天因果。如圓頓之教。又且不然。童子善財皆不求過。大德。莫錯用心。如大海不停死屍。祇麼擔却擬天下走。自起見障以礙於心。日上無雲。麗天普照。眼中無翳。空裏無花。道流。爾欲得如法。但莫生疑。展則彌綸法界。收則絲髮不立。歷歷孤明未曾欠少。眼不見耳不聞。喚作什麼物。古人云。說似一物則不中。爾但自家看。更有什麼。說亦無盡。各自著力。珍重。

勘辨

黃蘗因入厨次。問飯頭。作什麼。飯頭云。揀眾僧米。黃蘗云。一日喫多少。飯頭云。二石五。黃蘗云。莫太多麼。飯頭云。猶恐少在。黃蘗便打。飯頭却舉似師。師云。我為汝勘這老漢。纔到侍立次。黃蘗舉前話。師云。飯頭不會。請和尚代一轉語。師便問。莫太多麼。黃蘗云。何不道來日更喫一頓。師云。說什麼來日。即今便喫。道了便掌。黃蘗云。這風顛漢。又來這裏捋虎鬚。師便喝出去。後滄山問仰山。此二尊宿意作麼生。仰山云。和尚作麼生。滄山云。養子方知父慈。仰山云不然。滄山云。子又作麼生。仰山云。大似勾賊破家。

師問僧。什麼處來。僧便喝。師便揖坐。僧擬議。師便打。師見僧來便豎起拂子僧禮拜。師便打。又見僧來亦豎起拂子。僧不顧。師亦打。

師一日同普化赴施主家齋次。師問。毛吞巨海芥納須彌。為是神通妙用本體如然。普化踏倒飯床。師云。太龜生。普化云。這裏是什麼所在。說龜說細。師來日又同普化赴齋。問今日供養何似昨日。普化依前踏倒飯床。師云。得即得。太龜生。普化云。瞎漢。佛法說什麼龜細。師乃吐舌。

師一日與河陽木塔長老。同在僧堂地爐內坐。因說。普化每日在街市掣風掣顛。知他是凡是聖。言猶未了。普化入來。師便問。汝是凡是聖。普化云。汝且道。我是凡是聖。師便喝。普化以手指云。河陽新婦子。木塔老婆

禪。臨濟小廝兒。却具一隻眼。師云這賊。普化云賊賊。便出去。

一日普化在僧堂前喫生菜。師見云。大似一頭驢。普化便作驢鳴。師云這賊。普化云賊賊。便出去。

因普化常於街市搖鈴云。明頭來明頭打。暗頭來暗頭打。四方八面來旋風打。虛空來連架打。師令侍者去纔見如是道便把住云。總不與麼來時如何。普化托開云。來日大悲院裏有齋。侍者回舉似師。師云。我從來疑著這漢。

有一老宿參師。未曾人事便問。禮拜即是。不禮拜即是。師便喝。老宿便禮拜。師云。好箇草賊。老宿云賊賊。便出去。師云。莫道無事好。首座侍立次。師云。還有過也無。首座云有。師云。賓家有過。主家有過。首座云。二俱有過。師云。過在什麼處。首座便出去。師云。莫道無事好。後有僧舉似南泉。南泉云。官馬相踏。

師因入軍營赴齋。門首見員僚。師指露柱問。是凡是聖。員僚無語。師打露柱云。直饒道得。也祇是箇木橛。便入去。

師問院主。什麼處來。主云。州中糶黃米去來。師云。糶得盡麼。主云。糶得盡。師以杖面前畫一畫云。還糶得這箇麼。主便喝。師便打。典座至。師舉前語。典座云。院主不會和尚意。師云。爾作麼生。典座便禮拜。師亦打。有座主來相看次。師問座主。講何經說。主云。某甲荒虛粗習百法論。師云。有一人於三乘十二分教明得。有一人於三乘十二分教明不得。是同是別。主云。明得即

同。明不得即別。樂普為侍者。在師後立云。座主這裏是什麼所在。說同說別。師回首問侍者。汝又作麼生。侍者便喝。師送座主。回來遂問侍者。適來是汝喝老僧。侍者云是。師便打。

師聞第二代德山垂示云。道得也三十棒。道不得也三十棒。師令樂普去問。道得為什麼也三十棒。待伊打汝接住棒送一送。看他作麼生。普到彼如教而問。德山便打。普接住送一送。德山便歸方丈。普回舉似師。師云。我從來疑著這漢。雖然如是。汝還見德山麼。普擬議。師便打。

王常侍一日訪師。同師於僧堂前看。乃問。這一堂僧還看經麼。師云。不看經。侍云。還學禪麼。師云。不學禪。侍云。經又不看禪又不學。畢竟作箇什麼。師云。總教伊成佛作祖去。侍云。金屑雖貴落眼成翳。又作麼生。師云。將[1]為爾是箇俗漢。

師問杏山。如何是露地白牛。山云。咩咩。師云。啞那。山云。長老作麼生。師云。這畜生。

師問樂普云。從上來一人行棒一人行喝。阿那箇親。普云。總不親。師云。親處作麼生。普便喝。師乃打。

師見僧來。展開兩手。僧無語。師云會麼。云不會。師云。渾崙擘不開。與爾兩文錢。

大覺到參。師舉起拂子。大覺敷坐具。師擲下拂子。大覺收坐具入僧堂。眾僧云。這僧莫是和尚親故。不禮拜

又不喫棒。師聞令喚覺。覺出。師云。大眾道。汝未參長老。覺云不審。便自歸眾。

趙州行脚時參師。遇師洗脚次。州便問。如何是祖師西來意。師云。恰值老僧洗脚。州近前作聽勢。師云。更要第二杓惡水潑在。州便下去。

有定上座到參。問如何是佛法大意。師下繩床。擒住與一掌。便托開。定佇立。傍僧云。定上座何不禮拜。定方禮拜。忽然大悟。

麻谷到參。敷坐具問。十二面觀音。阿那面正。師下繩床。一手收坐具。一手搗麻谷云。十二面觀音。向什麼處去也。麻谷轉身擬坐繩床。師拈拄杖打。麻谷接却相捉入方丈。

師問僧。有時一喝如金剛王寶劍。有時一喝如踞地金毛師子。有時一喝如探竿影草。有時一喝不作一喝用。汝作麼生會。僧擬議。師便喝。

師問一尼。善來惡來。尼便喝。師拈棒云。更道更道。尼又喝。師便打。

龍牙問。如何是祖師西來意。師云。與我過禪板來。牙便過禪板與師。師接得便打。牙云。打即任打。要且無祖師意。牙後到翠微問。如何是祖師西來意。微云。與我過蒲團來。牙便過蒲團與翠微。翠微接得便打。牙云。打即任打。要且無祖師意。牙住院後有僧入室請益云。和尚行脚時參二尊宿因緣。還肯他也無。牙云。肯即深肯。要

且無祖師意。

徑山有五百眾。少人參請。黃蘗令師到徑山。乃謂師曰。汝到彼作麼生。師云。某甲到彼自有方便。師到徑山。裝腰上法堂見徑山。徑山方舉頭。師便喝。徑山擬開口。師拂袖便行。尋有僧問徑山。這僧適來有什麼言句。便喝和尚。徑山云。這僧從黃蘗會裏來。爾要知麼。[4]且問取他。徑山五百眾太半分散。

普化一日於街市中。就人乞直裰。人皆與之。普化俱不要。師令院主買棺一具。普化歸來。師云。我與汝做得箇直裰了也。普化便自擔去。繞街市叫云。臨濟與我做直裰了也。我往東門[5]遷化去。市人競隨看之。普化云。我今日未。來日往南門[*]遷化去。如是三日。人皆不信。至第四日無人隨看。獨出城外自入棺內。倩路行人釘之。即時傳布。市人競往開棺。乃見全身脫去。祇聞空中鈴響隱隱而去。

行錄

師初在黃蘗會下。行業純一。首座乃歎曰。雖是後生與眾有異。遂問。上座在此多少時。師云。三年。首座云。曾參問也無。師云。不曾參問。不知問箇什麼。首座云。汝何不去問堂頭和尚如何是佛法的大意。師便去問。聲未絕黃蘗便打。師下來。首座云。問話作麼生。師云。某甲問聲未絕。和尚便打。某甲不會。首座云。但更去問。師又去問。黃蘗又打。如是三度發問三度被打。師來白首座云。幸蒙慈悲。令某甲問訊和尚。三度發問三度

被打。自恨障緣不領深旨。今且辭去。首座云。汝若去時。須辭和尚去。師禮拜退。首座先到和尚處云。問話底後生。甚是如法。若來辭時。方便接他。向後穿鑿成一株大樹。與天下人作蔭涼去在。師去辭黃蘗。蘗云。不得往別處去。汝向高安灘頭大愚處去。必為汝說。師到大愚。大愚問。什麼處來。師云。黃蘗處來。大愚云。黃蘗有何言句。師云。某甲三度問佛法的的大意。三度被打。不知某甲有過無過。大愚云。黃蘗與麼老婆為汝得徹困。更來這裏問有過無過師於言下大悟云。元來黃蘗佛法無多子。大愚搥住云。這尿床鬼子。適來道有過無過。如今却道黃蘗佛法無多子。爾見箇什麼道理。速道速道。師於大愚脅下築三拳。大愚托開云。汝師黃蘗。非于我事。師辭大愚。却回黃蘗。黃蘗見來便問。這漢來來去去有什麼了期。師云。祇為老婆心切。便人事了侍立。黃蘗問。什麼處去來。師云。昨奉慈旨。令參大愚去來。黃蘗云。大愚有何言句。師遂舉前話。黃蘗云。作麼生得這漢來。待痛與一頓。師云。說什麼待來。即今便喫。隨後便掌。黃蘗云。這風顛漢。却來這裏捋虎鬚。師便喝。黃蘗云。侍者引這風顛漢參堂去。後為山舉此話問仰山。臨濟當時得大愚力。得黃蘗力。仰山云。非但騎虎頭。亦解[1]把虎尾。

師栽松次。黃蘗問。深山裏栽許多作什麼。師云。一與山門作境致。二與後人作標榜。道了將鑊頭打地三下。黃蘗云。雖然如是。子已喫吾三十棒了也。師又以鑊頭打地三下。作噓噓聲。黃蘗云。吾宗到汝大興於世。後為山舉此語問仰山。黃蘗當時祇囑臨濟一人。更有人在。仰山

云有。祇是年代深遠。不欲舉似和尚。滄山云。雖然如是。吾亦要知。汝但舉看。仰山云。一人指南吳越令行。遇大風即止(識風穴和尚也)師侍立德山次。山云。今日困。師云。這老漢寐語作什麼。山便打。師掀倒繩床。山便休。

師普請鋤地次。見黃蘗來。拄鐺而立。黃蘗云。這漢困那。師云。鐺也未舉。困箇什麼。黃蘗便打。師接住棒。一送送倒。黃蘗喚。維那維那扶起我。維那近前扶云。和尚爭容得這風顛漢無禮。黃蘗纔起便打維那。師鐺地云。諸方火葬。我這裏一時活埋。後滄山問仰山。黃蘗打維那意作麼生。仰山云。正賊走却。邏蹤人喫棒。師一日在僧堂前坐。見黃蘗來。便閉却目。黃蘗乃作怖勢。便歸方丈。師隨至方丈禮謝。首座。在黃蘗處侍立。黃蘗云。此僧雖是後生。却知有此事。首座云。老和尚脚跟不點地。却證據箇後生。黃蘗自於口上打一擱。首座云。知即得。

師在堂中睡。黃蘗下來見。以拄杖打板頭一下。師舉頭見是黃蘗却睡。黃蘗又打板頭一下。却往上問。見首座坐禪乃云。下間後生却坐禪。汝這裏妄想作什麼。首座云。這老漢作什麼。黃蘗打板頭一下。便出去。後滄山問仰山。黃蘗入僧堂意作麼生。仰山云。兩彩一賽。

一日普請次。師在後行。黃蘗回頭見師空手乃問。鐺頭在什麼處。師云。有一人將去了也。黃蘗云。近前來。共汝商量箇事。師便近前。黃蘗豎起鐺頭云。祇這箇。天下人拈掇不起。師就手掣得豎起云。為什麼却在某甲手

裏。黃蘗云。今日大有人普請。便歸院。後滄山問仰山。鑊頭在黃蘗手裏。為什麼却被臨濟奪却。仰山云。賊是小人智過君子。

師為黃蘗馳書去滄山。時仰山作知客。接得書便問。這箇是黃蘗底。那箇是專使底。師便掌。仰山約住云。老兄知是般事便休。同去見滄山。滄山便問。黃蘗師兄多少眾。師云。七百眾。滄山云。什麼人為導首。師云。適來已達書了也。師却問滄山。和尚此間多少眾。滄山云。一千五百眾。師云。太多生。滄山云。黃蘗師兄亦不少。師辭滄山。仰山送出云。汝向後北去有箇住處。師云。豈有與麼事。仰山云。但去已後有一人佐輔老兄在。此人祇是有頭無尾。有始無終。師後倒鎮州。普化已在彼中。師出世。普化佐贊於師。師住未久。普化全身脫去。

師因半夏上黃蘗。見和尚看經。師云。我將謂是箇人。元來是[4]揸黑豆老和尚。住數日乃辭去。黃蘗云。汝破夏來。不終夏去。師云。某甲暫來禮拜和尚。黃蘗遂打趁令去。師行數里。疑此事。却回終夏。師一日辭黃蘗。蘗問。什麼處去。師云。不是河南便歸河北。黃蘗便打。師約住與一掌。黃蘗大笑。乃喚侍者。將百丈先師禪板机案來。師云侍者將火來。黃蘗云。雖然如是。汝但將去。已後坐却天下人舌頭去在。後滄山問仰山。臨濟莫辜負他黃蘗也無。仰山云不然。滄山云。子又作麼生。仰山云。知恩方解報恩。滄山云。從上古人還有相似底也無。仰山云有。祇是年代深遠。不欲舉似和尚。滄山云。雖然如是。吾亦要知。子但舉看。仰山云。祇如楞嚴會上阿難讚佛云。將此深心奉塵刹。是則名為報佛恩。豈不是報恩

之事。滄山云。如是如是。見與師齊減師半德。見過於師方堪傳授。

師到達磨塔頭。塔主云。長老先禮佛先禮祖。師云。佛祖俱不禮。塔主云。佛祖與長老。是什麼冤家。師便拂袖而出。

師行脚時到龍光。光上堂。師出問云。不展鋒鋦。如何得勝。光據坐。師云。大善知識豈無方便。光瞪目云。噯。師以手指云。這老漢今日敗闕也。

到三峯平和尚。問曰。什麼處來。師云。黃蘗來。平云。黃蘗有何言句。師云。金牛昨夜遭塗炭。直至如今不見蹤。平云。金風吹玉管。那箇是知音。師云。直透萬重關。不住清霄內。平云。子這一問太高生。師云。龍生金鳳子。衝破碧琉璃。平云。且坐喫茶。又問。近離甚處。師云龍光。平云。龍光近日如何。師便出去。

到大慈。慈在方丈內坐。師問。端居丈室時如何。慈云。寒松一色千年別。野老拈花萬國春。師云。今古永超圓智體。三山鎖斷萬重關。慈便喝。師亦喝。慈云。作麼。師拂袖便出。

到襄州華嚴。嚴倚拄杖作睡勢。師云。老和尚瞌睡作麼。嚴云。作家禪客宛爾不同。師云。侍者點茶來與和尚喫。嚴乃喚維那。第三位安排這上座。

到翠峯峯問。甚處來。師云。黃蘗來。峯云。黃蘗有何言句指示於人。師云。黃蘗無言句。峯云。為什麼無。

師云。設有亦無舉處。峯云。但舉看。師云。一箭過西天。

到象田。師問。不凡不聖。請師速道。田云。老僧祇與麼。師便喝云。許多禿子。在這裏覓什麼碗。

到明化。化問。來來去去作什麼。師云。祇徒踏破草鞋。化云。畢竟作麼生。師云。老漢話頭也不識。

往鳳林。路逢一婆。婆問。甚處去。師云。鳳林去。婆云。恰值鳳林不在。師云。甚處去。婆便行。師乃喚婆。婆回頭。師便打。

到鳳林。林問。有事相借問。得麼。師云。何得剝肉作瘡。林云。海月澄無影。遊魚獨自迷。師云。海月既無影。遊魚何得迷。[2]鳳林云。觀風知浪起。翫水野帆飄。師云。孤輪獨照江山靜。自笑一聲天地驚。林云。任將三寸輝天地。一句臨機試道看。師云。路逢劍客須呈劍。不是詩人莫獻詩。鳳林便休。師乃有頌。大道絕同。任向西東。石火莫及。電光罔通。瀉山問仰山。石火莫及。電光罔通。從上諸聖將什麼為人。仰山云。和尚意作麼生。瀉山云。但有言說都無[3]寔義。仰山云。不然。瀉山云。子又作麼生。仰山云。官不容針私通車馬。

到金牛。牛見師來。橫按拄杖當門踞坐。師以手敲拄杖三下。却歸堂中第一位坐。牛下來見乃問。夫賓主相見各具威儀。上座從何而來。太無禮生。師云。老和尚道什麼。牛擬開口。師便打。牛作倒勢。師又打。牛云。今日不著便。瀉山問仰山。此二尊宿還有勝負也無。仰山云。

勝即總勝。負即總負。

師臨遷化時據坐云。吾滅後不得滅却吾正法眼藏。三聖出云。爭敢滅却和尚正法眼藏。師云。已後有人問爾。向他道什麼。三聖便喝。師云。誰知吾正法眼藏。向這瞎驢邊滅却。言訖端然示寂。

師諱義玄。曹州南華人也。俗姓邢氏。幼而穎異。長以孝聞。及落髮受具。居於講肆。精究毘尼。博蹟經論。俄而歎曰。此濟世之醫方也。非教外別傳之旨。即更衣游方。首參黃蘗。次謁大愚。其機緣語句載于行錄。既受黃蘗印可。尋抵河北鎮州城東南隅。臨滹沱河側。小院住持。其臨濟因地得名時普化先在彼。佯狂混眾。聖凡莫測。師至即佐之。師正旺化。普化全身脫去。乃符仰山小釋迦之懸記也。適丁兵革。師即棄去。太尉默君和於城中捨宅為寺。亦以臨濟為額。迎師居焉。後拂衣南邁至河府。府主王常侍。延以師禮。住未幾即來大名府興化寺居于東堂。師無疾忽一日攝衣據坐。與三聖問答畢。寂然而逝。時唐咸通八年丁亥孟陬月十日也。門人以師全身。建塔于大名府西北隅。勅諡慧照禪師。塔號澄靈。合掌稽首。記師大略。住鎮州保壽嗣法小師延沼謹書。

鎮州臨濟慧照禪師語錄終

住大名府興化嗣法小師存獎校勘

永享九年八月十五日板在法性寺東經所

LỜI TRI ÂN

Chúng tôi có một số trên 10 tác phẩm, do thời gian làm giáo thọ, hướng dẫn giảng dạy cho nhiều thế hệ tăng ni sinh ở Huế, tại các Phật Học Viện Huế từ nhiều năm qua mà ghi chép lại, nhưng chưa có duyên thuận để in ấn.

Nay, thấy tuổi tác không còn bao lâu nữa, nên đã lục ra, chỉ nh trang lại và hoàn chỉnh được 6 tác phẩm nhỏ, mang tính sách giáo khoa, có thể sử dụng ở các cấp học, Sơ đẳng – Trung đẳng và Cao đẳng Phật Học Viện.

1. Bát Thức Quy Củ Tụng

2. Duy Thức Tam Thập Tụng

Hai tập Duy thức này được đóng chung làm một.

3. Ngũ Lục, Thiển Sư Tuệ Chiếu, Tôn Lâm Tế

4. Phật Thừa Tôn Yếu Luận (Hiện Đại Phật Giáo Khái Luận)

5. Kinh Phạm Võng - Bồ Tát Tâm - Địa a - Giới

6. Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Chú

Còn một số tác phẩm nhỏ khác, chúng tôi sẽ cố gắng tiếp tục, nếu thời gian và sức khỏe cho phép.

Sáu tác phẩm đã được hoàn chỉnh như này, chúng tôi chỉ làm vi tính và cho photocopy mỗi tác phẩm 50 cuốn, để cúng dường pháp, lưu hành nội bộ, kỷ niệm.

Chúng tôi xin đa tạ, tiếp thu ý kiến xây dựng.

Thầy cũng cảm ơn các thầy:

Thích Minh Nhiếp

Thích Hạnh Dung

Thích Minh Đại

đã giúp thầy làm vi tính, sửa chữa bản photocopy và đóng thành sách.

Chúng tôi cũng xin niệm ân:

Anh Nguyễn Phó - PD: Nguyễn Pháp và gia đình

đã phát tâm hy cúng kinh phí để thầy hoàn thành số pháp bảo trên đây. Cầu Phật gia hộ anh Nguyễn Pháp - Nguyễn Phó và gia đình vạn sự cát tường.

Tỳ Kheo Thích Thiện Hạnh

Mục Lục

LÂM TẾ NGŨ LỤC

Lời dẫn đầu sách

I. Tựa	9
II. Ngũ lục (Đối trị căn cơ)	11
III. Khám biện (Kiểm định khả năng liễu ngộ)	62
IV. Du hành	79
V. Chú thích	104
VI. Phụ lục	143
1. Hành trạng Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền	143
2. Chánh văn Bản Hoa Ngữ, Từ Đại Chánh	
Tân Tu, Đại Tạng kinh (tập 47, kinh thứ 1985)	153

Sách Tham Khảo:

- Phật Quang Từ Điển: Hòa Thượng Thích Quảng Độ.
- Một số sách Thiền của Thiền sư Nhất Hạnh.
- Thiền sư Trung Hoa, Thiền Tông Việt Nam,
- Thiền sư Việt Nam: Hòa Thượng Thích Thanh Từ.
- Bích Nham Lục: Thiền sư Viên Ngộ.
- Thiền Luận 1 – 2 – 3.

